

THÔNG BÁO

THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 15/8/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 15/8/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 15/8/2024: Trước 16h30' ngày 12/8/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 12/8/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



Lâm Thị Mai Anh



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 15/8/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 12/8/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	51D-888.88	Hồ Chí Minh	1001	30L-699.96	Hà Nội	2001	38A-666.66	Hà Tĩnh
2	15K-366.88	Hải Phòng	1002	35A-439.79	Ninh Bình	2002	22A-268.68	Tuyên Quang
3	34A-898.99	Hải Dương	1003	51L-700.07	Hồ Chí Minh	2003	30L-868.65	Hà Nội
4	51L-889.99	Hồ Chí Minh	1004	61K-439.79	Bình Dương	2004	47A-777.79	Đắk Lắk
5	60K-498.89	Đồng Nai	1005	79A-555.58	Khánh Hòa	2005	72A-796.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
6	15K-355.53	Hải Phòng	1006	14A-951.59	Quảng Ninh	2006	14A-977.93	Quảng Ninh
7	17A-446.66	Thái Bình	1007	17A-469.96	Thái Bình	2007	17A-486.89	Thái Bình
8	19A-700.09	Phú Thọ	1008	19A-696.95	Phú Thọ	2008	18A-486.89	Nam Định
9	24A-305.55	Lào Cai	1009	19A-696.97	Phú Thọ	2009	19A-701.23	Phú Thọ
10	28A-246.66	Hòa Bình	1010	29K-300.09	Hà Nội	2010	20A-793.93	Thái Nguyên
11	30L-247.77	Hà Nội	1011	30L-478.89	Hà Nội	2011	20C-296.69	Thái Nguyên
12	30L-576.86	Hà Nội	1012	30L-499.69	Hà Nội	2012	30K-889.83	Hà Nội
13	30L-665.59	Hà Nội	1013	30L-888.23	Hà Nội	2013	30L-551.89	Hà Nội
14	30L-712.34	Hà Nội	1014	30L-889.22	Hà Nội	2014	30L-567.82	Hà Nội
15	30L-739.69	Hà Nội	1015	34A-827.77	Hải Dương	2015	30L-618.28	Hà Nội
16	30L-786.89	Hà Nội	1016	34A-889.66	Hải Dương	2016	30L-700.01	Hà Nội
17	30L-789.95	Hà Nội	1017	35A-444.48	Ninh Bình	2017	30L-725.55	Hà Nội
18	30M-012.35	Hà Nội	1018	36K-077.79	Thanh Hóa	2018	30L-777.45	Hà Nội
19	37K-400.01	Nghệ An	1019	36K-227.77	Thanh Hóa	2019	30L-786.66	Hà Nội
20	43A-900.01	Đà Nẵng	1020	37K-428.86	Nghệ An	2020	30L-881.83	Hà Nội
21	43A-905.55	Đà Nẵng	1021	47A-738.39	Đắk Lắk	2021	30L-949.96	Hà Nội
22	43A-926.86	Đà Nẵng	1022	48A-238.83	Đắk Nông	2022	30M-026.86	Hà Nội
23	51D-865.68	Hồ Chí Minh	1023	51L-426.66	Hồ Chí Minh	2023	34A-876.66	Hải Dương
24	51L-125.68	Hồ Chí Minh	1024	51L-765.55	Hồ Chí Minh	2024	34A-889.97	Hải Dương
25	51L-444.49	Hồ Chí Minh	1025	51L-769.68	Hồ Chí Minh	2025	34A-897.77	Hải Dương
26	51L-465.55	Hồ Chí Minh	1026	51L-769.97	Hồ Chí Minh	2026	34A-897.97	Hải Dương
27	51L-485.85	Hồ Chí Minh	1027	51L-800.01	Hồ Chí Minh	2027	38A-666.78	Hà Tĩnh
28	51L-527.77	Hồ Chí Minh	1028	61K-444.48	Bình Dương	2028	38A-669.93	Hà Tĩnh
29	51L-656.69	Hồ Chí Minh	1029	61K-469.99	Bình Dương	2029	47A-715.55	Đắk Lắk
30	51L-686.87	Hồ Chí Minh	1030	61K-500.09	Bình Dương	2030	51L-448.89	Hồ Chí Minh
31	51L-749.99	Hồ Chí Minh	1031	68A-358.58	Kiên Giang	2031	51L-499.69	Hồ Chí Minh
32	51L-766.62	Hồ Chí Minh	1032	75A-386.79	Thừa Thiên Huế	2032	51L-666.58	Hồ Chí Minh
33	51L-768.65	Hồ Chí Minh	1033	76A-288.82	Quảng Ngãi	2033	51L-669.97	Hồ Chí Minh
34	51L-849.99	Hồ Chí Minh	1034	76A-308.88	Quảng Ngãi	2034	51L-805.55	Hồ Chí Minh
35	51L-888.65	Hồ Chí Minh	1035	79A-555.25	Khánh Hòa	2035	51L-826.69	Hồ Chí Minh
36	61K-488.86	Bình Dương	1036	79A-566.69	Khánh Hòa	2036	61K-458.86	Bình Dương
37	64A-200.09	Vĩnh Long	1037	79A-566.86	Khánh Hòa	2037	62A-444.40	Long An
38	65A-469.96	Cần Thơ	1038	93A-500.01	Bình Phước	2038	62A-468.64	Long An
39	66A-288.89	Đồng Tháp	1039	93A-500.09	Bình Phước	2039	72A-781.18	Bà Rịa - Vũng Tàu
40	70A-566.65	Tây Ninh	1040	98A-800.01	Bắc Giang	2040	72A-798.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
41	73A-366.69	Quảng Bình	1041	98A-823.45	Bắc Giang	2041	77A-327.77	Bình Định
42	81A-444.42	Gia Lai	1042	98A-845.67	Bắc Giang	2042	79A-555.53	Khánh Hòa
43	90A-263.88	Hà Nam	1043	98A-848.68	Bắc Giang	2043	81A-427.77	Gia Lai
44	93A-486.88	Bình Phước	1044	99A-777.73	Bắc Ninh	2044	89A-497.97	Hưng Yên
45	94A-108.88	Bạc Liêu	1045	99A-828.58	Bắc Ninh	2045	90A-286.69	Hà Nam
46	30L-180.99	Hà Nội	1046	30L-182.39	Hà Nội	2046	30L-177.39	Hà Nội
47	30L-181.69	Hà Nội	1047	30L-185.79	Hà Nội	2047	30L-182.55	Hà Nội
48	30L-183.69	Hà Nội	1048	30L-190.69	Hà Nội	2048	30L-184.99	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
49	30L-199.00	Hà Nội	1049	30L-198.69	Hà Nội	2049	30L-196.33	Hà Nội
50	30L-200.44	Hà Nội	1050	30L-209.39	Hà Nội	2050	30L-197.88	Hà Nội
51	30L-209.69	Hà Nội	1051	30L-210.01	Hà Nội	2051	30L-201.11	Hà Nội
52	30L-219.69	Hà Nội	1052	30L-226.33	Hà Nội	2052	30L-203.86	Hà Nội
53	30L-222.48	Hà Nội	1053	30L-227.33	Hà Nội	2053	30L-204.40	Hà Nội
54	30L-224.69	Hà Nội	1054	30L-227.39	Hà Nội	2054	30L-211.69	Hà Nội
55	30L-244.11	Hà Nội	1055	30L-250.44	Hà Nội	2055	30L-214.69	Hà Nội
56	30L-253.79	Hà Nội	1056	30L-251.22	Hà Nội	2056	30L-222.78	Hà Nội
57	30L-263.39	Hà Nội	1057	30L-253.39	Hà Nội	2057	30L-227.68	Hà Nội
58	30L-265.89	Hà Nội	1058	30L-264.86	Hà Nội	2058	30L-242.39	Hà Nội
59	30L-275.88	Hà Nội	1059	30L-270.89	Hà Nội	2059	30L-242.66	Hà Nội
60	30L-280.08	Hà Nội	1060	30L-273.37	Hà Nội	2060	30L-244.68	Hà Nội
61	30L-294.66	Hà Nội	1061	30L-274.68	Hà Nội	2061	30L-253.68	Hà Nội
62	30L-302.79	Hà Nội	1062	30L-274.69	Hà Nội	2062	30L-267.39	Hà Nội
63	30L-307.68	Hà Nội	1063	30L-275.89	Hà Nội	2063	30L-270.70	Hà Nội
64	30L-311.69	Hà Nội	1064	30L-284.66	Hà Nội	2064	30L-276.99	Hà Nội
65	30L-313.31	Hà Nội	1065	30L-304.44	Hà Nội	2065	30L-280.79	Hà Nội
66	30L-314.66	Hà Nội	1066	30L-308.79	Hà Nội	2066	30L-281.39	Hà Nội
67	30L-315.69	Hà Nội	1067	30L-310.86	Hà Nội	2067	30L-287.78	Hà Nội
68	30L-321.66	Hà Nội	1068	30L-317.86	Hà Nội	2068	30L-302.99	Hà Nội
69	30L-321.69	Hà Nội	1069	30L-319.66	Hà Nội	2069	30L-305.39	Hà Nội
70	30L-329.55	Hà Nội	1070	30L-322.11	Hà Nội	2070	30L-312.22	Hà Nội
71	30L-330.99	Hà Nội	1071	30L-324.79	Hà Nội	2071	30L-315.39	Hà Nội
72	30L-334.39	Hà Nội	1072	30L-334.89	Hà Nội	2072	30L-317.17	Hà Nội
73	30L-340.99	Hà Nội	1073	30L-342.68	Hà Nội	2073	30L-320.39	Hà Nội
74	30L-348.89	Hà Nội	1074	30L-344.68	Hà Nội	2074	30L-321.79	Hà Nội
75	30L-350.79	Hà Nội	1075	30L-352.99	Hà Nội	2075	30L-324.39	Hà Nội
76	30L-351.11	Hà Nội	1076	30L-367.88	Hà Nội	2076	30L-333.57	Hà Nội
77	30L-378.87	Hà Nội	1077	30L-370.89	Hà Nội	2077	30L-342.69	Hà Nội
78	30L-380.38	Hà Nội	1078	30L-374.44	Hà Nội	2078	30L-347.39	Hà Nội
79	30L-384.88	Hà Nội	1079	30L-375.57	Hà Nội	2079	30L-348.86	Hà Nội
80	30L-403.33	Hà Nội	1080	30L-380.39	Hà Nội	2080	30L-351.66	Hà Nội
81	30L-406.33	Hà Nội	1081	30L-394.68	Hà Nội	2081	30L-372.79	Hà Nội
82	30L-409.90	Hà Nội	1082	30L-397.22	Hà Nội	2082	30L-376.99	Hà Nội
83	30L-430.86	Hà Nội	1083	30L-404.66	Hà Nội	2083	30L-387.38	Hà Nội
84	30L-433.22	Hà Nội	1084	30L-405.86	Hà Nội	2084	30L-388.77	Hà Nội
85	30L-433.86	Hà Nội	1085	30L-407.79	Hà Nội	2085	30L-394.66	Hà Nội
86	30L-441.14	Hà Nội	1086	30L-413.99	Hà Nội	2086	30L-401.99	Hà Nội
87	30L-443.66	Hà Nội	1087	30L-420.02	Hà Nội	2087	30L-404.22	Hà Nội
88	30L-448.79	Hà Nội	1088	30L-424.39	Hà Nội	2088	30L-405.69	Hà Nội
89	30L-448.99	Hà Nội	1089	30L-425.66	Hà Nội	2089	30L-407.86	Hà Nội
90	30L-459.88	Hà Nội	1090	30L-428.89	Hà Nội	2090	30L-432.39	Hà Nội
91	30L-465.79	Hà Nội	1091	30L-430.68	Hà Nội	2091	30L-433.34	Hà Nội
92	30L-470.39	Hà Nội	1092	30L-436.68	Hà Nội	2092	30L-437.86	Hà Nội
93	30L-471.69	Hà Nội	1093	30L-450.99	Hà Nội	2093	30L-440.39	Hà Nội
94	30L-473.33	Hà Nội	1094	30L-452.39	Hà Nội	2094	30L-444.29	Hà Nội
95	30L-476.69	Hà Nội	1095	30L-453.33	Hà Nội	2095	30L-445.69	Hà Nội
96	30L-477.86	Hà Nội	1096	30L-457.88	Hà Nội	2096	30L-445.86	Hà Nội
97	30L-480.99	Hà Nội	1097	30L-458.39	Hà Nội	2097	30L-451.68	Hà Nội
98	30L-482.86	Hà Nội	1098	30L-463.36	Hà Nội	2098	30L-454.45	Hà Nội
99	30L-488.79	Hà Nội	1099	30L-472.39	Hà Nội	2099	30L-459.89	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
100	30L-492.39	Hà Nội	1100	30L-481.11	Hà Nội	2100	30L-460.99	Hà Nội
101	30L-492.66	Hà Nội	1101	30L-482.55	Hà Nội	2101	30L-465.56	Hà Nội
102	30L-495.88	Hà Nội	1102	30L-488.39	Hà Nội	2102	30L-466.00	Hà Nội
103	30L-498.66	Hà Nội	1103	30L-493.89	Hà Nội	2103	30L-479.66	Hà Nội
104	30L-499.68	Hà Nội	1104	30L-494.89	Hà Nội	2104	30L-482.22	Hà Nội
105	30L-504.89	Hà Nội	1105	30L-498.79	Hà Nội	2105	30L-482.79	Hà Nội
106	30L-510.88	Hà Nội	1106	30L-503.79	Hà Nội	2106	30L-484.88	Hà Nội
107	30L-511.89	Hà Nội	1107	30L-507.69	Hà Nội	2107	30L-485.89	Hà Nội
108	30L-514.88	Hà Nội	1108	30L-511.39	Hà Nội	2108	30L-488.00	Hà Nội
109	30L-515.33	Hà Nội	1109	30L-512.99	Hà Nội	2109	30L-490.68	Hà Nội
110	30L-517.68	Hà Nội	1110	30L-516.44	Hà Nội	2110	30L-497.68	Hà Nội
111	30L-532.23	Hà Nội	1111	30L-517.39	Hà Nội	2111	30L-499.00	Hà Nội
112	30L-532.68	Hà Nội	1112	30L-517.66	Hà Nội	2112	30L-501.11	Hà Nội
113	30L-533.34	Hà Nội	1113	30L-532.32	Hà Nội	2113	30L-503.66	Hà Nội
114	30L-534.86	Hà Nội	1114	30L-537.73	Hà Nội	2114	30L-522.23	Hà Nội
115	30L-542.79	Hà Nội	1115	30L-541.39	Hà Nội	2115	30L-527.86	Hà Nội
116	30L-547.85	Hà Nội	1116	30L-551.69	Hà Nội	2116	30L-531.69	Hà Nội
117	30L-560.56	Hà Nội	1117	30L-559.44	Hà Nội	2117	30L-543.69	Hà Nội
118	30L-563.25	Hà Nội	1118	30L-563.00	Hà Nội	2118	30L-546.64	Hà Nội
119	30L-575.99	Hà Nội	1119	30L-582.83	Hà Nội	2119	30L-552.19	Hà Nội
120	30L-576.75	Hà Nội	1120	30L-589.33	Hà Nội	2120	30L-555.90	Hà Nội
121	30L-584.56	Hà Nội	1121	30L-591.66	Hà Nội	2121	30L-558.59	Hà Nội
122	30L-584.77	Hà Nội	1122	30L-592.36	Hà Nội	2122	30L-561.16	Hà Nội
123	30L-589.39	Hà Nội	1123	30L-595.22	Hà Nội	2123	30L-561.65	Hà Nội
124	30L-605.33	Hà Nội	1124	30L-595.39	Hà Nội	2124	30L-564.26	Hà Nội
125	30L-605.99	Hà Nội	1125	30L-606.07	Hà Nội	2125	30L-564.77	Hà Nội
126	30L-608.09	Hà Nội	1126	30L-627.39	Hà Nội	2126	30L-574.86	Hà Nội
127	30L-614.79	Hà Nội	1127	30L-627.83	Hà Nội	2127	30L-579.00	Hà Nội
128	30L-621.88	Hà Nội	1128	30L-638.11	Hà Nội	2128	30L-590.68	Hà Nội
129	30L-625.22	Hà Nội	1129	30L-642.69	Hà Nội	2129	30L-591.44	Hà Nội
130	30L-630.68	Hà Nội	1130	30L-642.88	Hà Nội	2130	30L-594.65	Hà Nội
131	30L-634.44	Hà Nội	1131	30L-642.99	Hà Nội	2131	30L-599.22	Hà Nội
132	30L-635.66	Hà Nội	1132	30L-645.79	Hà Nội	2132	30L-600.07	Hà Nội
133	30L-638.77	Hà Nội	1133	30L-646.68	Hà Nội	2133	30L-602.02	Hà Nội
134	30L-655.89	Hà Nội	1134	30L-647.39	Hà Nội	2134	30L-602.22	Hà Nội
135	30L-644.39	Hà Nội	1135	30L-648.48	Hà Nội	2135	30L-604.00	Hà Nội
136	30L-647.79	Hà Nội	1136	30L-650.05	Hà Nội	2136	30L-604.95	Hà Nội
137	30L-660.60	Hà Nội	1137	30L-650.35	Hà Nội	2137	30L-608.29	Hà Nội
138	30L-664.46	Hà Nội	1138	30L-651.89	Hà Nội	2138	30L-608.44	Hà Nội
139	30L-670.55	Hà Nội	1139	30L-654.86	Hà Nội	2139	30L-611.56	Hà Nội
140	30L-674.86	Hà Nội	1140	30L-659.00	Hà Nội	2140	30L-612.69	Hà Nội
141	30L-675.66	Hà Nội	1141	30L-660.44	Hà Nội	2141	30L-614.55	Hà Nội
142	30L-677.44	Hà Nội	1142	30L-660.56	Hà Nội	2142	30L-617.33	Hà Nội
143	30L-680.79	Hà Nội	1143	30L-660.79	Hà Nội	2143	30L-617.89	Hà Nội
144	30L-684.00	Hà Nội	1144	30L-670.77	Hà Nội	2144	30L-621.62	Hà Nội
145	30L-689.77	Hà Nội	1145	30L-671.06	Hà Nội	2145	30L-624.99	Hà Nội
146	30L-690.96	Hà Nội	1146	30L-672.44	Hà Nội	2146	30L-626.36	Hà Nội
147	30L-693.77	Hà Nội	1147	30L-674.47	Hà Nội	2147	30L-637.88	Hà Nội
148	30L-701.39	Hà Nội	1148	30L-676.11	Hà Nội	2148	30L-646.79	Hà Nội
149	30L-701.95	Hà Nội	1149	30L-677.95	Hà Nội	2149	30L-648.84	Hà Nội
150	30L-703.79	Hà Nội	1150	30L-682.83	Hà Nội	2150	30L-651.00	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
151	30L-703.86	Hà Nội	1151	30L-690.88	Hà Nội	2151	30L-651.33	Hà Nội
152	30L-705.00	Hà Nội	1152	30L-694.99	Hà Nội	2152	30L-653.25	Hà Nội
153	30L-708.11	Hà Nội	1153	30L-701.68	Hà Nội	2153	30L-653.88	Hà Nội
154	30L-708.79	Hà Nội	1154	30L-703.03	Hà Nội	2154	30L-659.15	Hà Nội
155	30L-719.74	Hà Nội	1155	30L-703.66	Hà Nội	2155	30L-659.96	Hà Nội
156	30L-720.33	Hà Nội	1156	30L-710.96	Hà Nội	2156	30L-660.83	Hà Nội
157	30L-727.11	Hà Nội	1157	30L-711.71	Hà Nội	2157	30L-666.15	Hà Nội
158	30L-727.66	Hà Nội	1158	30L-713.14	Hà Nội	2158	30L-666.32	Hà Nội
159	30L-735.36	Hà Nội	1159	30L-713.71	Hà Nội	2159	30L-677.39	Hà Nội
160	30L-736.55	Hà Nội	1160	30L-719.19	Hà Nội	2160	30L-683.77	Hà Nội
161	30L-740.96	Hà Nội	1161	30L-719.93	Hà Nội	2161	30L-685.22	Hà Nội
162	30L-742.11	Hà Nội	1162	30L-727.22	Hà Nội	2162	30L-687.65	Hà Nội
163	30L-742.24	Hà Nội	1163	30L-731.55	Hà Nội	2163	30L-695.65	Hà Nội
164	30L-742.26	Hà Nội	1164	30L-733.69	Hà Nội	2164	30L-697.86	Hà Nội
165	30L-755.53	Hà Nội	1165	30L-734.29	Hà Nội	2165	30L-701.59	Hà Nội
166	30L-757.22	Hà Nội	1166	30L-738.39	Hà Nội	2166	30L-704.89	Hà Nội
167	30L-761.55	Hà Nội	1167	30L-742.58	Hà Nội	2167	30L-707.08	Hà Nội
168	30L-767.86	Hà Nội	1168	30L-742.99	Hà Nội	2168	30L-709.89	Hà Nội
169	30L-768.44	Hà Nội	1169	30L-746.88	Hà Nội	2169	30L-712.13	Hà Nội
170	30L-774.55	Hà Nội	1170	30L-749.11	Hà Nội	2170	30L-714.68	Hà Nội
171	30L-777.01	Hà Nội	1171	30L-749.85	Hà Nội	2171	30L-722.72	Hà Nội
172	30L-785.58	Hà Nội	1172	30L-750.38	Hà Nội	2172	30L-725.33	Hà Nội
173	30L-786.22	Hà Nội	1173	30L-750.39	Hà Nội	2173	30L-728.99	Hà Nội
174	30L-794.15	Hà Nội	1174	30L-751.55	Hà Nội	2174	30L-732.11	Hà Nội
175	30L-802.33	Hà Nội	1175	30L-758.99	Hà Nội	2175	30L-735.83	Hà Nội
176	30L-808.65	Hà Nội	1176	30L-759.89	Hà Nội	2176	30L-738.08	Hà Nội
177	30L-809.08	Hà Nội	1177	30L-762.29	Hà Nội	2177	30L-738.73	Hà Nội
178	30L-809.65	Hà Nội	1178	30L-764.22	Hà Nội	2178	30L-741.74	Hà Nội
179	30L-818.69	Hà Nội	1179	30L-764.77	Hà Nội	2179	30L-741.83	Hà Nội
180	30L-818.83	Hà Nội	1180	30L-771.66	Hà Nội	2180	30L-742.39	Hà Nội
181	30L-822.58	Hà Nội	1181	30L-772.27	Hà Nội	2181	30L-746.26	Hà Nội
182	30L-827.79	Hà Nội	1182	30L-780.33	Hà Nội	2182	30L-751.99	Hà Nội
183	30L-831.33	Hà Nội	1183	30L-784.78	Hà Nội	2183	30L-752.22	Hà Nội
184	30L-832.88	Hà Nội	1184	30L-786.35	Hà Nội	2184	30L-753.69	Hà Nội
185	30L-834.09	Hà Nội	1185	30L-788.77	Hà Nội	2185	30L-755.39	Hà Nội
186	30L-841.22	Hà Nội	1186	30L-789.37	Hà Nội	2186	30L-757.89	Hà Nội
187	30L-844.66	Hà Nội	1187	30L-792.77	Hà Nội	2187	30L-760.77	Hà Nội
188	30L-848.79	Hà Nội	1188	30L-794.97	Hà Nội	2188	30L-765.00	Hà Nội
189	30L-854.77	Hà Nội	1189	30L-801.86	Hà Nội	2189	30L-769.79	Hà Nội
190	30L-856.77	Hà Nội	1190	30L-803.56	Hà Nội	2190	30L-770.35	Hà Nội
191	30L-860.28	Hà Nội	1191	30L-803.77	Hà Nội	2191	30L-770.44	Hà Nội
192	30L-873.74	Hà Nội	1192	30L-808.39	Hà Nội	2192	30L-771.55	Hà Nội
193	30L-883.00	Hà Nội	1193	30L-809.79	Hà Nội	2193	30L-773.11	Hà Nội
194	30L-884.11	Hà Nội	1194	30L-814.86	Hà Nội	2194	30L-773.33	Hà Nội
195	30L-884.89	Hà Nội	1195	30L-817.22	Hà Nội	2195	30L-774.69	Hà Nội
196	30L-885.69	Hà Nội	1196	30L-817.71	Hà Nội	2196	30L-776.06	Hà Nội
197	30L-898.39	Hà Nội	1197	30L-818.36	Hà Nội	2197	30L-782.68	Hà Nội
198	30L-900.77	Hà Nội	1198	30L-820.22	Hà Nội	2198	30L-784.11	Hà Nội
199	30L-904.04	Hà Nội	1199	30L-824.33	Hà Nội	2199	30L-784.66	Hà Nội
200	30L-905.00	Hà Nội	1200	30L-825.33	Hà Nội	2200	30L-784.86	Hà Nội
201	30L-911.38	Hà Nội	1201	30L-826.27	Hà Nội	2201	30L-790.97	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
202	30L-916.11	Hà Nội	1202	30L-829.28	Hà Nội	2202	30L-791.26	Hà Nội
203	30L-922.00	Hà Nội	1203	30L-833.44	Hà Nội	2203	30L-795.89	Hà Nội
204	30L-925.83	Hà Nội	1204	30L-834.79	Hà Nội	2204	30L-800.86	Hà Nội
205	30L-927.39	Hà Nội	1205	30L-837.37	Hà Nội	2205	30L-804.69	Hà Nội
206	30L-937.79	Hà Nội	1206	30L-841.41	Hà Nội	2206	30L-805.22	Hà Nội
207	30L-940.49	Hà Nội	1207	30L-841.86	Hà Nội	2207	30L-811.28	Hà Nội
208	30L-941.28	Hà Nội	1208	30L-842.68	Hà Nội	2208	30L-814.39	Hà Nội
209	30L-943.49	Hà Nội	1209	30L-845.68	Hà Nội	2209	30L-819.00	Hà Nội
210	30L-945.59	Hà Nội	1210	30L-845.98	Hà Nội	2210	30L-823.58	Hà Nội
211	30L-953.16	Hà Nội	1211	30L-846.77	Hà Nội	2211	30L-825.39	Hà Nội
212	30L-965.26	Hà Nội	1212	30L-850.22	Hà Nội	2212	30L-829.58	Hà Nội
213	30L-973.22	Hà Nội	1213	30L-856.57	Hà Nội	2213	30L-831.97	Hà Nội
214	30L-975.89	Hà Nội	1214	30L-873.39	Hà Nội	2214	30L-842.55	Hà Nội
215	30L-980.29	Hà Nội	1215	30L-873.44	Hà Nội	2215	30L-845.44	Hà Nội
216	30L-980.68	Hà Nội	1216	30L-878.91	Hà Nội	2216	30L-850.06	Hà Nội
217	30L-980.88	Hà Nội	1217	30L-882.65	Hà Nội	2217	30L-854.89	Hà Nội
218	30L-981.33	Hà Nội	1218	30L-884.68	Hà Nội	2218	30L-857.85	Hà Nội
219	30L-981.36	Hà Nội	1219	30L-897.86	Hà Nội	2219	30L-860.11	Hà Nội
220	30L-982.08	Hà Nội	1220	30L-899.94	Hà Nội	2220	30L-866.73	Hà Nội
221	30L-991.96	Hà Nội	1221	30L-900.07	Hà Nội	2221	30L-872.00	Hà Nội
222	30L-992.89	Hà Nội	1222	30L-901.79	Hà Nội	2222	30L-873.68	Hà Nội
223	30L-994.66	Hà Nội	1223	30L-904.33	Hà Nội	2223	30L-875.11	Hà Nội
224	30L-995.86	Hà Nội	1224	30L-917.19	Hà Nội	2224	30L-881.44	Hà Nội
225	30M-000.11	Hà Nội	1225	30L-927.92	Hà Nội	2225	30L-881.82	Hà Nội
226	30M-000.18	Hà Nội	1226	30L-932.35	Hà Nội	2226	30L-890.68	Hà Nội
227	30M-015.39	Hà Nội	1227	30L-935.53	Hà Nội	2227	30L-891.92	Hà Nội
228	30M-018.56	Hà Nội	1228	30L-935.77	Hà Nội	2228	30L-897.88	Hà Nội
229	30M-023.79	Hà Nội	1229	30L-937.33	Hà Nội	2229	30L-901.77	Hà Nội
230	51L-400.86	Hồ Chí Minh	1230	30L-937.39	Hà Nội	2230	30L-903.86	Hà Nội
231	51L-403.39	Hồ Chí Minh	1231	30L-937.99	Hà Nội	2231	30L-906.00	Hà Nội
232	51L-404.79	Hồ Chí Minh	1232	30L-938.66	Hà Nội	2232	30L-923.66	Hà Nội
233	51L-411.44	Hồ Chí Minh	1233	30L-939.77	Hà Nội	2233	30L-925.11	Hà Nội
234	51L-422.39	Hồ Chí Minh	1234	30L-943.99	Hà Nội	2234	30L-926.33	Hà Nội
235	51L-423.68	Hồ Chí Minh	1235	30L-951.33	Hà Nội	2235	30L-929.56	Hà Nội
236	51L-425.39	Hồ Chí Minh	1236	30L-952.52	Hà Nội	2236	30L-940.66	Hà Nội
237	51L-429.29	Hồ Chí Minh	1237	30L-953.95	Hà Nội	2237	30L-941.77	Hà Nội
238	51L-438.83	Hồ Chí Minh	1238	30L-955.00	Hà Nội	2238	30L-941.86	Hà Nội
239	51L-441.66	Hồ Chí Minh	1239	30L-957.68	Hà Nội	2239	30L-945.54	Hà Nội
240	51L-446.79	Hồ Chí Minh	1240	30L-960.79	Hà Nội	2240	30L-946.08	Hà Nội
241	51L-449.68	Hồ Chí Minh	1241	30L-963.64	Hà Nội	2241	30L-946.11	Hà Nội
242	51L-455.11	Hồ Chí Minh	1242	30L-963.65	Hà Nội	2242	30L-947.22	Hà Nội
243	51L-461.39	Hồ Chí Minh	1243	30L-969.33	Hà Nội	2243	30L-951.52	Hà Nội
244	51L-462.66	Hồ Chí Minh	1244	30L-984.00	Hà Nội	2244	30L-953.79	Hà Nội
245	51L-462.99	Hồ Chí Minh	1245	30L-985.44	Hà Nội	2245	30L-954.86	Hà Nội
246	51L-463.69	Hồ Chí Minh	1246	30L-986.58	Hà Nội	2246	30L-955.77	Hà Nội
247	51L-464.69	Hồ Chí Minh	1247	30L-989.44	Hà Nội	2247	30L-963.39	Hà Nội
248	51L-469.89	Hồ Chí Minh	1248	30L-995.77	Hà Nội	2248	30L-966.08	Hà Nội
249	51L-470.00	Hồ Chí Minh	1249	30M-002.89	Hà Nội	2249	30L-968.25	Hà Nội
250	51L-470.39	Hồ Chí Minh	1250	30M-009.55	Hà Nội	2250	30L-969.22	Hà Nội
251	51L-472.86	Hồ Chí Minh	1251	30M-024.00	Hà Nội	2251	30L-970.88	Hà Nội
252	51L-473.99	Hồ Chí Minh	1252	30M-026.02	Hà Nội	2252	30L-972.11	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
253	51L-474.86	Hồ Chí Minh	1253	51L-400.55	Hồ Chí Minh	2253	30L-973.97	Hà Nội
254	51L-480.68	Hồ Chí Minh	1254	51L-402.99	Hồ Chí Minh	2254	30L-976.29	Hà Nội
255	51L-483.83	Hồ Chí Minh	1255	51L-405.89	Hồ Chí Minh	2255	30L-976.89	Hà Nội
256	51L-490.79	Hồ Chí Minh	1256	51L-406.86	Hồ Chí Minh	2256	30L-977.59	Hà Nội
257	51L-490.88	Hồ Chí Minh	1257	51L-406.89	Hồ Chí Minh	2257	30L-978.69	Hà Nội
258	51L-496.68	Hồ Chí Minh	1258	51L-410.10	Hồ Chí Minh	2258	30L-984.68	Hà Nội
259	51L-496.89	Hồ Chí Minh	1259	51L-411.68	Hồ Chí Minh	2259	30L-986.77	Hà Nội
260	51L-497.86	Hồ Chí Minh	1260	51L-411.88	Hồ Chí Minh	2260	30L-989.16	Hà Nội
261	51L-499.86	Hồ Chí Minh	1261	51L-412.22	Hồ Chí Minh	2261	30L-994.55	Hà Nội
262	51L-504.99	Hồ Chí Minh	1262	51L-414.41	Hồ Chí Minh	2262	30L-999.03	Hà Nội
263	51L-507.66	Hồ Chí Minh	1263	51L-417.17	Hồ Chí Minh	2263	30L-999.15	Hà Nội
264	51L-510.69	Hồ Chí Minh	1264	51L-421.12	Hồ Chí Minh	2264	30M-000.17	Hà Nội
265	51L-521.79	Hồ Chí Minh	1265	51L-422.44	Hồ Chí Minh	2265	30M-001.55	Hà Nội
266	51L-521.88	Hồ Chí Minh	1266	51L-422.86	Hồ Chí Minh	2266	30M-001.95	Hà Nội
267	51L-523.32	Hồ Chí Minh	1267	51L-435.35	Hồ Chí Minh	2267	30M-007.11	Hà Nội
268	51L-524.89	Hồ Chí Minh	1268	51L-435.69	Hồ Chí Minh	2268	30M-016.95	Hà Nội
269	51L-528.66	Hồ Chí Minh	1269	51L-441.68	Hồ Chí Minh	2269	30M-021.33	Hà Nội
270	51L-530.30	Hồ Chí Minh	1270	51L-444.77	Hồ Chí Minh	2270	30M-028.69	Hà Nội
271	51L-530.89	Hồ Chí Minh	1271	51L-448.79	Hồ Chí Minh	2271	51L-398.55	Hồ Chí Minh
272	51L-536.99	Hồ Chí Minh	1272	51L-452.68	Hồ Chí Minh	2272	51L-401.68	Hồ Chí Minh
273	51L-538.89	Hồ Chí Minh	1273	51L-454.66	Hồ Chí Minh	2273	51L-402.79	Hồ Chí Minh
274	51L-539.88	Hồ Chí Minh	1274	51L-461.11	Hồ Chí Minh	2274	51L-405.50	Hồ Chí Minh
275	51L-542.39	Hồ Chí Minh	1275	51L-463.88	Hồ Chí Minh	2275	51L-405.99	Hồ Chí Minh
276	51L-544.86	Hồ Chí Minh	1276	51L-468.99	Hồ Chí Minh	2276	51L-406.69	Hồ Chí Minh
277	51L-545.89	Hồ Chí Minh	1277	51L-480.86	Hồ Chí Minh	2277	51L-413.99	Hồ Chí Minh
278	51L-550.88	Hồ Chí Minh	1278	51L-481.39	Hồ Chí Minh	2278	51L-420.89	Hồ Chí Minh
279	51L-558.66	Hồ Chí Minh	1279	51L-483.69	Hồ Chí Minh	2279	51L-422.69	Hồ Chí Minh
280	51L-583.33	Hồ Chí Minh	1280	51L-493.69	Hồ Chí Minh	2280	51L-423.33	Hồ Chí Minh
281	51L-583.88	Hồ Chí Minh	1281	51L-494.49	Hồ Chí Minh	2281	51L-424.39	Hồ Chí Minh
282	51L-583.89	Hồ Chí Minh	1282	51L-499.22	Hồ Chí Minh	2282	51L-424.66	Hồ Chí Minh
283	51L-589.22	Hồ Chí Minh	1283	51L-500.22	Hồ Chí Minh	2283	51L-424.86	Hồ Chí Minh
284	51L-590.88	Hồ Chí Minh	1284	51L-500.66	Hồ Chí Minh	2284	51L-425.66	Hồ Chí Minh
285	51L-600.11	Hồ Chí Minh	1285	51L-501.69	Hồ Chí Minh	2285	51L-427.86	Hồ Chí Minh
286	51L-602.20	Hồ Chí Minh	1286	51L-503.39	Hồ Chí Minh	2286	51L-427.99	Hồ Chí Minh
287	51L-602.89	Hồ Chí Minh	1287	51L-505.69	Hồ Chí Minh	2287	51L-435.88	Hồ Chí Minh
288	51L-611.79	Hồ Chí Minh	1288	51L-507.68	Hồ Chí Minh	2288	51L-438.68	Hồ Chí Minh
289	51L-618.11	Hồ Chí Minh	1289	51L-509.79	Hồ Chí Minh	2289	51L-441.99	Hồ Chí Minh
290	51L-619.77	Hồ Chí Minh	1290	51L-511.86	Hồ Chí Minh	2290	51L-446.99	Hồ Chí Minh
291	51L-619.79	Hồ Chí Minh	1291	51L-516.39	Hồ Chí Minh	2291	51L-447.39	Hồ Chí Minh
292	51L-621.39	Hồ Chí Minh	1292	51L-522.39	Hồ Chí Minh	2292	51L-450.79	Hồ Chí Minh
293	51L-623.77	Hồ Chí Minh	1293	51L-532.86	Hồ Chí Minh	2293	51L-461.79	Hồ Chí Minh
294	51L-625.33	Hồ Chí Minh	1294	51L-537.69	Hồ Chí Minh	2294	51L-463.86	Hồ Chí Minh
295	51L-626.33	Hồ Chí Minh	1295	51L-543.86	Hồ Chí Minh	2295	51L-465.89	Hồ Chí Minh
296	51L-629.92	Hồ Chí Minh	1296	51L-543.99	Hồ Chí Minh	2296	51L-467.86	Hồ Chí Minh
297	51L-630.99	Hồ Chí Minh	1297	51L-550.00	Hồ Chí Minh	2297	51L-471.86	Hồ Chí Minh
298	51L-632.11	Hồ Chí Minh	1298	51L-558.69	Hồ Chí Minh	2298	51L-475.69	Hồ Chí Minh
299	51L-634.22	Hồ Chí Minh	1299	51L-560.99	Hồ Chí Minh	2299	51L-476.88	Hồ Chí Minh
300	51L-635.79	Hồ Chí Minh	1300	51L-569.86	Hồ Chí Minh	2300	51L-480.08	Hồ Chí Minh
301	51L-640.46	Hồ Chí Minh	1301	51L-576.39	Hồ Chí Minh	2301	51L-481.69	Hồ Chí Minh
302	51L-641.46	Hồ Chí Minh	1302	51L-582.22	Hồ Chí Minh	2302	51L-482.66	Hồ Chí Minh
303	51L-641.66	Hồ Chí Minh	1303	51L-593.68	Hồ Chí Minh	2303	51L-487.69	Hồ Chí Minh

47
ÔNG
ẤU G
JP DA
ỆT N
XUÂN

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
304	51L-642.36	Hồ Chí Minh	1304	51L-594.68	Hồ Chí Minh	2304	51L-487.77	Hồ Chí Minh
305	51L-649.68	Hồ Chí Minh	1305	51L-594.99	Hồ Chí Minh	2305	51L-488.00	Hồ Chí Minh
306	51L-652.25	Hồ Chí Minh	1306	51L-615.69	Hồ Chí Minh	2306	51L-488.77	Hồ Chí Minh
307	51L-654.33	Hồ Chí Minh	1307	51L-616.89	Hồ Chí Minh	2307	51L-493.89	Hồ Chí Minh
308	51L-658.65	Hồ Chí Minh	1308	51L-618.16	Hồ Chí Minh	2308	51L-497.89	Hồ Chí Minh
309	51L-660.68	Hồ Chí Minh	1309	51L-619.74	Hồ Chí Minh	2309	51L-501.11	Hồ Chí Minh
310	51L-662.55	Hồ Chí Minh	1310	51L-622.09	Hồ Chí Minh	2310	51L-506.60	Hồ Chí Minh
311	51L-663.77	Hồ Chí Minh	1311	51L-622.79	Hồ Chí Minh	2311	51L-511.44	Hồ Chí Minh
312	51L-666.01	Hồ Chí Minh	1312	51L-629.77	Hồ Chí Minh	2312	51L-514.44	Hồ Chí Minh
313	51L-668.77	Hồ Chí Minh	1313	51L-633.00	Hồ Chí Minh	2313	51L-520.39	Hồ Chí Minh
314	51L-675.33	Hồ Chí Minh	1314	51L-634.00	Hồ Chí Minh	2314	51L-530.99	Hồ Chí Minh
315	51L-675.67	Hồ Chí Minh	1315	51L-635.00	Hồ Chí Minh	2315	51L-534.99	Hồ Chí Minh
316	51L-678.75	Hồ Chí Minh	1316	51L-637.15	Hồ Chí Minh	2316	51L-537.88	Hồ Chí Minh
317	51L-684.85	Hồ Chí Minh	1317	51L-639.44	Hồ Chí Minh	2317	51L-539.93	Hồ Chí Minh
318	51L-684.95	Hồ Chí Minh	1318	51L-641.00	Hồ Chí Minh	2318	51L-546.69	Hồ Chí Minh
319	51L-690.90	Hồ Chí Minh	1319	51L-642.88	Hồ Chí Minh	2319	51L-556.22	Hồ Chí Minh
320	51L-693.56	Hồ Chí Minh	1320	51L-644.99	Hồ Chí Minh	2320	51L-561.16	Hồ Chí Minh
321	51L-697.55	Hồ Chí Minh	1321	51L-648.66	Hồ Chí Minh	2321	51L-562.66	Hồ Chí Minh
322	51L-703.44	Hồ Chí Minh	1322	51L-651.56	Hồ Chí Minh	2322	51L-563.66	Hồ Chí Minh
323	51L-704.38	Hồ Chí Minh	1323	51L-653.99	Hồ Chí Minh	2323	51L-570.68	Hồ Chí Minh
324	51L-705.86	Hồ Chí Minh	1324	51L-655.77	Hồ Chí Minh	2324	51L-571.88	Hồ Chí Minh
325	51L-707.16	Hồ Chí Minh	1325	51L-656.58	Hồ Chí Minh	2325	51L-573.79	Hồ Chí Minh
326	51L-710.89	Hồ Chí Minh	1326	51L-666.74	Hồ Chí Minh	2326	51L-587.79	Hồ Chí Minh
327	51L-711.98	Hồ Chí Minh	1327	51L-669.33	Hồ Chí Minh	2327	51L-590.68	Hồ Chí Minh
328	51L-712.95	Hồ Chí Minh	1328	51L-677.39	Hồ Chí Minh	2328	51L-597.68	Hồ Chí Minh
329	51L-714.11	Hồ Chí Minh	1329	51L-678.65	Hồ Chí Minh	2329	51L-604.79	Hồ Chí Minh
330	51L-720.68	Hồ Chí Minh	1330	51L-679.59	Hồ Chí Minh	2330	51L-608.79	Hồ Chí Minh
331	51L-721.44	Hồ Chí Minh	1331	51L-680.06	Hồ Chí Minh	2331	51L-610.66	Hồ Chí Minh
332	51L-729.11	Hồ Chí Minh	1332	51L-681.77	Hồ Chí Minh	2332	51L-616.99	Hồ Chí Minh
333	51L-733.79	Hồ Chí Minh	1333	51L-684.84	Hồ Chí Minh	2333	51L-617.71	Hồ Chí Minh
334	51L-736.37	Hồ Chí Minh	1334	51L-688.00	Hồ Chí Minh	2334	51L-622.23	Hồ Chí Minh
335	51L-737.69	Hồ Chí Minh	1335	51L-691.00	Hồ Chí Minh	2335	51L-623.88	Hồ Chí Minh
336	51L-738.66	Hồ Chí Minh	1336	51L-692.66	Hồ Chí Minh	2336	51L-624.26	Hồ Chí Minh
337	51L-740.79	Hồ Chí Minh	1337	51L-692.69	Hồ Chí Minh	2337	51L-628.55	Hồ Chí Minh
338	51L-741.44	Hồ Chí Minh	1338	51L-693.79	Hồ Chí Minh	2338	51L-632.32	Hồ Chí Minh
339	51L-742.99	Hồ Chí Minh	1339	51L-695.59	Hồ Chí Minh	2339	51L-632.89	Hồ Chí Minh
340	51L-743.69	Hồ Chí Minh	1340	51L-696.33	Hồ Chí Minh	2340	51L-637.79	Hồ Chí Minh
341	51L-745.15	Hồ Chí Minh	1341	51L-706.33	Hồ Chí Minh	2341	51L-638.77	Hồ Chí Minh
342	51L-746.44	Hồ Chí Minh	1342	51L-708.39	Hồ Chí Minh	2342	51L-639.00	Hồ Chí Minh
343	51L-746.89	Hồ Chí Minh	1343	51L-710.69	Hồ Chí Minh	2343	51L-657.83	Hồ Chí Minh
344	51L-749.89	Hồ Chí Minh	1344	51L-712.35	Hồ Chí Minh	2344	51L-657.99	Hồ Chí Minh
345	51L-753.75	Hồ Chí Minh	1345	51L-713.13	Hồ Chí Minh	2345	51L-672.77	Hồ Chí Minh
346	51L-759.59	Hồ Chí Minh	1346	51L-716.58	Hồ Chí Minh	2346	51L-673.39	Hồ Chí Minh
347	51L-762.39	Hồ Chí Minh	1347	51L-720.95	Hồ Chí Minh	2347	51L-674.68	Hồ Chí Minh
348	51L-763.44	Hồ Chí Minh	1348	51L-727.69	Hồ Chí Minh	2348	51L-683.00	Hồ Chí Minh
349	51L-770.00	Hồ Chí Minh	1349	51L-728.39	Hồ Chí Minh	2349	51L-684.00	Hồ Chí Minh
350	51L-770.68	Hồ Chí Minh	1350	51L-734.35	Hồ Chí Minh	2350	51L-688.71	Hồ Chí Minh
351	51L-777.46	Hồ Chí Minh	1351	51L-743.33	Hồ Chí Minh	2351	51L-692.00	Hồ Chí Minh
352	51L-780.11	Hồ Chí Minh	1352	51L-748.38	Hồ Chí Minh	2352	51L-692.44	Hồ Chí Minh
353	51L-782.68	Hồ Chí Minh	1353	51L-753.57	Hồ Chí Minh	2353	51L-694.25	Hồ Chí Minh
354	51L-783.38	Hồ Chí Minh	1354	51L-755.00	Hồ Chí Minh	2354	51L-697.00	Hồ Chí Minh



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
355	51L-784.83	Hồ Chí Minh	1355	51L-755.66	Hồ Chí Minh	2355	51L-699.70	Hồ Chí Minh
356	51L-785.88	Hồ Chí Minh	1356	51L-756.09	Hồ Chí Minh	2356	51L-702.99	Hồ Chí Minh
357	51L-788.77	Hồ Chí Minh	1357	51L-758.39	Hồ Chí Minh	2357	51L-703.22	Hồ Chí Minh
358	51L-790.39	Hồ Chí Minh	1358	51L-759.11	Hồ Chí Minh	2358	51L-710.68	Hồ Chí Minh
359	51L-791.08	Hồ Chí Minh	1359	51L-760.77	Hồ Chí Minh	2359	51L-713.14	Hồ Chí Minh
360	51L-795.89	Hồ Chí Minh	1360	51L-761.62	Hồ Chí Minh	2360	51L-713.17	Hồ Chí Minh
361	51L-796.39	Hồ Chí Minh	1361	51L-764.39	Hồ Chí Minh	2361	51L-715.11	Hồ Chí Minh
362	51L-807.86	Hồ Chí Minh	1362	51L-764.64	Hồ Chí Minh	2362	51L-715.39	Hồ Chí Minh
363	51L-809.66	Hồ Chí Minh	1363	51L-764.88	Hồ Chí Minh	2363	51L-715.68	Hồ Chí Minh
364	51L-810.10	Hồ Chí Minh	1364	51L-767.86	Hồ Chí Minh	2364	51L-719.70	Hồ Chí Minh
365	51L-810.88	Hồ Chí Minh	1365	51L-768.98	Hồ Chí Minh	2365	51L-719.98	Hồ Chí Minh
366	51L-811.00	Hồ Chí Minh	1366	51L-769.55	Hồ Chí Minh	2366	51L-726.68	Hồ Chí Minh
367	51L-813.00	Hồ Chí Minh	1367	51L-769.86	Hồ Chí Minh	2367	51L-736.77	Hồ Chí Minh
368	51L-818.79	Hồ Chí Minh	1368	51L-770.65	Hồ Chí Minh	2368	51L-740.06	Hồ Chí Minh
369	51L-819.00	Hồ Chí Minh	1369	51L-775.57	Hồ Chí Minh	2369	51L-741.69	Hồ Chí Minh
370	51L-821.55	Hồ Chí Minh	1370	51L-776.39	Hồ Chí Minh	2370	51L-743.79	Hồ Chí Minh
371	51L-821.88	Hồ Chí Minh	1371	51L-776.89	Hồ Chí Minh	2371	51L-744.99	Hồ Chí Minh
372	51L-828.15	Hồ Chí Minh	1372	51L-779.11	Hồ Chí Minh	2372	51L-745.68	Hồ Chí Minh
373	51L-831.31	Hồ Chí Minh	1373	51L-779.55	Hồ Chí Minh	2373	51L-750.39	Hồ Chí Minh
374	51L-836.44	Hồ Chí Minh	1374	51L-789.29	Hồ Chí Minh	2374	51L-751.86	Hồ Chí Minh
375	51L-838.26	Hồ Chí Minh	1375	51L-797.22	Hồ Chí Minh	2375	51L-752.69	Hồ Chí Minh
376	51L-839.97	Hồ Chí Minh	1376	51L-798.28	Hồ Chí Minh	2376	51L-756.77	Hồ Chí Minh
377	51L-846.55	Hồ Chí Minh	1377	51L-812.13	Hồ Chí Minh	2377	51L-760.39	Hồ Chí Minh
378	51L-848.00	Hồ Chí Minh	1378	51L-817.69	Hồ Chí Minh	2378	51L-767.68	Hồ Chí Minh
379	51L-849.11	Hồ Chí Minh	1379	51L-820.65	Hồ Chí Minh	2379	51L-770.36	Hồ Chí Minh
380	51L-853.89	Hồ Chí Minh	1380	51L-824.66	Hồ Chí Minh	2380	51L-771.68	Hồ Chí Minh
381	51L-854.33	Hồ Chí Minh	1381	51L-824.69	Hồ Chí Minh	2381	51L-774.74	Hồ Chí Minh
382	51L-854.38	Hồ Chí Minh	1382	51L-830.86	Hồ Chí Minh	2382	51L-781.33	Hồ Chí Minh
383	51L-865.09	Hồ Chí Minh	1383	51L-832.69	Hồ Chí Minh	2383	51L-794.00	Hồ Chí Minh
384	51L-870.18	Hồ Chí Minh	1384	51L-836.89	Hồ Chí Minh	2384	51L-804.80	Hồ Chí Minh
385	51L-870.44	Hồ Chí Minh	1385	51L-838.11	Hồ Chí Minh	2385	51L-809.96	Hồ Chí Minh
386	51L-871.77	Hồ Chí Minh	1386	51L-838.19	Hồ Chí Minh	2386	51L-811.69	Hồ Chí Minh
387	51L-875.69	Hồ Chí Minh	1387	51L-846.33	Hồ Chí Minh	2387	51L-813.33	Hồ Chí Minh
388	51L-875.83	Hồ Chí Minh	1388	51L-847.22	Hồ Chí Minh	2388	51L-817.99	Hồ Chí Minh
389	51L-879.18	Hồ Chí Minh	1389	51L-849.22	Hồ Chí Minh	2389	51L-820.06	Hồ Chí Minh
390	51L-879.96	Hồ Chí Minh	1390	51L-854.39	Hồ Chí Minh	2390	51L-820.38	Hồ Chí Minh
391	51L-882.86	Hồ Chí Minh	1391	51L-856.00	Hồ Chí Minh	2391	51L-822.55	Hồ Chí Minh
392	51L-883.29	Hồ Chí Minh	1392	51L-872.77	Hồ Chí Minh	2392	51L-823.23	Hồ Chí Minh
393	51L-883.55	Hồ Chí Minh	1393	51L-874.22	Hồ Chí Minh	2393	51L-825.28	Hồ Chí Minh
394	51L-887.33	Hồ Chí Minh	1394	51L-874.87	Hồ Chí Minh	2394	51L-826.98	Hồ Chí Minh
395	51L-891.98	Hồ Chí Minh	1395	51L-876.99	Hồ Chí Minh	2395	51L-826.99	Hồ Chí Minh
396	51L-893.09	Hồ Chí Minh	1396	51L-878.91	Hồ Chí Minh	2396	51L-835.69	Hồ Chí Minh
397	51L-894.00	Hồ Chí Minh	1397	51L-882.11	Hồ Chí Minh	2397	51L-838.77	Hồ Chí Minh
398	51L-894.77	Hồ Chí Minh	1398	51L-882.77	Hồ Chí Minh	2398	51L-839.06	Hồ Chí Minh
399	11A-117.86	Cao Bằng	1399	51L-884.77	Hồ Chí Minh	2399	51L-839.22	Hồ Chí Minh
400	11A-122.55	Cao Bằng	1400	51L-888.13	Hồ Chí Minh	2400	51L-845.68	Hồ Chí Minh
401	11A-134.11	Cao Bằng	1401	51L-888.15	Hồ Chí Minh	2401	51L-847.86	Hồ Chí Minh
402	12A-245.39	Lạng Sơn	1402	51L-892.77	Hồ Chí Minh	2402	51L-853.86	Hồ Chí Minh
403	12A-253.98	Lạng Sơn	1403	51L-893.33	Hồ Chí Minh	2403	51L-854.28	Hồ Chí Minh
404	12A-255.28	Lạng Sơn	1404	11A-129.89	Cao Bằng	2404	51L-861.97	Hồ Chí Minh
405	12A-256.22	Lạng Sơn	1405	11A-133.69	Cao Bằng	2405	51L-862.08	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
406	12A-259.98	Lạng Sơn	1406	11A-134.86	Cao Bằng	2406	51L-867.18	Hồ Chí Minh
407	12A-261.95	Lạng Sơn	1407	12A-254.66	Lạng Sơn	2407	51L-877.11	Hồ Chí Minh
408	12A-262.26	Lạng Sơn	1408	14A-935.28	Quảng Ninh	2408	51L-884.00	Hồ Chí Minh
409	14A-927.39	Quảng Ninh	1409	14A-940.19	Quảng Ninh	2409	51L-888.34	Hồ Chí Minh
410	14A-933.59	Quảng Ninh	1410	14A-942.69	Quảng Ninh	2410	51L-890.00	Hồ Chí Minh
411	14A-935.00	Quảng Ninh	1411	14A-952.59	Quảng Ninh	2411	51L-890.44	Hồ Chí Minh
412	14A-941.41	Quảng Ninh	1412	14A-960.60	Quảng Ninh	2412	51L-893.69	Hồ Chí Minh
413	14A-949.49	Quảng Ninh	1413	14A-961.55	Quảng Ninh	2413	51L-893.93	Hồ Chí Minh
414	14A-950.89	Quảng Ninh	1414	14A-964.88	Quảng Ninh	2414	11A-130.33	Cao Bằng
415	14A-964.99	Quảng Ninh	1415	14A-970.86	Quảng Ninh	2415	11A-133.15	Cao Bằng
416	14A-967.22	Quảng Ninh	1416	14A-971.77	Quảng Ninh	2416	11A-133.25	Cao Bằng
417	14A-977.29	Quảng Ninh	1417	14A-971.79	Quảng Ninh	2417	11A-133.44	Cao Bằng
418	14A-984.96	Quảng Ninh	1418	14A-977.22	Quảng Ninh	2418	12A-245.99	Lạng Sơn
419	14A-986.11	Quảng Ninh	1419	14A-981.44	Quảng Ninh	2419	12A-255.25	Lạng Sơn
420	14A-986.33	Quảng Ninh	1420	14A-984.06	Quảng Ninh	2420	14A-903.89	Quảng Ninh
421	15K-288.11	Hải Phòng	1421	14A-985.77	Quảng Ninh	2421	14A-922.39	Quảng Ninh
422	15K-317.69	Hải Phòng	1422	14A-989.28	Quảng Ninh	2422	14A-934.89	Quảng Ninh
423	15K-340.35	Hải Phòng	1423	15K-280.99	Hải Phòng	2423	14A-934.99	Quảng Ninh
424	15K-340.66	Hải Phòng	1424	15K-337.11	Hải Phòng	2424	14A-935.53	Quảng Ninh
425	15K-341.14	Hải Phòng	1425	15K-340.77	Hải Phòng	2425	14A-936.11	Quảng Ninh
426	15K-342.44	Hải Phòng	1426	15K-341.66	Hải Phòng	2426	14A-942.55	Quảng Ninh
427	15K-348.33	Hải Phòng	1427	15K-341.79	Hải Phòng	2427	14A-945.49	Quảng Ninh
428	15K-348.84	Hải Phòng	1428	15K-345.29	Hải Phòng	2428	14A-951.99	Quảng Ninh
429	15K-353.38	Hải Phòng	1429	15K-347.68	Hải Phòng	2429	14A-960.96	Quảng Ninh
430	15K-359.00	Hải Phòng	1430	15K-356.69	Hải Phòng	2430	14A-960.99	Quảng Ninh
431	15K-359.33	Hải Phòng	1431	15K-359.55	Hải Phòng	2431	14A-964.39	Quảng Ninh
432	15K-362.63	Hải Phòng	1432	15K-367.44	Hải Phòng	2432	14A-970.70	Quảng Ninh
433	15K-374.77	Hải Phòng	1433	15K-371.89	Hải Phòng	2433	14A-972.69	Quảng Ninh
434	15K-375.59	Hải Phòng	1434	15K-372.98	Hải Phòng	2434	14A-973.06	Quảng Ninh
435	15K-376.22	Hải Phòng	1435	15K-374.26	Hải Phòng	2435	14A-976.39	Quảng Ninh
436	15K-381.59	Hải Phòng	1436	15K-382.28	Hải Phòng	2436	14A-976.97	Quảng Ninh
437	15K-383.79	Hải Phòng	1437	15K-385.77	Hải Phòng	2437	14A-978.97	Quảng Ninh
438	15K-386.25	Hải Phòng	1438	15K-387.11	Hải Phòng	2438	14A-982.55	Quảng Ninh
439	15K-395.11	Hải Phòng	1439	15K-390.22	Hải Phòng	2439	15K-305.79	Hải Phòng
440	15K-398.11	Hải Phòng	1440	15K-392.68	Hải Phòng	2440	15K-311.55	Hải Phòng
441	15K-406.19	Hải Phòng	1441	15K-394.33	Hải Phòng	2441	15K-321.79	Hải Phòng
442	15K-409.44	Hải Phòng	1442	15K-397.55	Hải Phòng	2442	15K-338.44	Hải Phòng
443	15K-410.88	Hải Phòng	1443	15K-398.33	Hải Phòng	2443	15K-339.11	Hải Phòng
444	15K-412.88	Hải Phòng	1444	15K-401.97	Hải Phòng	2444	15K-342.22	Hải Phòng
445	15K-413.68	Hải Phòng	1445	15K-405.08	Hải Phòng	2445	15K-343.29	Hải Phòng
446	15K-417.85	Hải Phòng	1446	15K-406.35	Hải Phòng	2446	15K-347.88	Hải Phòng
447	15K-419.00	Hải Phòng	1447	15K-409.55	Hải Phòng	2447	15K-349.79	Hải Phòng
448	15K-420.06	Hải Phòng	1448	15K-416.25	Hải Phòng	2448	15K-351.06	Hải Phòng
449	15K-421.21	Hải Phòng	1449	15K-418.33	Hải Phòng	2449	15K-354.11	Hải Phòng
450	15K-424.66	Hải Phòng	1450	15K-418.79	Hải Phòng	2450	15K-358.53	Hải Phòng
451	17A-442.66	Thái Bình	1451	15K-419.39	Hải Phòng	2451	15K-363.66	Hải Phòng
452	17A-470.47	Thái Bình	1452	15K-419.60	Hải Phòng	2452	15K-374.86	Hải Phòng
453	17A-471.38	Thái Bình	1453	15K-420.88	Hải Phòng	2453	15K-378.69	Hải Phòng
454	17A-472.33	Thái Bình	1454	17A-469.11	Thái Bình	2454	15K-397.68	Hải Phòng
455	17A-475.69	Thái Bình	1455	17A-470.22	Thái Bình	2455	15K-399.58	Hải Phòng
456	17A-480.33	Thái Bình	1456	17A-473.69	Thái Bình	2456	15K-405.39	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
457	17A-482.79	Thái Bình	1457	17A-477.74	Thái Bình	2457	15K-406.39	Hải Phòng
458	17A-485.22	Thái Bình	1458	17A-478.68	Thái Bình	2458	15K-418.96	Hải Phòng
459	17A-491.22	Thái Bình	1459	17A-488.79	Thái Bình	2459	15K-423.44	Hải Phòng
460	18A-439.93	Nam Định	1460	18A-441.69	Nam Định	2460	15K-424.44	Hải Phòng
461	18A-445.89	Nam Định	1461	18A-448.99	Nam Định	2461	17A-447.66	Thái Bình
462	18A-470.47	Nam Định	1462	18A-455.39	Nam Định	2462	17A-473.22	Thái Bình
463	18A-471.29	Nam Định	1463	18A-460.60	Nam Định	2463	17A-477.66	Thái Bình
464	18A-471.89	Nam Định	1464	18A-477.99	Nam Định	2464	17A-478.22	Thái Bình
465	18A-476.22	Nam Định	1465	18A-478.25	Nam Định	2465	17A-482.84	Thái Bình
466	18A-479.11	Nam Định	1466	18A-480.55	Nam Định	2466	17A-483.99	Thái Bình
467	19A-645.99	Phú Thọ	1467	18A-488.48	Nam Định	2467	17A-488.77	Thái Bình
468	19A-650.68	Phú Thọ	1468	18A-489.11	Nam Định	2468	18A-449.89	Nam Định
469	19A-672.69	Phú Thọ	1469	19A-661.39	Phú Thọ	2469	18A-451.99	Nam Định
470	19A-672.79	Phú Thọ	1470	19A-674.33	Phú Thọ	2470	18A-470.66	Nam Định
471	19A-677.66	Phú Thọ	1471	19A-678.11	Phú Thọ	2471	18A-471.86	Nam Định
472	19A-678.55	Phú Thọ	1472	19A-678.76	Phú Thọ	2472	18A-472.68	Nam Định
473	19A-688.09	Phú Thọ	1473	19A-681.29	Phú Thọ	2473	18A-473.00	Nam Định
474	19A-691.85	Phú Thọ	1474	19A-681.38	Phú Thọ	2474	18A-474.68	Nam Định
475	19A-692.89	Phú Thọ	1475	19A-687.58	Phú Thọ	2475	18A-476.16	Nam Định
476	19A-693.00	Phú Thọ	1476	19A-688.15	Phú Thọ	2476	18A-478.68	Nam Định
477	19A-695.77	Phú Thọ	1477	19A-702.33	Phú Thọ	2477	18A-478.92	Nam Định
478	19A-701.07	Phú Thọ	1478	19A-708.55	Phú Thọ	2478	18A-480.88	Nam Định
479	19A-708.70	Phú Thọ	1479	19A-709.90	Phú Thọ	2479	18A-482.77	Nam Định
480	19A-709.26	Phú Thọ	1480	20A-783.39	Thái Nguyên	2480	18A-485.58	Nam Định
481	20A-767.39	Thái Nguyên	1481	20A-791.66	Thái Nguyên	2481	18A-485.88	Nam Định
482	20A-772.72	Thái Nguyên	1482	20A-796.39	Thái Nguyên	2482	18A-488.84	Nam Định
483	20A-816.44	Thái Nguyên	1483	20A-825.88	Thái Nguyên	2483	19A-638.89	Phú Thọ
484	20A-817.86	Thái Nguyên	1484	20A-829.39	Thái Nguyên	2484	19A-645.89	Phú Thọ
485	20A-818.39	Thái Nguyên	1485	20A-829.96	Thái Nguyên	2485	19A-659.68	Phú Thọ
486	20A-820.77	Thái Nguyên	1486	20A-830.83	Thái Nguyên	2486	19A-673.74	Phú Thọ
487	20A-821.55	Thái Nguyên	1487	20A-833.77	Thái Nguyên	2487	19A-675.88	Phú Thọ
488	20A-822.83	Thái Nguyên	1488	20A-835.06	Thái Nguyên	2488	19A-677.68	Phú Thọ
489	20A-828.39	Thái Nguyên	1489	20A-840.79	Thái Nguyên	2489	19A-683.99	Phú Thọ
490	20A-829.88	Thái Nguyên	1490	20A-843.44	Thái Nguyên	2490	19A-688.77	Phú Thọ
491	20A-837.79	Thái Nguyên	1491	20A-846.86	Thái Nguyên	2491	19A-689.86	Phú Thọ
492	20A-845.36	Thái Nguyên	1492	20A-847.66	Thái Nguyên	2492	19A-694.68	Phú Thọ
493	20A-852.86	Thái Nguyên	1493	20A-854.68	Thái Nguyên	2493	19A-696.33	Phú Thọ
494	20A-855.16	Thái Nguyên	1494	20A-857.44	Thái Nguyên	2494	19A-700.44	Phú Thọ
495	21A-195.86	Yên Bái	1495	20A-860.33	Thái Nguyên	2495	19A-702.20	Phú Thọ
496	21A-196.88	Yên Bái	1496	21A-198.79	Yên Bái	2496	19A-702.22	Phú Thọ
497	21A-199.68	Yên Bái	1497	21A-215.11	Yên Bái	2497	19A-705.07	Phú Thọ
498	21A-207.66	Yên Bái	1498	21A-216.26	Yên Bái	2498	19A-708.68	Phú Thọ
499	21A-213.13	Yên Bái	1499	22A-259.66	Tuyên Quang	2499	19A-711.66	Phú Thọ
500	22A-250.86	Tuyên Quang	1500	22A-265.39	Tuyên Quang	2500	19A-711.69	Phú Thọ
501	22A-256.16	Tuyên Quang	1501	23A-156.11	Hà Giang	2501	20A-794.88	Thái Nguyên
502	22A-263.00	Tuyên Quang	1502	23A-159.68	Hà Giang	2502	20A-796.68	Thái Nguyên
503	22A-264.65	Tuyên Quang	1503	23A-162.89	Hà Giang	2503	20A-796.79	Thái Nguyên
504	23A-158.51	Hà Giang	1504	23A-163.68	Hà Giang	2504	20A-800.69	Thái Nguyên
505	23A-158.99	Hà Giang	1505	23C-088.99	Hà Giang	2505	20A-803.30	Thái Nguyên
506	23A-162.16	Hà Giang	1506	24A-310.79	Lào Cai	2506	20A-818.06	Thái Nguyên
507	24A-309.44	Lào Cai	1507	24A-313.88	Lào Cai	2507	20A-819.72	Thái Nguyên

Đ
C
Đ
H
V
H
X

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
508	24A-309.66	Lào Cai	1508	24A-314.95	Lào Cai	2508	20A-819.87	Thái Nguyên
509	24A-311.88	Lào Cai	1509	26A-208.80	Sơn La	2509	20A-820.11	Thái Nguyên
510	25A-083.83	Lai Châu	1510	26A-222.03	Sơn La	2510	20A-832.15	Thái Nguyên
511	25A-084.33	Lai Châu	1511	26A-225.66	Sơn La	2511	20A-834.00	Thái Nguyên
512	26A-229.33	Sơn La	1512	26A-226.62	Sơn La	2512	20A-835.59	Thái Nguyên
513	27A-113.89	Điện Biên	1513	26A-231.00	Sơn La	2513	20A-836.55	Thái Nguyên
514	27A-128.12	Điện Biên	1514	26A-231.89	Sơn La	2514	20A-843.11	Thái Nguyên
515	28A-237.39	Hòa Bình	1515	26A-232.99	Sơn La	2515	20A-844.77	Thái Nguyên
516	28A-239.86	Hòa Bình	1516	26C-162.88	Sơn La	2516	20A-845.00	Thái Nguyên
517	28A-244.11	Hòa Bình	1517	27A-112.79	Điện Biên	2517	20A-850.00	Thái Nguyên
518	29K-238.29	Hà Nội	1518	27A-114.41	Điện Biên	2518	20A-850.39	Thái Nguyên
519	29K-239.39	Hà Nội	1519	27A-124.21	Điện Biên	2519	20A-850.86	Thái Nguyên
520	29K-245.06	Hà Nội	1520	27A-126.56	Điện Biên	2520	20A-852.26	Thái Nguyên
521	29K-269.25	Hà Nội	1521	28A-248.86	Hòa Bình	2521	20A-852.66	Thái Nguyên
522	29K-292.85	Hà Nội	1522	28A-251.88	Hòa Bình	2522	20A-858.69	Thái Nguyên
523	29K-314.58	Hà Nội	1523	28A-251.99	Hòa Bình	2523	21A-214.77	Yên Bái
524	34A-821.68	Hải Dương	1524	28A-256.77	Hòa Bình	2524	21A-219.00	Yên Bái
525	34A-851.86	Hải Dương	1525	28A-258.00	Hòa Bình	2525	22A-246.79	Tuyên Quang
526	34A-866.77	Hải Dương	1526	29K-227.38	Hà Nội	2526	22A-261.22	Tuyên Quang
527	34A-870.77	Hải Dương	1527	29K-230.58	Hà Nội	2527	22A-265.69	Tuyên Quang
528	34A-871.71	Hải Dương	1528	29K-232.98	Hà Nội	2528	22A-265.99	Tuyên Quang
529	34A-879.65	Hải Dương	1529	29K-236.18	Hà Nội	2529	23A-149.88	Hà Giang
530	34A-884.22	Hải Dương	1530	29K-269.36	Hà Nội	2530	23A-156.00	Hà Giang
531	34A-893.44	Hải Dương	1531	29K-269.58	Hà Nội	2531	23A-160.69	Hà Giang
532	34A-898.06	Hải Dương	1532	29K-275.58	Hà Nội	2532	24A-299.39	Lào Cai
533	34A-904.99	Hải Dương	1533	29K-292.96	Hà Nội	2533	24A-313.55	Lào Cai
534	34A-915.08	Hải Dương	1534	29K-313.56	Hà Nội	2534	25A-082.83	Lai Châu
535	34A-915.39	Hải Dương	1535	34A-823.39	Hải Dương	2535	26A-215.15	Sơn La
536	34A-916.28	Hải Dương	1536	34A-814.68	Hải Dương	2536	26A-223.99	Sơn La
537	34A-917.39	Hải Dương	1537	34A-858.00	Hải Dương	2537	26A-233.79	Sơn La
538	35A-445.66	Ninh Bình	1538	34A-863.39	Hải Dương	2538	27A-112.69	Điện Biên
539	35A-447.44	Ninh Bình	1539	34A-870.89	Hải Dương	2539	27A-124.95	Điện Biên
540	35A-448.79	Ninh Bình	1540	34A-871.99	Hải Dương	2540	28A-246.69	Hòa Bình
541	35A-449.39	Ninh Bình	1541	34A-878.55	Hải Dương	2541	28A-253.86	Hòa Bình
542	35A-450.45	Ninh Bình	1542	34A-883.55	Hải Dương	2542	29K-222.28	Hà Nội
543	35A-457.11	Ninh Bình	1543	34A-883.58	Hải Dương	2543	29K-227.26	Hà Nội
544	35A-461.25	Ninh Bình	1544	34A-883.69	Hải Dương	2544	29K-239.25	Hà Nội
545	35A-461.56	Ninh Bình	1545	34A-886.38	Hải Dương	2545	29K-265.04	Hà Nội
546	36K-064.99	Thanh Hóa	1546	34A-889.55	Hải Dương	2546	29K-292.16	Hà Nội
547	36K-081.68	Thanh Hóa	1547	34A-893.77	Hải Dương	2547	34A-812.86	Hải Dương
548	36K-097.39	Thanh Hóa	1548	34A-895.44	Hải Dương	2548	34A-813.79	Hải Dương
549	36K-111.56	Thanh Hóa	1549	34A-897.66	Hải Dương	2549	34A-820.00	Hải Dương
550	36K-120.79	Thanh Hóa	1550	34A-900.26	Hải Dương	2550	34A-827.68	Hải Dương
551	36K-130.86	Thanh Hóa	1551	34A-901.11	Hải Dương	2551	34A-828.39	Hải Dương
552	36K-140.59	Thanh Hóa	1552	34A-901.95	Hải Dương	2552	34A-863.33	Hải Dương
553	36K-140.88	Thanh Hóa	1553	34A-904.22	Hải Dương	2553	34A-867.00	Hải Dương
554	36K-141.69	Thanh Hóa	1554	34A-905.06	Hải Dương	2554	34A-875.76	Hải Dương
555	36K-141.89	Thanh Hóa	1555	34A-906.22	Hải Dương	2555	34A-876.06	Hải Dương
556	36K-148.19	Thanh Hóa	1556	34A-907.00	Hải Dương	2556	34A-880.00	Hải Dương
557	36K-150.89	Thanh Hóa	1557	34A-913.68	Hải Dương	2557	34A-881.33	Hải Dương
558	36K-157.28	Thanh Hóa	1558	34A-914.69	Hải Dương	2558	34A-883.89	Hải Dương

41
G T
I GI
DAN
NAI
IN - 7

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
559	36K-157.86	Thanh Hóa	1559	34A-917.89	Hải Dương	2559	34A-886.07	Hải Dương
560	36K-158.15	Thanh Hóa	1560	34A-918.00	Hải Dương	2560	34A-890.77	Hải Dương
561	36K-158.96	Thanh Hóa	1561	35A-432.86	Ninh Bình	2561	34A-901.15	Hải Dương
562	36K-160.60	Thanh Hóa	1562	35A-446.79	Ninh Bình	2562	34A-901.22	Hải Dương
563	36K-165.85	Thanh Hóa	1563	35A-452.22	Ninh Bình	2563	34A-914.96	Hải Dương
564	36K-166.44	Thanh Hóa	1564	35A-457.75	Ninh Bình	2564	34A-916.85	Hải Dương
565	36K-167.55	Thanh Hóa	1565	35A-459.79	Ninh Bình	2565	34A-917.86	Hải Dương
566	36K-170.83	Thanh Hóa	1566	35A-461.61	Ninh Bình	2566	35A-427.86	Ninh Bình
567	36K-178.17	Thanh Hóa	1567	35A-463.11	Ninh Bình	2567	35A-431.88	Ninh Bình
568	36K-187.99	Thanh Hóa	1568	36K-044.66	Thanh Hóa	2568	35A-444.86	Ninh Bình
569	36K-193.69	Thanh Hóa	1569	36K-060.00	Thanh Hóa	2569	35A-445.45	Ninh Bình
570	36K-194.08	Thanh Hóa	1570	36K-087.78	Thanh Hóa	2570	35A-447.69	Ninh Bình
571	36K-194.55	Thanh Hóa	1571	36K-105.79	Thanh Hóa	2571	35A-453.11	Ninh Bình
572	36K-197.98	Thanh Hóa	1572	36K-108.79	Thanh Hóa	2572	35A-456.39	Ninh Bình
573	36K-198.05	Thanh Hóa	1573	36K-142.00	Thanh Hóa	2573	36K-042.68	Thanh Hóa
574	36K-200.77	Thanh Hóa	1574	36K-144.33	Thanh Hóa	2574	36K-051.99	Thanh Hóa
575	36K-206.02	Thanh Hóa	1575	36K-145.44	Thanh Hóa	2575	36K-056.79	Thanh Hóa
576	36K-207.88	Thanh Hóa	1576	36K-146.99	Thanh Hóa	2576	36K-070.70	Thanh Hóa
577	36K-217.68	Thanh Hóa	1577	36K-148.99	Thanh Hóa	2577	36K-075.68	Thanh Hóa
578	36K-220.89	Thanh Hóa	1578	36K-149.44	Thanh Hóa	2578	36K-126.62	Thanh Hóa
579	36K-221.79	Thanh Hóa	1579	36K-150.15	Thanh Hóa	2579	36K-137.66	Thanh Hóa
580	36K-223.00	Thanh Hóa	1580	36K-150.66	Thanh Hóa	2580	36K-138.25	Thanh Hóa
581	36K-224.83	Thanh Hóa	1581	36K-157.58	Thanh Hóa	2581	36K-139.66	Thanh Hóa
582	36K-225.25	Thanh Hóa	1582	36K-176.76	Thanh Hóa	2582	36K-140.09	Thanh Hóa
583	36K-227.11	Thanh Hóa	1583	36K-177.38	Thanh Hóa	2583	36K-142.41	Thanh Hóa
584	36K-227.88	Thanh Hóa	1584	36K-178.55	Thanh Hóa	2584	36K-143.34	Thanh Hóa
585	37K-342.42	Nghệ An	1585	36K-185.81	Thanh Hóa	2585	36K-147.99	Thanh Hóa
586	37K-343.69	Nghệ An	1586	36K-185.88	Thanh Hóa	2586	36K-151.86	Thanh Hóa
587	37K-361.61	Nghệ An	1587	36K-187.86	Thanh Hóa	2587	36K-154.89	Thanh Hóa
588	37K-365.39	Nghệ An	1588	36K-192.68	Thanh Hóa	2588	36K-155.00	Thanh Hóa
589	37K-388.69	Nghệ An	1589	36K-196.55	Thanh Hóa	2589	36K-155.15	Thanh Hóa
590	37K-394.11	Nghệ An	1590	36K-197.83	Thanh Hóa	2590	36K-160.00	Thanh Hóa
591	37K-394.33	Nghệ An	1591	36K-200.89	Thanh Hóa	2591	36K-163.44	Thanh Hóa
592	37K-395.93	Nghệ An	1592	36K-206.88	Thanh Hóa	2592	36K-163.96	Thanh Hóa
593	37K-411.12	Nghệ An	1593	36K-211.79	Thanh Hóa	2593	36K-164.39	Thanh Hóa
594	37K-412.77	Nghệ An	1594	36K-212.36	Thanh Hóa	2594	36K-166.33	Thanh Hóa
595	37K-415.14	Nghệ An	1595	36K-213.65	Thanh Hóa	2595	36K-167.67	Thanh Hóa
596	37K-418.99	Nghệ An	1596	36K-220.00	Thanh Hóa	2596	36K-168.39	Thanh Hóa
597	37K-422.98	Nghệ An	1597	36K-222.78	Thanh Hóa	2597	36K-173.73	Thanh Hóa
598	37K-428.00	Nghệ An	1598	37K-348.99	Nghệ An	2598	36K-175.77	Thanh Hóa
599	37K-433.66	Nghệ An	1599	37K-353.89	Nghệ An	2599	36K-177.06	Thanh Hóa
600	37K-438.00	Nghệ An	1600	37K-373.66	Nghệ An	2600	36K-183.55	Thanh Hóa
601	37K-438.44	Nghệ An	1601	37K-387.79	Nghệ An	2601	36K-183.84	Thanh Hóa
602	37K-440.22	Nghệ An	1602	37K-389.33	Nghệ An	2602	36K-191.55	Thanh Hóa
603	37K-441.22	Nghệ An	1603	37K-394.39	Nghệ An	2603	36K-192.22	Thanh Hóa
604	37K-443.33	Nghệ An	1604	37K-394.94	Nghệ An	2604	36K-194.89	Thanh Hóa
605	37K-443.88	Nghệ An	1605	37K-401.19	Nghệ An	2605	36K-199.48	Thanh Hóa
606	37K-450.55	Nghệ An	1606	37K-401.79	Nghệ An	2606	36K-200.88	Thanh Hóa
607	37K-451.68	Nghệ An	1607	37K-404.40	Nghệ An	2607	36K-209.79	Thanh Hóa
608	37K-452.65	Nghệ An	1608	37K-406.79	Nghệ An	2608	36K-214.79	Thanh Hóa
609	37K-464.89	Nghệ An	1609	37K-407.68	Nghệ An	2609	36K-216.61	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
610	37K-469.44	Nghệ An	1610	37K-410.10	Nghệ An	2610	36K-219.44	Thanh Hóa
611	37K-470.44	Nghệ An	1611	37K-410.66	Nghệ An	2611	36K-219.76	Thanh Hóa
612	37K-473.88	Nghệ An	1612	37K-413.89	Nghệ An	2612	36K-222.67	Thanh Hóa
613	37K-481.79	Nghệ An	1613	37K-415.69	Nghệ An	2613	36K-225.36	Thanh Hóa
614	38A-604.86	Hà Tĩnh	1614	37K-418.19	Nghệ An	2614	37K-332.77	Nghệ An
615	38A-632.22	Hà Tĩnh	1615	37K-423.22	Nghệ An	2615	37K-332.89	Nghệ An
616	38A-637.66	Hà Tĩnh	1616	37K-425.42	Nghệ An	2616	37K-357.75	Nghệ An
617	38A-638.33	Hà Tĩnh	1617	37K-425.44	Nghệ An	2617	37K-377.86	Nghệ An
618	38A-640.66	Hà Tĩnh	1618	37K-429.44	Nghệ An	2618	37K-385.99	Nghệ An
619	38A-641.56	Hà Tĩnh	1619	37K-430.22	Nghệ An	2619	37K-397.88	Nghệ An
620	38A-641.77	Hà Tĩnh	1620	37K-431.31	Nghệ An	2620	37K-399.44	Nghệ An
621	38A-641.79	Hà Tĩnh	1621	37K-436.89	Nghệ An	2621	37K-400.04	Nghệ An
622	38A-641.88	Hà Tĩnh	1622	37K-438.06	Nghệ An	2622	37K-403.39	Nghệ An
623	38A-644.28	Hà Tĩnh	1623	37K-438.68	Nghệ An	2623	37K-403.66	Nghệ An
624	38A-652.59	Hà Tĩnh	1624	37K-444.04	Nghệ An	2624	37K-406.18	Nghệ An
625	38A-654.77	Hà Tĩnh	1625	37K-444.57	Nghệ An	2625	37K-407.39	Nghệ An
626	38A-654.86	Hà Tĩnh	1626	37K-446.44	Nghệ An	2626	37K-408.39	Nghệ An
627	38A-655.96	Hà Tĩnh	1627	37K-448.33	Nghệ An	2627	37K-414.55	Nghệ An
628	38A-660.61	Hà Tĩnh	1628	37K-449.77	Nghệ An	2628	37K-414.66	Nghệ An
629	38A-670.70	Hà Tĩnh	1629	37K-450.22	Nghệ An	2629	37K-416.28	Nghệ An
630	38A-671.72	Hà Tĩnh	1630	37K-450.25	Nghệ An	2630	37K-416.58	Nghệ An
631	38A-673.73	Hà Tĩnh	1631	37K-452.39	Nghệ An	2631	37K-417.55	Nghệ An
632	38A-676.58	Hà Tĩnh	1632	37K-462.89	Nghệ An	2632	37K-431.11	Nghệ An
633	43A-876.39	Đà Nẵng	1633	37K-463.69	Nghệ An	2633	37K-433.69	Nghệ An
634	43A-876.69	Đà Nẵng	1634	37K-464.79	Nghệ An	2634	37K-435.53	Nghệ An
635	43A-881.89	Đà Nẵng	1635	37K-468.55	Nghệ An	2635	37K-435.86	Nghệ An
636	43A-902.90	Đà Nẵng	1636	37K-469.55	Nghệ An	2636	37K-438.11	Nghệ An
637	43A-908.69	Đà Nẵng	1637	37K-470.00	Nghệ An	2637	37K-439.77	Nghệ An
638	43A-909.11	Đà Nẵng	1638	37K-470.89	Nghệ An	2638	37K-439.93	Nghệ An
639	43A-910.01	Đà Nẵng	1639	37K-471.25	Nghệ An	2639	37K-441.15	Nghệ An
640	43A-912.83	Đà Nẵng	1640	37K-479.15	Nghệ An	2640	37K-441.69	Nghệ An
641	43A-912.99	Đà Nẵng	1641	37K-479.33	Nghệ An	2641	37K-443.38	Nghệ An
642	43A-913.86	Đà Nẵng	1642	37K-481.83	Nghệ An	2642	37K-446.11	Nghệ An
643	43A-917.56	Đà Nẵng	1643	38A-608.08	Hà Tĩnh	2643	37K-450.33	Nghệ An
644	43A-923.32	Đà Nẵng	1644	38A-629.86	Hà Tĩnh	2644	37K-453.79	Nghệ An
645	43A-930.33	Đà Nẵng	1645	38A-646.79	Hà Tĩnh	2645	37K-456.44	Nghệ An
646	43A-934.77	Đà Nẵng	1646	38A-648.49	Hà Tĩnh	2646	37K-463.09	Nghệ An
647	43A-935.66	Đà Nẵng	1647	38A-650.56	Hà Tĩnh	2647	37K-463.86	Nghệ An
648	43A-935.89	Đà Nẵng	1648	38A-650.89	Hà Tĩnh	2648	37K-466.18	Nghệ An
649	43A-939.88	Đà Nẵng	1649	38A-652.00	Hà Tĩnh	2649	37K-471.56	Nghệ An
650	47A-720.02	Đắk Lắk	1650	38A-653.11	Hà Tĩnh	2650	37K-474.79	Nghệ An
651	47A-752.22	Đắk Lắk	1651	38A-653.54	Hà Tĩnh	2651	37K-477.33	Nghệ An
652	47A-754.68	Đắk Lắk	1652	38A-654.66	Hà Tĩnh	2652	37K-480.58	Nghệ An
653	47A-756.65	Đắk Lắk	1653	38A-658.85	Hà Tĩnh	2653	37K-481.33	Nghệ An
654	47A-760.61	Đắk Lắk	1654	38A-664.55	Hà Tĩnh	2654	38A-605.79	Hà Tĩnh
655	47A-761.55	Đắk Lắk	1655	38A-665.44	Hà Tĩnh	2655	38A-632.23	Hà Tĩnh
656	47A-763.69	Đắk Lắk	1656	38A-669.00	Hà Tĩnh	2656	38A-635.66	Hà Tĩnh
657	47A-763.79	Đắk Lắk	1657	38A-670.36	Hà Tĩnh	2657	38A-639.77	Hà Tĩnh
658	47A-769.67	Đắk Lắk	1658	38A-676.16	Hà Tĩnh	2658	38A-643.39	Hà Tĩnh
659	47A-773.88	Đắk Lắk	1659	38A-676.38	Hà Tĩnh	2659	38A-644.79	Hà Tĩnh
660	47A-774.47	Đắk Lắk	1660	38A-676.44	Hà Tĩnh	2660	38A-646.64	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
661	47A-788.28	Đắk Lắk	1661	43A-871.66	Đà Nẵng	2661	38A-648.44	Hà Tĩnh
662	47A-797.11	Đắk Lắk	1662	43A-887.87	Đà Nẵng	2662	38A-656.28	Hà Tĩnh
663	47A-800.86	Đắk Lắk	1663	43A-900.89	Đà Nẵng	2663	38A-659.22	Hà Tĩnh
664	47A-801.02	Đắk Lắk	1664	43A-901.00	Đà Nẵng	2664	38A-659.77	Hà Tĩnh
665	47A-802.08	Đắk Lắk	1665	43A-903.30	Đà Nẵng	2665	38A-662.77	Hà Tĩnh
666	47A-802.86	Đắk Lắk	1666	43A-904.09	Đà Nẵng	2666	38A-662.89	Hà Tĩnh
667	47A-805.69	Đắk Lắk	1667	43A-905.06	Đà Nẵng	2667	38A-666.41	Hà Tĩnh
668	47A-806.89	Đắk Lắk	1668	43A-907.77	Đà Nẵng	2668	38A-667.22	Hà Tĩnh
669	47A-813.33	Đắk Lắk	1669	43A-913.19	Đà Nẵng	2669	38A-672.99	Hà Tĩnh
670	48A-234.43	Đắk Nông	1670	43A-913.91	Đà Nẵng	2670	38A-673.68	Hà Tĩnh
671	48A-237.69	Đắk Nông	1671	43A-916.91	Đà Nẵng	2671	43A-863.99	Đà Nẵng
672	48A-242.44	Đắk Nông	1672	43A-919.92	Đà Nẵng	2672	43A-867.76	Đà Nẵng
673	48A-243.11	Đắk Nông	1673	43A-920.29	Đà Nẵng	2673	43A-902.18	Đà Nẵng
674	48A-246.99	Đắk Nông	1674	43A-924.55	Đà Nẵng	2674	43A-909.79	Đà Nẵng
675	48A-247.15	Đắk Nông	1675	43A-926.68	Đà Nẵng	2675	43A-914.35	Đà Nẵng
676	48A-247.68	Đắk Nông	1676	43A-928.00	Đà Nẵng	2676	43A-919.86	Đà Nẵng
677	49A-695.88	Lâm Đồng	1677	43A-931.15	Đà Nẵng	2677	43A-920.35	Đà Nẵng
678	49A-710.10	Lâm Đồng	1678	43A-932.99	Đà Nẵng	2678	43A-921.58	Đà Nẵng
679	49A-711.79	Lâm Đồng	1679	43A-938.44	Đà Nẵng	2679	43A-922.15	Đà Nẵng
680	49A-712.17	Lâm Đồng	1680	47A-712.68	Đắk Lắk	2680	43A-924.77	Đà Nẵng
681	49A-713.55	Lâm Đồng	1681	47A-713.88	Đắk Lắk	2681	43A-924.88	Đà Nẵng
682	49A-718.22	Lâm Đồng	1682	47A-724.39	Đắk Lắk	2682	43A-925.33	Đà Nẵng
683	49A-721.19	Lâm Đồng	1683	47A-738.83	Đắk Lắk	2683	43A-931.86	Đà Nẵng
684	49A-723.88	Lâm Đồng	1684	47A-757.86	Đắk Lắk	2684	43A-931.98	Đà Nẵng
685	49A-727.89	Lâm Đồng	1685	47A-763.68	Đắk Lắk	2685	43A-934.00	Đà Nẵng
686	49A-728.55	Lâm Đồng	1686	47A-775.68	Đắk Lắk	2686	43A-936.44	Đà Nẵng
687	49A-729.00	Lâm Đồng	1687	47A-777.34	Đắk Lắk	2687	43A-937.86	Đà Nẵng
688	49A-729.33	Lâm Đồng	1688	47A-778.11	Đắk Lắk	2688	43A-939.00	Đà Nẵng
689	49A-732.77	Lâm Đồng	1689	47A-784.88	Đắk Lắk	2689	47A-740.79	Đắk Lắk
690	49A-741.55	Lâm Đồng	1690	47A-795.96	Đắk Lắk	2690	47A-754.39	Đắk Lắk
691	49A-744.68	Lâm Đồng	1691	47A-802.03	Đắk Lắk	2691	47A-758.66	Đắk Lắk
692	51M-025.95	Hồ Chí Minh	1692	47A-803.80	Đắk Lắk	2692	47A-762.69	Đắk Lắk
693	51M-040.26	Hồ Chí Minh	1693	47A-811.22	Đắk Lắk	2693	47A-762.89	Đắk Lắk
694	51M-048.18	Hồ Chí Minh	1694	48A-222.77	Đắk Nông	2694	47A-764.11	Đắk Lắk
695	60K-512.89	Đồng Nai	1695	48A-241.66	Đắk Nông	2695	47A-770.70	Đắk Lắk
696	60K-519.98	Đồng Nai	1696	48A-243.42	Đắk Nông	2696	47A-778.44	Đắk Lắk
697	60K-521.21	Đồng Nai	1697	48A-245.66	Đắk Nông	2697	47A-781.66	Đắk Lắk
698	60K-526.62	Đồng Nai	1698	48A-245.77	Đắk Nông	2698	47A-785.77	Đắk Lắk
699	60K-526.89	Đồng Nai	1699	49A-680.79	Lâm Đồng	2699	47A-791.88	Đắk Lắk
700	60K-554.19	Đồng Nai	1700	49A-682.99	Lâm Đồng	2700	47A-797.18	Đắk Lắk
701	60K-554.69	Đồng Nai	1701	49A-708.89	Lâm Đồng	2701	47A-797.33	Đắk Lắk
702	60K-554.77	Đồng Nai	1702	49A-709.70	Lâm Đồng	2702	47A-803.58	Đắk Lắk
703	60K-567.44	Đồng Nai	1703	49A-713.22	Lâm Đồng	2703	47A-812.33	Đắk Lắk
704	60K-568.95	Đồng Nai	1704	49A-715.86	Lâm Đồng	2704	48A-222.09	Đắk Nông
705	60K-570.11	Đồng Nai	1705	49A-716.61	Lâm Đồng	2705	48A-236.88	Đắk Nông
706	60K-570.65	Đồng Nai	1706	49A-717.00	Lâm Đồng	2706	48A-242.89	Đắk Nông
707	60K-571.08	Đồng Nai	1707	49A-719.88	Lâm Đồng	2707	48A-243.39	Đắk Nông
708	60K-571.39	Đồng Nai	1708	49A-724.36	Lâm Đồng	2708	48A-247.69	Đắk Nông
709	60K-578.00	Đồng Nai	1709	49A-725.25	Lâm Đồng	2709	49A-674.89	Lâm Đồng
710	60K-585.79	Đồng Nai	1710	49A-729.88	Lâm Đồng	2710	49A-678.66	Lâm Đồng
711	60K-588.16	Đồng Nai	1711	49A-731.69	Lâm Đồng	2711	49A-700.11	Lâm Đồng

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
712	60K-594.39	Đồng Nai	1712	49A-731.89	Lâm Đồng	2712	49A-715.77	Lâm Đồng
713	60K-600.99	Đồng Nai	1713	49A-734.73	Lâm Đồng	2713	49A-719.60	Lâm Đồng
714	60K-604.89	Đồng Nai	1714	49A-736.08	Lâm Đồng	2714	49A-722.33	Lâm Đồng
715	60K-605.33	Đồng Nai	1715	49A-740.74	Lâm Đồng	2715	49A-724.11	Lâm Đồng
716	60K-605.79	Đồng Nai	1716	49A-741.66	Lâm Đồng	2716	49A-726.62	Lâm Đồng
717	60K-606.16	Đồng Nai	1717	49A-744.59	Lâm Đồng	2717	49A-727.33	Lâm Đồng
718	60K-606.89	Đồng Nai	1718	49A-744.74	Lâm Đồng	2718	49A-730.22	Lâm Đồng
719	60K-609.08	Đồng Nai	1719	51M-022.98	Hồ Chí Minh	2719	49A-731.44	Lâm Đồng
720	60K-615.16	Đồng Nai	1720	60K-500.39	Đồng Nai	2720	49A-732.23	Lâm Đồng
721	60K-617.18	Đồng Nai	1721	60K-504.04	Đồng Nai	2721	49A-732.32	Lâm Đồng
722	60K-618.61	Đồng Nai	1722	60K-512.22	Đồng Nai	2722	49A-733.66	Lâm Đồng
723	61K-414.14	Bình Dương	1723	60K-540.89	Đồng Nai	2723	49A-733.73	Lâm Đồng
724	61K-418.86	Bình Dương	1724	60K-549.39	Đồng Nai	2724	49A-740.47	Lâm Đồng
725	61K-432.86	Bình Dương	1725	60K-549.54	Đồng Nai	2725	49A-740.99	Lâm Đồng
726	61K-439.89	Bình Dương	1726	60K-549.69	Đồng Nai	2726	49A-744.66	Lâm Đồng
727	61K-439.68	Bình Dương	1727	60K-554.33	Đồng Nai	2727	49A-745.79	Lâm Đồng
728	61K-445.66	Bình Dương	1728	60K-559.00	Đồng Nai	2728	51M-013.85	Hồ Chí Minh
729	61K-450.89	Bình Dương	1729	60K-559.85	Đồng Nai	2729	51M-032.09	Hồ Chí Minh
730	61K-456.54	Bình Dương	1730	60K-561.16	Đồng Nai	2730	51M-041.18	Hồ Chí Minh
731	61K-462.99	Bình Dương	1731	60K-571.72	Đồng Nai	2731	51M-050.28	Hồ Chí Minh
732	61K-463.33	Bình Dương	1732	60K-578.22	Đồng Nai	2732	60K-506.99	Đồng Nai
733	61K-463.38	Bình Dương	1733	60K-583.38	Đồng Nai	2733	60K-547.06	Đồng Nai
734	61K-470.99	Bình Dương	1734	60K-583.86	Đồng Nai	2734	60K-547.45	Đồng Nai
735	61K-473.86	Bình Dương	1735	60K-584.96	Đồng Nai	2735	60K-549.88	Đồng Nai
736	61K-474.83	Bình Dương	1736	60K-590.69	Đồng Nai	2736	60K-551.16	Đồng Nai
737	61K-475.29	Bình Dương	1737	60K-596.86	Đồng Nai	2737	60K-555.12	Đồng Nai
738	61K-475.57	Bình Dương	1738	60K-597.66	Đồng Nai	2738	60K-558.33	Đồng Nai
739	61K-477.86	Bình Dương	1739	60K-600.07	Đồng Nai	2739	60K-560.00	Đồng Nai
740	61K-479.11	Bình Dương	1740	60K-601.68	Đồng Nai	2740	60K-564.55	Đồng Nai
741	61K-480.06	Bình Dương	1741	60K-608.39	Đồng Nai	2741	60K-566.29	Đồng Nai
742	61K-481.18	Bình Dương	1742	60K-609.68	Đồng Nai	2742	60K-570.57	Đồng Nai
743	61K-483.44	Bình Dương	1743	60K-616.99	Đồng Nai	2743	60K-574.47	Đồng Nai
744	61K-491.89	Bình Dương	1744	60K-617.11	Đồng Nai	2744	60K-575.39	Đồng Nai
745	61K-502.11	Bình Dương	1745	61K-413.99	Bình Dương	2745	60K-582.89	Đồng Nai
746	61K-504.68	Bình Dương	1746	61K-415.69	Bình Dương	2746	60K-583.89	Đồng Nai
747	61K-506.39	Bình Dương	1747	61K-443.06	Bình Dương	2747	60K-584.98	Đồng Nai
748	61K-514.83	Bình Dương	1748	61K-450.50	Bình Dương	2748	60K-585.77	Đồng Nai
749	61K-516.59	Bình Dương	1749	61K-451.86	Bình Dương	2749	60K-587.69	Đồng Nai
750	62A-424.79	Long An	1750	61K-454.16	Bình Dương	2750	60K-588.11	Đồng Nai
751	62A-432.68	Long An	1751	61K-462.22	Bình Dương	2751	60K-589.00	Đồng Nai
752	62A-434.68	Long An	1752	61K-469.11	Bình Dương	2752	60K-594.77	Đồng Nai
753	62A-436.36	Long An	1753	61K-469.89	Bình Dương	2753	60K-597.44	Đồng Nai
754	62A-440.89	Long An	1754	61K-470.00	Bình Dương	2754	60K-600.18	Đồng Nai
755	62A-444.77	Long An	1755	61K-473.00	Bình Dương	2755	60K-603.99	Đồng Nai
756	62A-450.58	Long An	1756	61K-473.39	Bình Dương	2756	60K-604.11	Đồng Nai
757	62A-452.16	Long An	1757	61K-483.84	Bình Dương	2757	60K-613.44	Đồng Nai
758	62A-456.99	Long An	1758	61K-484.86	Bình Dương	2758	60K-617.85	Đồng Nai
759	62A-457.38	Long An	1759	61K-484.95	Bình Dương	2759	61K-411.77	Bình Dương
760	62A-463.28	Long An	1760	61K-485.00	Bình Dương	2760	61K-417.71	Bình Dương
761	62A-464.77	Long An	1761	61K-488.22	Bình Dương	2761	61K-438.83	Bình Dương
762	62A-465.11	Long An	1762	61K-488.55	Bình Dương	2762	61K-439.69	Bình Dương

1 - C
TỶ
GIÁ
ANH
JAM
1 - T.P.H

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
763	63A-303.86	Tiền Giang	1763	61K-493.77	Bình Dương	2763	61K-444.04	Bình Dương
764	63A-307.89	Tiền Giang	1764	61K-498.39	Bình Dương	2764	61K-444.12	Bình Dương
765	63A-312.21	Tiền Giang	1765	61K-501.01	Bình Dương	2765	61K-444.33	Bình Dương
766	63A-314.77	Tiền Giang	1766	61K-510.86	Bình Dương	2766	61K-448.39	Bình Dương
767	63A-315.22	Tiền Giang	1767	61K-516.33	Bình Dương	2767	61K-451.99	Bình Dương
768	63A-315.39	Tiền Giang	1768	61K-516.61	Bình Dương	2768	61K-452.77	Bình Dương
769	63A-316.99	Tiền Giang	1769	61K-518.11	Bình Dương	2769	61K-453.11	Bình Dương
770	64A-195.86	Vĩnh Long	1770	62A-430.00	Long An	2770	61K-453.68	Bình Dương
771	64A-196.99	Vĩnh Long	1771	62A-450.95	Long An	2771	61K-459.54	Bình Dương
772	64A-200.07	Vĩnh Long	1772	62A-454.55	Long An	2772	61K-476.47	Bình Dương
773	64A-201.77	Vĩnh Long	1773	62A-455.85	Long An	2773	61K-479.74	Bình Dương
774	65A-442.66	Cần Thơ	1774	62A-457.99	Long An	2774	61K-481.29	Bình Dương
775	65A-490.79	Cần Thơ	1775	62A-461.33	Long An	2775	61K-483.39	Bình Dương
776	65A-494.00	Cần Thơ	1776	62A-461.86	Long An	2776	61K-489.39	Bình Dương
777	65A-494.44	Cần Thơ	1777	62A-462.95	Long An	2777	61K-492.77	Bình Dương
778	65A-495.79	Cần Thơ	1778	62A-463.39	Long An	2778	61K-496.38	Bình Dương
779	65A-504.86	Cần Thơ	1779	62A-465.69	Long An	2779	61K-500.07	Bình Dương
780	65A-505.00	Cần Thơ	1780	62A-468.58	Long An	2780	61K-503.25	Bình Dương
781	65A-506.58	Cần Thơ	1781	62A-469.11	Long An	2781	61K-509.68	Bình Dương
782	65A-509.09	Cần Thơ	1782	63A-299.00	Tiền Giang	2782	61K-516.09	Bình Dương
783	65A-509.88	Cần Thơ	1783	63A-311.44	Tiền Giang	2783	61K-517.17	Bình Dương
784	65A-512.77	Cần Thơ	1784	63A-315.16	Tiền Giang	2784	62A-450.05	Long An
785	66A-288.00	Đồng Tháp	1785	63A-321.68	Tiền Giang	2785	62A-454.15	Long An
786	66A-288.69	Đồng Tháp	1786	64A-193.33	Vĩnh Long	2786	62A-455.25	Long An
787	66A-292.29	Đồng Tháp	1787	64A-195.99	Vĩnh Long	2787	62A-460.89	Long An
788	66A-292.79	Đồng Tháp	1788	64A-198.29	Vĩnh Long	2788	62A-464.28	Long An
789	67A-304.88	An Giang	1789	64A-198.66	Vĩnh Long	2789	62A-464.83	Long An
790	67A-310.01	An Giang	1790	64A-199.03	Vĩnh Long	2790	63A-307.07	Tiền Giang
791	67A-318.00	An Giang	1791	64A-200.99	Vĩnh Long	2791	63A-307.79	Tiền Giang
792	67A-319.00	An Giang	1792	64A-202.02	Vĩnh Long	2792	63A-309.03	Tiền Giang
793	67A-326.86	An Giang	1793	65A-446.89	Cần Thơ	2793	63A-309.96	Tiền Giang
794	68A-330.79	Kiên Giang	1794	65A-477.88	Cần Thơ	2794	63A-310.33	Tiền Giang
795	68A-359.55	Kiên Giang	1795	65A-494.39	Cần Thơ	2795	63A-315.69	Tiền Giang
796	68A-363.44	Kiên Giang	1796	65A-497.33	Cần Thơ	2796	63A-316.26	Tiền Giang
797	69A-160.39	Cà Mau	1797	65A-502.02	Cần Thơ	2797	63A-316.79	Tiền Giang
798	70A-550.50	Tây Ninh	1798	65A-505.77	Cần Thơ	2798	63A-319.39	Tiền Giang
799	70A-550.89	Tây Ninh	1799	65A-506.09	Cần Thơ	2799	63A-319.76	Tiền Giang
800	70A-556.15	Tây Ninh	1800	65A-507.86	Cần Thơ	2800	63A-319.93	Tiền Giang
801	70A-567.06	Tây Ninh	1801	65A-509.77	Cần Thơ	2801	63A-320.23	Tiền Giang
802	70A-568.44	Tây Ninh	1802	65A-512.15	Cần Thơ	2802	64A-196.64	Vĩnh Long
803	70A-571.55	Tây Ninh	1803	65A-512.55	Cần Thơ	2803	64A-197.22	Vĩnh Long
804	70A-572.44	Tây Ninh	1804	65A-512.69	Cần Thơ	2804	64A-202.03	Vĩnh Long
805	70A-573.69	Tây Ninh	1805	66A-277.11	Đồng Tháp	2805	64A-202.28	Vĩnh Long
806	70A-573.74	Tây Ninh	1806	66A-295.33	Đồng Tháp	2806	64A-203.03	Vĩnh Long
807	70A-574.35	Tây Ninh	1807	66A-300.07	Đồng Tháp	2807	65A-467.69	Cần Thơ
808	70A-575.33	Tây Ninh	1808	67A-306.89	An Giang	2808	65A-476.68	Cần Thơ
809	70A-582.00	Tây Ninh	1809	67A-321.12	An Giang	2809	65A-493.79	Cần Thơ
810	71A-198.69	Bến Tre	1810	67A-324.24	An Giang	2810	65A-500.11	Cần Thơ
811	71A-202.36	Bến Tre	1811	68A-352.68	Kiên Giang	2811	65A-500.79	Cần Thơ
812	71A-207.44	Bến Tre	1812	68A-361.33	Kiên Giang	2812	65A-502.55	Cần Thơ
813	71A-208.99	Bến Tre	1813	68A-361.77	Kiên Giang	2813	65A-505.33	Cần Thơ

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
814	71A-210.08	Bến Tre	1814	68A-364.68	Kiên Giang	2814	65A-511.69	Cần Thơ
815	72A-806.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	1815	69A-165.11	Cà Mau	2815	66A-267.76	Đồng Tháp
816	72A-806.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	1816	69A-165.26	Cà Mau	2816	66A-272.89	Đồng Tháp
817	72A-807.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	1817	70A-535.79	Tây Ninh	2817	66A-290.91	Đồng Tháp
818	72A-809.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	1818	70A-560.88	Tây Ninh	2818	66A-297.33	Đồng Tháp
819	72A-810.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	1819	70A-562.56	Tây Ninh	2819	66A-297.96	Đồng Tháp
820	72A-812.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	1820	70A-562.66	Tây Ninh	2820	66A-298.44	Đồng Tháp
821	72A-817.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1821	70A-564.68	Tây Ninh	2821	66A-300.58	Đồng Tháp
822	72A-820.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	1822	70A-566.44	Tây Ninh	2822	67A-302.69	An Giang
823	72A-826.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	1823	70A-570.79	Tây Ninh	2823	67A-313.13	An Giang
824	72A-831.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	1824	70A-571.22	Tây Ninh	2824	67A-315.16	An Giang
825	72A-831.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	1825	70A-573.11	Tây Ninh	2825	67A-319.22	An Giang
826	72A-835.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	1826	70A-575.22	Tây Ninh	2826	68A-333.34	Kiên Giang
827	73A-343.68	Quảng Bình	1827	70A-582.88	Tây Ninh	2827	68A-349.86	Kiên Giang
828	73A-350.35	Quảng Bình	1828	70A-584.19	Tây Ninh	2828	68A-352.19	Kiên Giang
829	73A-359.35	Quảng Bình	1829	71A-204.39	Bến Tre	2829	68A-358.66	Kiên Giang
830	73A-364.64	Quảng Bình	1830	72A-806.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2830	68A-362.28	Kiên Giang
831	74A-267.79	Quảng Trị	1831	72A-810.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2831	69A-162.63	Cà Mau
832	74A-269.16	Quảng Trị	1832	72A-815.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2832	69A-163.69	Cà Mau
833	74A-270.09	Quảng Trị	1833	72A-818.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	2833	69A-164.19	Cà Mau
834	74A-273.22	Quảng Trị	1834	72A-818.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2834	69A-166.11	Cà Mau
835	74A-273.68	Quảng Trị	1835	72A-824.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	2835	69A-166.67	Cà Mau
836	74A-275.00	Quảng Trị	1836	72A-826.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2836	70A-524.24	Tây Ninh
837	74A-277.11	Quảng Trị	1837	72A-830.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2837	70A-524.99	Tây Ninh
838	75A-372.69	Thừa Thiên Huế	1838	73A-339.93	Quảng Bình	2838	70A-531.86	Tây Ninh
839	75A-373.69	Thừa Thiên Huế	1839	73A-342.99	Quảng Bình	2839	70A-555.90	Tây Ninh
840	75A-374.99	Thừa Thiên Huế	1840	73A-343.79	Quảng Bình	2840	70A-573.28	Tây Ninh
841	75A-377.26	Thừa Thiên Huế	1841	73A-349.89	Quảng Bình	2841	70A-579.00	Tây Ninh
842	75A-381.59	Thừa Thiên Huế	1842	73A-350.79	Quảng Bình	2842	70A-580.33	Tây Ninh
843	76A-321.11	Quảng Ngãi	1843	73A-353.86	Quảng Bình	2843	71A-202.99	Bến Tre
844	76A-322.77	Quảng Ngãi	1844	73A-362.22	Quảng Bình	2844	71A-206.83	Bến Tre
845	77A-323.68	Bình Định	1845	73A-362.44	Quảng Bình	2845	71A-207.19	Bến Tre
846	77A-332.55	Bình Định	1846	73A-364.33	Quảng Bình	2846	71A-210.65	Bến Tre
847	77A-332.66	Bình Định	1847	73A-365.36	Quảng Bình	2847	71A-211.00	Bến Tre
848	77A-341.69	Bình Định	1848	74A-255.79	Quảng Trị	2848	72A-800.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
849	77A-342.44	Bình Định	1849	74A-270.00	Quảng Trị	2849	72A-803.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
850	77A-344.77	Bình Định	1850	74A-273.37	Quảng Trị	2850	72A-816.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
851	77A-355.98	Bình Định	1851	75A-373.39	Thừa Thiên Huế	2851	72A-818.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
852	78A-206.44	Phú Yên	1852	75A-373.77	Thừa Thiên Huế	2852	72A-838.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
853	78A-212.13	Phú Yên	1853	75A-383.79	Thừa Thiên Huế	2853	73A-345.39	Quảng Bình
854	79A-536.79	Khánh Hòa	1854	75A-384.26	Thừa Thiên Huế	2854	73A-356.28	Quảng Bình
855	79A-544.77	Khánh Hòa	1855	76A-302.66	Quảng Ngãi	2855	73A-360.00	Quảng Bình
856	79A-547.22	Khánh Hòa	1856	76A-302.69	Quảng Ngãi	2856	73A-362.86	Quảng Bình
857	79A-548.96	Khánh Hòa	1857	76A-312.58	Quảng Ngãi	2857	73A-364.55	Quảng Bình
858	79A-550.88	Khánh Hòa	1858	76A-316.08	Quảng Ngãi	2858	73A-366.55	Quảng Bình
859	79A-555.09	Khánh Hòa	1859	76A-320.44	Quảng Ngãi	2859	73A-367.00	Quảng Bình
860	79A-555.34	Khánh Hòa	1860	76A-321.08	Quảng Ngãi	2860	73A-367.44	Quảng Bình
861	79A-558.39	Khánh Hòa	1861	77A-318.39	Bình Định	2861	74A-263.68	Quảng Trị
862	79A-560.88	Khánh Hòa	1862	77A-322.88	Bình Định	2862	74A-268.26	Quảng Trị
863	79A-561.22	Khánh Hòa	1863	77A-342.06	Bình Định	2863	74A-273.73	Quảng Trị
864	81A-403.03	Gia Lai	1864	77A-346.55	Bình Định	2864	75A-372.37	Thừa Thiên Huế

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
865	81A-411.33	Gia Lai	1865	77A-346.64	Bình Định	2865	75A-376.73	Thừa Thiên Huế
866	81A-431.69	Gia Lai	1866	77A-348.11	Bình Định	2866	75A-378.69	Thừa Thiên Huế
867	81A-432.22	Gia Lai	1867	77A-350.35	Bình Định	2867	75A-385.83	Thừa Thiên Huế
868	81A-435.36	Gia Lai	1868	77A-351.53	Bình Định	2868	76A-304.04	Quảng Ngãi
869	81A-437.37	Gia Lai	1869	77A-353.33	Bình Định	2869	76A-312.86	Quảng Ngãi
870	81A-439.88	Gia Lai	1870	78A-208.29	Phú Yên	2870	76A-315.99	Quảng Ngãi
871	81A-440.89	Gia Lai	1871	78A-213.12	Phú Yên	2871	76A-317.66	Quảng Ngãi
872	81A-444.16	Gia Lai	1872	79A-526.39	Khánh Hòa	2872	76A-318.13	Quảng Ngãi
873	81A-444.55	Gia Lai	1873	79A-530.89	Khánh Hòa	2873	76A-322.65	Quảng Ngãi
874	81A-447.35	Gia Lai	1874	79A-542.77	Khánh Hòa	2874	76A-322.86	Quảng Ngãi
875	81A-448.36	Gia Lai	1875	79A-555.23	Khánh Hòa	2875	77A-321.12	Bình Định
876	81A-448.79	Gia Lai	1876	79A-556.56	Khánh Hòa	2876	77A-342.85	Bình Định
877	81A-450.99	Gia Lai	1877	79A-562.39	Khánh Hòa	2877	77A-350.00	Bình Định
878	81A-451.45	Gia Lai	1878	79A-563.64	Khánh Hòa	2878	79A-542.22	Khánh Hòa
879	82A-152.44	Kon Tum	1879	79A-563.79	Khánh Hòa	2879	79A-546.19	Khánh Hòa
880	82A-153.68	Kon Tum	1880	79A-564.26	Khánh Hòa	2880	79A-547.47	Khánh Hòa
881	82A-158.19	Kon Tum	1881	79A-566.33	Khánh Hòa	2881	79A-548.55	Khánh Hòa
882	83A-187.59	Sóc Trăng	1882	79A-567.44	Khánh Hòa	2882	79A-550.79	Khánh Hòa
883	83A-189.81	Sóc Trăng	1883	81A-436.63	Gia Lai	2883	79A-552.00	Khánh Hòa
884	84A-136.89	Trà Vinh	1884	81A-437.26	Gia Lai	2884	79A-553.39	Khánh Hòa
885	84A-142.68	Trà Vinh	1885	81A-440.77	Gia Lai	2885	79A-559.44	Khánh Hòa
886	84A-144.86	Trà Vinh	1886	81A-446.77	Gia Lai	2886	79A-564.88	Khánh Hòa
887	84A-144.89	Trà Vinh	1887	81A-446.83	Gia Lai	2887	79A-565.44	Khánh Hòa
888	84A-146.00	Trà Vinh	1888	81A-449.88	Gia Lai	2888	81A-428.22	Gia Lai
889	84A-146.68	Trà Vinh	1889	81A-452.54	Gia Lai	2889	81A-428.42	Gia Lai
890	85A-142.55	Ninh Thuận	1890	82A-156.06	Kon Tum	2890	81A-436.77	Gia Lai
891	85A-143.77	Ninh Thuận	1891	82A-158.51	Kon Tum	2891	81A-436.85	Gia Lai
892	85A-144.15	Ninh Thuận	1892	83A-187.89	Sóc Trăng	2892	81A-439.55	Gia Lai
893	85A-145.54	Ninh Thuận	1893	83A-188.58	Sóc Trăng	2893	81A-442.77	Gia Lai
894	86A-301.10	Bình Thuận	1894	83A-188.82	Sóc Trăng	2894	81A-444.37	Gia Lai
895	86A-309.44	Bình Thuận	1895	83A-189.68	Sóc Trăng	2895	81A-446.55	Gia Lai
896	86A-310.66	Bình Thuận	1896	83A-192.69	Sóc Trăng	2896	81A-448.49	Gia Lai
897	86A-312.99	Bình Thuận	1897	84A-141.89	Trà Vinh	2897	81A-452.55	Gia Lai
898	86A-314.33	Bình Thuận	1898	84A-141.95	Trà Vinh	2898	83A-179.66	Sóc Trăng
899	86A-316.61	Bình Thuận	1899	84A-145.54	Trà Vinh	2899	83A-182.86	Sóc Trăng
900	88A-716.88	Vĩnh Phúc	1900	84A-145.56	Trà Vinh	2900	83A-189.66	Sóc Trăng
901	88A-720.00	Vĩnh Phúc	1901	86A-310.44	Bình Thuận	2901	83A-191.91	Sóc Trăng
902	88A-727.86	Vĩnh Phúc	1902	86A-310.89	Bình Thuận	2902	84A-139.86	Trà Vinh
903	88A-729.66	Vĩnh Phúc	1903	86A-315.06	Bình Thuận	2903	84A-143.44	Trà Vinh
904	88A-730.86	Vĩnh Phúc	1904	86A-315.59	Bình Thuận	2904	85A-143.69	Ninh Thuận
905	88A-747.44	Vĩnh Phúc	1905	86A-318.13	Bình Thuận	2905	85A-145.26	Ninh Thuận
906	88A-753.57	Vĩnh Phúc	1906	88A-705.89	Vĩnh Phúc	2906	86A-300.77	Bình Thuận
907	88A-755.57	Vĩnh Phúc	1907	88A-733.79	Vĩnh Phúc	2907	86A-308.69	Bình Thuận
908	88A-755.69	Vĩnh Phúc	1908	88A-750.68	Vĩnh Phúc	2908	86A-311.44	Bình Thuận
909	88A-757.68	Vĩnh Phúc	1909	88A-758.08	Vĩnh Phúc	2909	88A-711.39	Vĩnh Phúc
910	88A-757.79	Vĩnh Phúc	1910	88A-759.68	Vĩnh Phúc	2910	88A-740.40	Vĩnh Phúc
911	88A-760.83	Vĩnh Phúc	1911	88A-759.95	Vĩnh Phúc	2911	88A-743.77	Vĩnh Phúc
912	88A-769.39	Vĩnh Phúc	1912	88A-766.44	Vĩnh Phúc	2912	88A-749.88	Vĩnh Phúc
913	88A-772.55	Vĩnh Phúc	1913	88A-776.77	Vĩnh Phúc	2913	88A-758.39	Vĩnh Phúc
914	88A-774.68	Vĩnh Phúc	1914	88A-780.11	Vĩnh Phúc	2914	88A-761.86	Vĩnh Phúc
915	89A-492.22	Hưng Yên	1915	88A-781.89	Vĩnh Phúc	2915	88A-763.29	Vĩnh Phúc

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
916	89A-499.39	Hung Yên	1916	88A-784.89	Vĩnh Phúc	2916	88A-764.33	Vĩnh Phúc
917	89A-499.58	Hung Yên	1917	88A-785.83	Vĩnh Phúc	2917	88A-766.33	Vĩnh Phúc
918	89A-503.04	Hung Yên	1918	89A-471.69	Hung Yên	2918	88A-769.76	Vĩnh Phúc
919	89A-506.25	Hung Yên	1919	89A-483.39	Hung Yên	2919	88A-773.00	Vĩnh Phúc
920	89A-508.68	Hung Yên	1920	89A-497.98	Hung Yên	2920	88A-773.33	Vĩnh Phúc
921	89A-508.69	Hung Yên	1921	89A-500.05	Hung Yên	2921	88A-784.33	Vĩnh Phúc
922	89A-509.22	Hung Yên	1922	89A-504.40	Hung Yên	2922	88A-785.22	Vĩnh Phúc
923	89A-511.68	Hung Yên	1923	89A-507.68	Hung Yên	2923	89A-479.66	Hung Yên
924	89A-517.77	Hung Yên	1924	89A-512.86	Hung Yên	2924	89A-495.39	Hung Yên
925	89A-519.86	Hung Yên	1925	89A-513.39	Hung Yên	2925	89A-500.66	Hung Yên
926	89A-525.99	Hung Yên	1926	89A-514.86	Hung Yên	2926	89A-504.11	Hung Yên
927	90A-273.85	Hà Nam	1927	89A-520.33	Hung Yên	2927	89A-511.59	Hung Yên
928	90A-273.89	Hà Nam	1928	89A-521.11	Hung Yên	2928	89A-512.51	Hung Yên
929	90A-274.00	Hà Nam	1929	89A-523.79	Hung Yên	2929	89A-517.55	Hung Yên
930	90A-274.88	Hà Nam	1930	89A-526.77	Hung Yên	2930	89A-521.55	Hung Yên
931	90A-276.68	Hà Nam	1931	89A-530.69	Hung Yên	2931	89A-522.96	Hung Yên
932	90A-276.83	Hà Nam	1932	90A-263.79	Hà Nam	2932	89A-524.69	Hung Yên
933	90A-279.16	Hà Nam	1933	90A-263.99	Hà Nam	2933	89A-524.86	Hung Yên
934	92A-399.88	Quảng Nam	1934	90A-275.88	Hà Nam	2934	90A-274.68	Hà Nam
935	92A-408.80	Quảng Nam	1935	90A-276.00	Hà Nam	2935	90A-276.72	Hà Nam
936	92A-422.88	Quảng Nam	1936	90A-285.99	Hà Nam	2936	90A-284.22	Hà Nam
937	92A-423.39	Quảng Nam	1937	90B-011.39	Hà Nam	2937	92A-411.88	Quảng Nam
938	92A-424.08	Quảng Nam	1938	92A-414.41	Quảng Nam	2938	92A-419.09	Quảng Nam
939	92A-426.89	Quảng Nam	1939	92A-414.79	Quảng Nam	2939	92A-419.77	Quảng Nam
940	93A-487.08	Bình Phước	1940	92A-426.39	Quảng Nam	2940	92A-430.00	Quảng Nam
941	93A-487.95	Bình Phước	1941	92A-430.88	Quảng Nam	2941	92A-430.96	Quảng Nam
942	93A-490.09	Bình Phước	1942	93A-481.18	Bình Phước	2942	92A-431.11	Quảng Nam
943	93A-490.39	Bình Phước	1943	93A-485.88	Bình Phước	2943	92A-431.22	Quảng Nam
944	93A-491.22	Bình Phước	1944	93A-488.79	Bình Phước	2944	93A-464.99	Bình Phước
945	93A-496.00	Bình Phước	1945	93A-498.38	Bình Phước	2945	93A-473.37	Bình Phước
946	93A-496.49	Bình Phước	1946	93A-498.86	Bình Phước	2946	93A-490.99	Bình Phước
947	93A-497.66	Bình Phước	1947	93A-500.77	Bình Phước	2947	93A-491.83	Bình Phước
948	93A-504.29	Bình Phước	1948	93A-502.00	Bình Phước	2948	93A-500.85	Bình Phước
949	93A-505.28	Bình Phước	1949	94A-106.78	Bạc Liêu	2949	93A-501.16	Bình Phước
950	94A-108.09	Bạc Liêu	1950	95A-129.86	Hậu Giang	2950	93A-502.66	Bình Phước
951	94A-108.22	Bạc Liêu	1951	95A-131.69	Hậu Giang	2951	95A-129.29	Hậu Giang
952	95A-133.89	Hậu Giang	1952	97A-092.68	Bắc Kạn	2952	95A-130.79	Hậu Giang
953	97A-085.88	Bắc Kạn	1953	97A-094.94	Bắc Kạn	2953	95A-134.33	Hậu Giang
954	97A-087.86	Bắc Kạn	1954	98A-740.99	Bắc Giang	2954	97A-094.09	Bắc Kạn
955	97A-093.88	Bắc Kạn	1955	98A-747.68	Bắc Giang	2955	98A-741.99	Bắc Giang
956	97A-093.93	Bắc Kạn	1956	98A-750.68	Bắc Giang	2956	98A-743.99	Bắc Giang
957	98A-742.89	Bắc Giang	1957	98A-774.47	Bắc Giang	2957	98A-749.79	Bắc Giang
958	98A-760.66	Bắc Giang	1958	98A-775.68	Bắc Giang	2958	98A-757.69	Bắc Giang
959	98A-790.69	Bắc Giang	1959	98A-799.55	Bắc Giang	2959	98A-762.79	Bắc Giang
960	98A-800.07	Bắc Giang	1960	98A-803.79	Bắc Giang	2960	98A-764.88	Bắc Giang
961	98A-800.95	Bắc Giang	1961	98A-804.40	Bắc Giang	2961	98A-786.87	Bắc Giang
962	98A-807.39	Bắc Giang	1962	98A-805.89	Bắc Giang	2962	98A-791.39	Bắc Giang
963	98A-808.99	Bắc Giang	1963	98A-811.39	Bắc Giang	2963	98A-794.68	Bắc Giang
964	98A-811.33	Bắc Giang	1964	98A-813.55	Bắc Giang	2964	98A-801.22	Bắc Giang
965	98A-816.86	Bắc Giang	1965	98A-813.99	Bắc Giang	2965	98A-802.20	Bắc Giang
966	98A-819.73	Bắc Giang	1966	98A-818.11	Bắc Giang	2966	98A-802.33	Bắc Giang

Y
Á
JH
M
T.P.H

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
967	98A-820.11	Bắc Giang	1967	98A-819.93	Bắc Giang	2967	98A-804.11	Bắc Giang
968	98A-822.86	Bắc Giang	1968	98A-820.02	Bắc Giang	2968	98A-807.69	Bắc Giang
969	98A-822.98	Bắc Giang	1969	98A-823.24	Bắc Giang	2969	98A-809.00	Bắc Giang
970	98A-824.24	Bắc Giang	1970	98A-827.39	Bắc Giang	2970	98A-809.90	Bắc Giang
971	98A-824.42	Bắc Giang	1971	98A-827.86	Bắc Giang	2971	98A-810.33	Bắc Giang
972	98A-824.44	Bắc Giang	1972	98A-831.38	Bắc Giang	2972	98A-815.39	Bắc Giang
973	98A-828.98	Bắc Giang	1973	98A-836.77	Bắc Giang	2973	98A-819.78	Bắc Giang
974	98A-832.33	Bắc Giang	1974	98A-837.18	Bắc Giang	2974	98A-822.11	Bắc Giang
975	98A-834.88	Bắc Giang	1975	98A-837.22	Bắc Giang	2975	98A-822.33	Bắc Giang
976	98A-837.83	Bắc Giang	1976	98A-847.48	Bắc Giang	2976	98A-824.25	Bắc Giang
977	98A-843.86	Bắc Giang	1977	98A-852.55	Bắc Giang	2977	98A-832.69	Bắc Giang
978	98A-844.45	Bắc Giang	1978	98A-853.85	Bắc Giang	2978	98A-835.66	Bắc Giang
979	98A-845.68	Bắc Giang	1979	98A-855.25	Bắc Giang	2979	98A-843.88	Bắc Giang
980	98A-845.86	Bắc Giang	1980	98A-856.89	Bắc Giang	2980	98A-846.79	Bắc Giang
981	98A-849.00	Bắc Giang	1981	98A-857.88	Bắc Giang	2981	98A-848.55	Bắc Giang
982	98A-852.22	Bắc Giang	1982	98A-858.00	Bắc Giang	2982	98A-852.85	Bắc Giang
983	98A-853.00	Bắc Giang	1983	99A-794.69	Bắc Ninh	2983	98A-853.53	Bắc Giang
984	99A-783.33	Bắc Ninh	1984	99A-804.44	Bắc Ninh	2984	99A-770.88	Bắc Ninh
985	99A-784.99	Bắc Ninh	1985	99A-806.55	Bắc Ninh	2985	99A-791.66	Bắc Ninh
986	99A-799.55	Bắc Ninh	1986	99A-806.89	Bắc Ninh	2986	99A-794.66	Bắc Ninh
987	99A-803.99	Bắc Ninh	1987	99A-807.11	Bắc Ninh	2987	99A-801.55	Bắc Ninh
988	99A-804.79	Bắc Ninh	1988	99A-810.79	Bắc Ninh	2988	99A-805.00	Bắc Ninh
989	99A-811.66	Bắc Ninh	1989	99A-814.00	Bắc Ninh	2989	99A-805.06	Bắc Ninh
990	99A-814.68	Bắc Ninh	1990	99A-814.15	Bắc Ninh	2990	99A-805.22	Bắc Ninh
991	99A-816.11	Bắc Ninh	1991	99A-821.66	Bắc Ninh	2991	99A-809.55	Bắc Ninh
992	99A-817.39	Bắc Ninh	1992	99A-824.95	Bắc Ninh	2992	99A-810.28	Bắc Ninh
993	99A-819.91	Bắc Ninh	1993	99A-829.25	Bắc Ninh	2993	99A-810.44	Bắc Ninh
994	99A-824.00	Bắc Ninh	1994	99A-831.11	Bắc Ninh	2994	99A-824.88	Bắc Ninh
995	99A-829.28	Bắc Ninh	1995	99A-831.39	Bắc Ninh	2995	99A-835.99	Bắc Ninh
996	99A-837.26	Bắc Ninh	1996	99A-839.00	Bắc Ninh	2996	99A-839.55	Bắc Ninh
997	99A-842.89	Bắc Ninh	1997	99A-841.55	Bắc Ninh	2997	99A-840.40	Bắc Ninh
998	99A-845.89	Bắc Ninh	1998	99A-841.89	Bắc Ninh	2998	99A-844.66	Bắc Ninh
999	99A-847.48	Bắc Ninh	1999	99A-845.33	Bắc Ninh	2999	99A-847.47	Bắc Ninh
1000	99A-850.77	Bắc Ninh	2000	99A-846.46	Bắc Ninh	3000	99A-850.00	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3001	49A-666.66	Lâm Đồng	4001	14A-966.96	Quảng Ninh			
3002	30L-986.86	Hà Nội	4002	93A-499.99	Bình Phước			
3003	38A-666.68	Hà Tĩnh	4003	37K-466.88	Nghệ An			
3004	51L-839.79	Hồ Chí Minh	4004	30M-000.09	Hà Nội			
3005	98A-766.99	Bắc Giang	4005	30L-788.99	Hà Nội			
3006	14A-946.69	Quảng Ninh	4006	14A-965.65	Quảng Ninh			
3007	19A-700.01	Phú Thọ	4007	15K-326.55	Hải Phòng			
3008	20A-795.55	Thái Nguyên	4008	15K-345.61	Hải Phòng			
3009	23A-156.88	Hà Giang	4009	20C-298.89	Thái Nguyên			
3010	30L-215.79	Hà Nội	4010	22A-235.79	Tuyên Quang			
3011	30L-455.54	Hà Nội	4011	29K-239.79	Hà Nội			
3012	30L-462.62	Hà Nội	4012	30L-407.77	Hà Nội			
3013	30L-496.96	Hà Nội	4013	30L-466.64	Hà Nội			
3014	30L-497.97	Hà Nội	4014	30L-600.01	Hà Nội			
3015	30L-599.92	Hà Nội	4015	30L-648.68	Hà Nội			
3016	30L-866.84	Hà Nội	4016	30L-777.56	Hà Nội			
3017	30L-886.87	Hà Nội	4017	30L-789.69	Hà Nội			
3018	30L-977.95	Hà Nội	4018	30L-800.09	Hà Nội			
3019	30L-977.96	Hà Nội	4019	30M-016.88	Hà Nội			
3020	34A-878.68	Hải Dương	4020	36K-049.99	Thanh Hóa			
3021	34A-888.26	Hải Dương	4021	36K-168.69	Thanh Hóa			
3022	37K-379.86	Nghệ An	4022	37K-333.22	Nghệ An			
3023	37K-447.77	Nghệ An	4023	37K-400.09	Nghệ An			
3024	37K-448.68	Nghệ An	4024	37K-444.47	Nghệ An			
3025	43A-901.23	Đà Nẵng	4025	37K-478.79	Nghệ An			
3026	47A-796.82	Đắk Lắk	4026	49A-696.88	Lâm Đồng			
3027	49A-697.89	Lâm Đồng	4027	49A-698.68	Lâm Đồng			
3028	51D-861.68	Hồ Chí Minh	4028	51L-458.86	Hồ Chí Minh			
3029	51L-446.86	Hồ Chí Minh	4029	51L-466.69	Hồ Chí Minh			
3030	51L-578.99	Hồ Chí Minh	4030	51L-496.66	Hồ Chí Minh			
3031	51L-586.87	Hồ Chí Minh	4031	51L-506.88	Hồ Chí Minh			
3032	51L-599.86	Hồ Chí Minh	4032	51L-555.26	Hồ Chí Minh			
3033	51L-658.86	Hồ Chí Minh	4033	51L-627.77	Hồ Chí Minh			
3034	51L-826.88	Hồ Chí Minh	4034	51L-846.88	Hồ Chí Minh			
3035	60K-601.23	Đồng Nai	4035	51L-879.86	Hồ Chí Minh			
3036	61K-449.99	Bình Dương	4036	51L-888.48	Hồ Chí Minh			
3037	61K-500.01	Bình Dương	4037	64A-196.96	Vĩnh Long			
3038	67A-318.88	An Giang	4038	67A-285.85	An Giang			
3039	79A-556.69	Khánh Hòa	4039	70A-579.68	Tây Ninh			
3040	81A-428.88	Gia Lai	4040	75A-385.85	Thừa Thiên Huế			
3041	83A-179.86	Sóc Trăng	4041	84A-145.55	Trà Vinh			
3042	90A-279.86	Hà Nam	4042	88A-777.00	Vĩnh Phúc			
3043	93A-493.39	Bình Phước	4043	98A-766.68	Bắc Giang			
3044	93A-495.55	Bình Phước	4044	99A-848.68	Bắc Ninh			
3045	99A-812.34	Bắc Ninh	4045	30L-175.66	Hà Nội			
3046	30L-180.89	Hà Nội	4046	30L-182.69	Hà Nội			
3047	30L-187.79	Hà Nội	4047	30L-183.22	Hà Nội			
3048	30L-199.22	Hà Nội	4048	30L-184.68	Hà Nội			
3049	30L-201.66	Hà Nội	4049	30L-184.84	Hà Nội			
3050	30L-205.05	Hà Nội	4050	30L-189.77	Hà Nội			
3051	30L-207.68	Hà Nội	4051	30L-193.69	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3052	30L-214.89	Hà Nội	4052	30L-200.66	Hà Nội			
3053	30L-224.79	Hà Nội	4053	30L-201.69	Hà Nội			
3054	30L-227.72	Hà Nội	4054	30L-209.66	Hà Nội			
3055	30L-230.89	Hà Nội	4055	30L-211.44	Hà Nội			
3056	30L-237.68	Hà Nội	4056	30L-214.88	Hà Nội			
3057	30L-241.99	Hà Nội	4057	30L-215.33	Hà Nội			
3058	30L-254.68	Hà Nội	4058	30L-215.39	Hà Nội			
3059	30L-272.39	Hà Nội	4059	30L-238.77	Hà Nội			
3060	30L-273.79	Hà Nội	4060	30L-244.69	Hà Nội			
3061	30L-274.86	Hà Nội	4061	30L-244.88	Hà Nội			
3062	30L-274.88	Hà Nội	4062	30L-248.84	Hà Nội			
3063	30L-281.66	Hà Nội	4063	30L-250.39	Hà Nội			
3064	30L-285.39	Hà Nội	4064	30L-251.99	Hà Nội			
3065	30L-287.68	Hà Nội	4065	30L-259.66	Hà Nội			
3066	30L-294.86	Hà Nội	4066	30L-260.99	Hà Nội			
3067	30L-308.33	Hà Nội	4067	30L-265.39	Hà Nội			
3068	30L-310.89	Hà Nội	4068	30L-265.79	Hà Nội			
3069	30L-311.39	Hà Nội	4069	30L-266.11	Hà Nội			
3070	30L-321.88	Hà Nội	4070	30L-267.76	Hà Nội			
3071	30L-322.44	Hà Nội	4071	30L-280.86	Hà Nội			
3072	30L-325.88	Hà Nội	4072	30L-287.79	Hà Nội			
3073	30L-328.33	Hà Nội	4073	30L-291.86	Hà Nội			
3074	30L-330.68	Hà Nội	4074	30L-297.66	Hà Nội			
3075	30L-331.69	Hà Nội	4075	30L-297.68	Hà Nội			
3076	30L-333.78	Hà Nội	4076	30L-300.55	Hà Nội			
3077	30L-340.68	Hà Nội	4077	30L-301.39	Hà Nội			
3078	30L-341.89	Hà Nội	4078	30L-301.66	Hà Nội			
3079	30L-345.39	Hà Nội	4079	30L-309.69	Hà Nội			
3080	30L-351.69	Hà Nội	4080	30L-310.00	Hà Nội			
3081	30L-351.86	Hà Nội	4081	30L-316.55	Hà Nội			
3082	30L-360.68	Hà Nội	4082	30L-329.66	Hà Nội			
3083	30L-364.89	Hà Nội	4083	30L-331.39	Hà Nội			
3084	30L-370.88	Hà Nội	4084	30L-342.79	Hà Nội			
3085	30L-371.86	Hà Nội	4085	30L-343.39	Hà Nội			
3086	30L-395.69	Hà Nội	4086	30L-346.99	Hà Nội			
3087	30L-403.79	Hà Nội	4087	30L-349.89	Hà Nội			
3088	30L-404.79	Hà Nội	4088	30L-351.68	Hà Nội			
3089	30L-405.89	Hà Nội	4089	30L-354.79	Hà Nội			
3090	30L-407.70	Hà Nội	4090	30L-364.64	Hà Nội			
3091	30L-408.99	Hà Nội	4091	30L-371.71	Hà Nội			
3092	30L-410.01	Hà Nội	4092	30L-373.86	Hà Nội			
3093	30L-413.33	Hà Nội	4093	30L-380.79	Hà Nội			
3094	30L-418.89	Hà Nội	4094	30L-381.99	Hà Nội			
3095	30L-420.20	Hà Nội	4095	30L-398.33	Hà Nội			
3096	30L-429.66	Hà Nội	4096	30L-401.10	Hà Nội			
3097	30L-433.00	Hà Nội	4097	30L-406.89	Hà Nội			
3098	30L-433.89	Hà Nội	4098	30L-407.39	Hà Nội			
3099	30L-437.99	Hà Nội	4099	30L-408.79	Hà Nội			
3100	30L-439.66	Hà Nội	4100	30L-411.12	Hà Nội			
3101	30L-444.58	Hà Nội	4101	30L-412.79	Hà Nội			
3102	30L-448.84	Hà Nội	4102	30L-422.66	Hà Nội			

47
NG
ỦY G
P DA
T N
UÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3103	30L-460.39	Hà Nội	4103	30L-422.69	Hà Nội			
3104	30L-462.26	Hà Nội	4104	30L-425.52	Hà Nội			
3105	30L-463.63	Hà Nội	4105	30L-425.68	Hà Nội			
3106	30L-464.89	Hà Nội	4106	30L-427.39	Hà Nội			
3107	30L-466.33	Hà Nội	4107	30L-434.69	Hà Nội			
3108	30L-472.66	Hà Nội	4108	30L-438.79	Hà Nội			
3109	30L-476.88	Hà Nội	4109	30L-444.36	Hà Nội			
3110	30L-482.69	Hà Nội	4110	30L-451.15	Hà Nội			
3111	30L-483.69	Hà Nội	4111	30L-452.69	Hà Nội			
3112	30L-485.69	Hà Nội	4112	30L-455.69	Hà Nội			
3113	30L-492.92	Hà Nội	4113	30L-457.69	Hà Nội			
3114	30L-494.69	Hà Nội	4114	30L-459.66	Hà Nội			
3115	30L-494.88	Hà Nội	4115	30L-467.79	Hà Nội			
3116	30L-504.99	Hà Nội	4116	30L-475.79	Hà Nội			
3117	30L-506.99	Hà Nội	4117	30L-477.55	Hà Nội			
3118	30L-520.69	Hà Nội	4118	30L-481.89	Hà Nội			
3119	30L-530.39	Hà Nội	4119	30L-485.79	Hà Nội			
3120	30L-533.79	Hà Nội	4120	30L-491.11	Hà Nội			
3121	30L-533.86	Hà Nội	4121	30L-491.99	Hà Nội			
3122	30L-534.66	Hà Nội	4122	30L-493.68	Hà Nội			
3123	30L-550.16	Hà Nội	4123	30L-498.39	Hà Nội			
3124	30L-553.86	Hà Nội	4124	30L-504.39	Hà Nội			
3125	30L-555.03	Hà Nội	4125	30L-508.39	Hà Nội			
3126	30L-555.17	Hà Nội	4126	30L-522.00	Hà Nội			
3127	30L-557.06	Hà Nội	4127	30L-529.69	Hà Nội			
3128	30L-560.26	Hà Nội	4128	30L-532.22	Hà Nội			
3129	30L-567.56	Hà Nội	4129	30L-537.38	Hà Nội			
3130	30L-571.79	Hà Nội	4130	30L-541.99	Hà Nội			
3131	30L-572.96	Hà Nội	4131	30L-544.66	Hà Nội			
3132	30L-574.65	Hà Nội	4132	30L-547.39	Hà Nội			
3133	30L-577.78	Hà Nội	4133	30L-552.39	Hà Nội			
3134	30L-580.22	Hà Nội	4134	30L-554.86	Hà Nội			
3135	30L-585.77	Hà Nội	4135	30L-555.07	Hà Nội			
3136	30L-587.66	Hà Nội	4136	30L-555.24	Hà Nội			
3137	30L-590.86	Hà Nội	4137	30L-558.11	Hà Nội			
3138	30L-592.08	Hà Nội	4138	30L-561.00	Hà Nội			
3139	30L-593.55	Hà Nội	4139	30L-561.79	Hà Nội			
3140	30L-600.88	Hà Nội	4140	30L-565.39	Hà Nội			
3141	30L-602.38	Hà Nội	4141	30L-574.99	Hà Nội			
3142	30L-603.68	Hà Nội	4142	30L-601.10	Hà Nội			
3143	30L-608.59	Hà Nội	4143	30L-601.79	Hà Nội			
3144	30L-610.09	Hà Nội	4144	30L-602.99	Hà Nội			
3145	30L-613.69	Hà Nội	4145	30L-607.55	Hà Nội			
3146	30L-614.56	Hà Nội	4146	30L-609.11	Hà Nội			
3147	30L-617.00	Hà Nội	4147	30L-609.28	Hà Nội			
3148	30L-617.11	Hà Nội	4148	30L-614.86	Hà Nội			
3149	30L-620.62	Hà Nội	4149	30L-621.44	Hà Nội			
3150	30L-623.11	Hà Nội	4150	30L-627.44	Hà Nội			
3151	30L-624.62	Hà Nội	4151	30L-630.19	Hà Nội			
3152	30L-625.44	Hà Nội	4152	30L-630.69	Hà Nội			
3153	30L-627.16	Hà Nội	4153	30L-632.69	Hà Nội			

Y
Á
JH
M
T.P.H

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3154	30L-633.11	Hà Nội	4154	30L-632.98	Hà Nội			
3155	30L-641.22	Hà Nội	4155	30L-644.55	Hà Nội			
3156	30L-643.86	Hà Nội	4156	30L-645.89	Hà Nội			
3157	30L-647.64	Hà Nội	4157	30L-650.39	Hà Nội			
3158	30L-649.22	Hà Nội	4158	30L-652.99	Hà Nội			
3159	30L-651.98	Hà Nội	4159	30L-659.19	Hà Nội			
3160	30L-652.69	Hà Nội	4160	30L-667.09	Hà Nội			
3161	30L-657.00	Hà Nội	4161	30L-668.44	Hà Nội			
3162	30L-657.69	Hà Nội	4162	30L-671.33	Hà Nội			
3163	30L-662.06	Hà Nội	4163	30L-672.27	Hà Nội			
3164	30L-664.77	Hà Nội	4164	30L-676.22	Hà Nội			
3165	30L-671.89	Hà Nội	4165	30L-687.78	Hà Nội			
3166	30L-672.73	Hà Nội	4166	30L-690.69	Hà Nội			
3167	30L-674.00	Hà Nội	4167	30L-692.93	Hà Nội			
3168	30L-674.33	Hà Nội	4168	30L-693.58	Hà Nội			
3169	30L-675.11	Hà Nội	4169	30L-694.00	Hà Nội			
3170	30L-684.19	Hà Nội	4170	30L-698.55	Hà Nội			
3171	30L-686.11	Hà Nội	4171	30L-699.00	Hà Nội			
3172	30L-690.66	Hà Nội	4172	30L-708.08	Hà Nội			
3173	30L-693.55	Hà Nội	4173	30L-709.66	Hà Nội			
3174	30L-693.94	Hà Nội	4174	30L-709.90	Hà Nội			
3175	30L-694.35	Hà Nội	4175	30L-713.68	Hà Nội			
3176	30L-703.22	Hà Nội	4176	30L-714.00	Hà Nội			
3177	30L-716.71	Hà Nội	4177	30L-724.55	Hà Nội			
3178	30L-719.92	Hà Nội	4178	30L-725.68	Hà Nội			
3179	30L-720.77	Hà Nội	4179	30L-729.19	Hà Nội			
3180	30L-720.99	Hà Nội	4180	30L-730.89	Hà Nội			
3181	30L-721.55	Hà Nội	4181	30L-732.32	Hà Nội			
3182	30L-722.08	Hà Nội	4182	30L-732.44	Hà Nội			
3183	30L-740.04	Hà Nội	4183	30L-732.95	Hà Nội			
3184	30L-740.68	Hà Nội	4184	30L-732.99	Hà Nội			
3185	30L-750.99	Hà Nội	4185	30L-733.88	Hà Nội			
3186	30L-759.77	Hà Nội	4186	30L-734.22	Hà Nội			
3187	30L-761.39	Hà Nội	4187	30L-736.22	Hà Nội			
3188	30L-761.89	Hà Nội	4188	30L-744.00	Hà Nội			
3189	30L-763.69	Hà Nội	4189	30L-749.89	Hà Nội			
3190	30L-768.99	Hà Nội	4190	30L-750.88	Hà Nội			
3191	30L-777.17	Hà Nội	4191	30L-753.75	Hà Nội			
3192	30L-778.22	Hà Nội	4192	30L-754.19	Hà Nội			
3193	30L-782.55	Hà Nội	4193	30L-758.75	Hà Nội			
3194	30L-786.63	Hà Nội	4194	30L-758.79	Hà Nội			
3195	30L-787.22	Hà Nội	4195	30L-760.06	Hà Nội			
3196	30L-787.95	Hà Nội	4196	30L-760.36	Hà Nội			
3197	30L-789.44	Hà Nội	4197	30L-761.88	Hà Nội			
3198	30L-789.64	Hà Nội	4198	30L-764.33	Hà Nội			
3199	30L-790.66	Hà Nội	4199	30L-765.56	Hà Nội			
3200	30L-790.99	Hà Nội	4200	30L-767.58	Hà Nội			
3201	30L-793.44	Hà Nội	4201	30L-773.77	Hà Nội			
3202	30L-793.86	Hà Nội	4202	30L-774.74	Hà Nội			
3203	30L-799.00	Hà Nội	4203	30L-776.68	Hà Nội			
3204	30L-800.07	Hà Nội	4204	30L-781.22	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3205	30L-800.35	Hà Nội	4205	30L-781.89	Hà Nội			
3206	30L-814.98	Hà Nội	4206	30L-785.68	Hà Nội			
3207	30L-815.79	Hà Nội	4207	30L-805.05	Hà Nội			
3208	30L-818.44	Hà Nội	4208	30L-805.09	Hà Nội			
3209	30L-819.74	Hà Nội	4209	30L-805.68	Hà Nội			
3210	30L-824.77	Hà Nội	4210	30L-807.07	Hà Nội			
3211	30L-825.69	Hà Nội	4211	30L-810.29	Hà Nội			
3212	30L-830.99	Hà Nội	4212	30L-812.77	Hà Nội			
3213	30L-831.89	Hà Nội	4213	30L-817.58	Hà Nội			
3214	30L-834.66	Hà Nội	4214	30L-817.89	Hà Nội			
3215	30L-842.44	Hà Nội	4215	30L-824.55	Hà Nội			
3216	30L-849.15	Hà Nội	4216	30L-827.11	Hà Nội			
3217	30L-856.44	Hà Nội	4217	30L-827.22	Hà Nội			
3218	30L-858.11	Hà Nội	4218	30L-827.86	Hà Nội			
3219	30L-867.39	Hà Nội	4219	30L-829.55	Hà Nội			
3220	30L-871.00	Hà Nội	4220	30L-830.66	Hà Nội			
3221	30L-873.55	Hà Nội	4221	30L-839.96	Hà Nội			
3222	30L-874.33	Hà Nội	4222	30L-840.55	Hà Nội			
3223	30L-878.55	Hà Nội	4223	30L-842.69	Hà Nội			
3224	30L-884.98	Hà Nội	4224	30L-843.39	Hà Nội			
3225	30L-895.33	Hà Nội	4225	30L-850.00	Hà Nội			
3226	30L-896.44	Hà Nội	4226	30L-853.86	Hà Nội			
3227	30L-908.22	Hà Nội	4227	30L-854.69	Hà Nội			
3228	30L-912.13	Hà Nội	4228	30L-856.85	Hà Nội			
3229	30L-914.26	Hà Nội	4229	30L-860.79	Hà Nội			
3230	30L-916.33	Hà Nội	4230	30L-868.11	Hà Nội			
3231	30L-917.44	Hà Nội	4231	30L-875.15	Hà Nội			
3232	30L-923.89	Hà Nội	4232	30L-875.99	Hà Nội			
3233	30L-933.22	Hà Nội	4233	30L-879.69	Hà Nội			
3234	30L-940.04	Hà Nội	4234	30L-882.00	Hà Nội			
3235	30L-948.69	Hà Nội	4235	30L-884.83	Hà Nội			
3236	30L-950.15	Hà Nội	4236	30L-890.79	Hà Nội			
3237	30L-952.08	Hà Nội	4237	30L-903.33	Hà Nội			
3238	30L-952.55	Hà Nội	4238	30L-906.06	Hà Nội			
3239	30L-954.00	Hà Nội	4239	30L-907.69	Hà Nội			
3240	30L-955.39	Hà Nội	4240	30L-912.19	Hà Nội			
3241	30L-961.86	Hà Nội	4241	30L-918.96	Hà Nội			
3242	30L-966.77	Hà Nội	4242	30L-919.73	Hà Nội			
3243	30L-967.15	Hà Nội	4243	30L-927.11	Hà Nội			
3244	30L-967.81	Hà Nội	4244	30L-927.38	Hà Nội			
3245	30L-971.71	Hà Nội	4245	30L-930.25	Hà Nội			
3246	30L-973.88	Hà Nội	4246	30L-935.33	Hà Nội			
3247	30L-977.55	Hà Nội	4247	30L-937.11	Hà Nội			
3248	30L-984.79	Hà Nội	4248	30L-947.85	Hà Nội			
3249	30L-989.19	Hà Nội	4249	30L-950.00	Hà Nội			
3250	30L-990.68	Hà Nội	4250	30L-952.65	Hà Nội			
3251	30L-991.00	Hà Nội	4251	30L-952.88	Hà Nội			
3252	30L-994.49	Hà Nội	4252	30L-954.33	Hà Nội			
3253	30L-995.25	Hà Nội	4253	30L-957.57	Hà Nội			
3254	30M-000.15	Hà Nội	4254	30L-962.77	Hà Nội			
3255	30M-006.39	Hà Nội	4255	30L-973.00	Hà Nội			

1. Đ
CÔ
ĐÃ
HỒI
VIỆ
NH X

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3256	30M-025.26	Hà Nội	4256	30L-974.66	Hà Nội			
3257	30M-026.99	Hà Nội	4257	30L-976.33	Hà Nội			
3258	30M-028.82	Hà Nội	4258	30L-980.66	Hà Nội			
3259	51L-400.79	Hồ Chí Minh	4259	30L-982.18	Hà Nội			
3260	51L-404.86	Hồ Chí Minh	4260	30L-983.84	Hà Nội			
3261	51L-410.79	Hồ Chí Minh	4261	30L-991.28	Hà Nội			
3262	51L-410.89	Hồ Chí Minh	4262	30L-992.00	Hà Nội			
3263	51L-411.00	Hồ Chí Minh	4263	30L-992.86	Hà Nội			
3264	51L-414.68	Hồ Chí Minh	4264	30M-000.37	Hà Nội			
3265	51L-414.69	Hồ Chí Minh	4265	30M-004.99	Hà Nội			
3266	51L-418.99	Hồ Chí Minh	4266	30M-006.11	Hà Nội			
3267	51L-420.11	Hồ Chí Minh	4267	30M-010.55	Hà Nội			
3268	51L-430.89	Hồ Chí Minh	4268	30M-012.28	Hà Nội			
3269	51L-431.79	Hồ Chí Minh	4269	30M-013.06	Hà Nội			
3270	51L-432.23	Hồ Chí Minh	4270	30M-017.59	Hà Nội			
3271	51L-437.66	Hồ Chí Minh	4271	30M-018.33	Hà Nội			
3272	51L-437.68	Hồ Chí Minh	4272	30M-029.20	Hà Nội			
3273	51L-437.69	Hồ Chí Minh	4273	51L-408.89	Hồ Chí Minh			
3274	51L-440.39	Hồ Chí Minh	4274	51L-420.39	Hồ Chí Minh			
3275	51L-441.14	Hồ Chí Minh	4275	51L-421.86	Hồ Chí Minh			
3276	51L-446.00	Hồ Chí Minh	4276	51L-422.88	Hồ Chí Minh			
3277	51L-453.33	Hồ Chí Minh	4277	51L-423.99	Hồ Chí Minh			
3278	51L-464.66	Hồ Chí Minh	4278	51L-426.79	Hồ Chí Minh			
3279	51L-464.99	Hồ Chí Minh	4279	51L-428.99	Hồ Chí Minh			
3280	51L-465.86	Hồ Chí Minh	4280	51L-430.99	Hồ Chí Minh			
3281	51L-466.11	Hồ Chí Minh	4281	51L-442.42	Hồ Chí Minh			
3282	51L-466.22	Hồ Chí Minh	4282	51L-442.88	Hồ Chí Minh			
3283	51L-467.99	Hồ Chí Minh	4283	51L-454.68	Hồ Chí Minh			
3284	51L-476.69	Hồ Chí Minh	4284	51L-455.44	Hồ Chí Minh			
3285	51L-489.86	Hồ Chí Minh	4285	51L-455.68	Hồ Chí Minh			
3286	51L-493.66	Hồ Chí Minh	4286	51L-457.39	Hồ Chí Minh			
3287	51L-495.69	Hồ Chí Minh	4287	51L-458.66	Hồ Chí Minh			
3288	51L-497.68	Hồ Chí Minh	4288	51L-458.85	Hồ Chí Minh			
3289	51L-499.39	Hồ Chí Minh	4289	51L-462.79	Hồ Chí Minh			
3290	51L-500.88	Hồ Chí Minh	4290	51L-463.68	Hồ Chí Minh			
3291	51L-504.89	Hồ Chí Minh	4291	51L-472.89	Hồ Chí Minh			
3292	51L-509.69	Hồ Chí Minh	4292	51L-474.99	Hồ Chí Minh			
3293	51L-513.66	Hồ Chí Minh	4293	51L-482.68	Hồ Chí Minh			
3294	51L-515.66	Hồ Chí Minh	4294	51L-482.99	Hồ Chí Minh			
3295	51L-527.69	Hồ Chí Minh	4295	51L-494.66	Hồ Chí Minh			
3296	51L-527.79	Hồ Chí Minh	4296	51L-498.86	Hồ Chí Minh			
3297	51L-531.79	Hồ Chí Minh	4297	51L-499.44	Hồ Chí Minh			
3298	51L-537.86	Hồ Chí Minh	4298	51L-503.03	Hồ Chí Minh			
3299	51L-542.66	Hồ Chí Minh	4299	51L-505.79	Hồ Chí Minh			
3300	51L-544.22	Hồ Chí Minh	4300	51L-507.88	Hồ Chí Minh			
3301	51L-550.68	Hồ Chí Minh	4301	51L-509.89	Hồ Chí Minh			
3302	51L-550.99	Hồ Chí Minh	4302	51L-514.39	Hồ Chí Minh			
3303	51L-551.79	Hồ Chí Minh	4303	51L-514.68	Hồ Chí Minh			
3304	51L-553.39	Hồ Chí Minh	4304	51L-515.86	Hồ Chí Minh			
3305	51L-554.54	Hồ Chí Minh	4305	51L-521.86	Hồ Chí Minh			
3306	51L-565.88	Hồ Chí Minh	4306	51L-524.42	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3307	51L-566.22	Hồ Chí Minh	4307	51L-529.92	Hồ Chí Minh			
3308	51L-570.66	Hồ Chí Minh	4308	51L-536.22	Hồ Chí Minh			
3309	51L-570.86	Hồ Chí Minh	4309	51L-538.33	Hồ Chí Minh			
3310	51L-574.47	Hồ Chí Minh	4310	51L-542.24	Hồ Chí Minh			
3311	51L-577.78	Hồ Chí Minh	4311	51L-544.79	Hồ Chí Minh			
3312	51L-592.69	Hồ Chí Minh	4312	51L-545.86	Hồ Chí Minh			
3313	51L-598.39	Hồ Chí Minh	4313	51L-546.88	Hồ Chí Minh			
3314	51L-599.44	Hồ Chí Minh	4314	51L-547.89	Hồ Chí Minh			
3315	51L-600.68	Hồ Chí Minh	4315	51L-550.86	Hồ Chí Minh			
3316	51L-603.88	Hồ Chí Minh	4316	51L-550.89	Hồ Chí Minh			
3317	51L-617.86	Hồ Chí Minh	4317	51L-551.39	Hồ Chí Minh			
3318	51L-623.11	Hồ Chí Minh	4318	51L-554.45	Hồ Chí Minh			
3319	51L-623.36	Hồ Chí Minh	4319	51L-555.78	Hồ Chí Minh			
3320	51L-626.99	Hồ Chí Minh	4320	51L-556.33	Hồ Chí Minh			
3321	51L-628.00	Hồ Chí Minh	4321	51L-557.66	Hồ Chí Minh			
3322	51L-629.11	Hồ Chí Minh	4322	51L-557.68	Hồ Chí Minh			
3323	51L-630.79	Hồ Chí Minh	4323	51L-561.39	Hồ Chí Minh			
3324	51L-631.77	Hồ Chí Minh	4324	51L-562.39	Hồ Chí Minh			
3325	51L-633.69	Hồ Chí Minh	4325	51L-572.69	Hồ Chí Minh			
3326	51L-641.22	Hồ Chí Minh	4326	51L-576.79	Hồ Chí Minh			
3327	51L-642.95	Hồ Chí Minh	4327	51L-581.68	Hồ Chí Minh			
3328	51L-644.89	Hồ Chí Minh	4328	51L-583.66	Hồ Chí Minh			
3329	51L-645.79	Hồ Chí Minh	4329	51L-584.79	Hồ Chí Minh			
3330	51L-649.77	Hồ Chí Minh	4330	51L-588.11	Hồ Chí Minh			
3331	51L-653.69	Hồ Chí Minh	4331	51L-593.86	Hồ Chí Minh			
3332	51L-660.56	Hồ Chí Minh	4332	51L-602.66	Hồ Chí Minh			
3333	51L-660.86	Hồ Chí Minh	4333	51L-608.39	Hồ Chí Minh			
3334	51L-664.38	Hồ Chí Minh	4334	51L-617.79	Hồ Chí Minh			
3335	51L-666.12	Hồ Chí Minh	4335	51L-624.69	Hồ Chí Minh			
3336	51L-666.71	Hồ Chí Minh	4336	51L-637.66	Hồ Chí Minh			
3337	51L-672.39	Hồ Chí Minh	4337	51L-645.86	Hồ Chí Minh			
3338	51L-674.74	Hồ Chí Minh	4338	51L-648.86	Hồ Chí Minh			
3339	51L-675.79	Hồ Chí Minh	4339	51L-652.53	Hồ Chí Minh			
3340	51L-676.56	Hồ Chí Minh	4340	51L-654.16	Hồ Chí Minh			
3341	51L-677.28	Hồ Chí Minh	4341	51L-655.33	Hồ Chí Minh			
3342	51L-683.56	Hồ Chí Minh	4342	51L-669.55	Hồ Chí Minh			
3343	51L-684.11	Hồ Chí Minh	4343	51L-672.27	Hồ Chí Minh			
3344	51L-685.88	Hồ Chí Minh	4344	51L-678.85	Hồ Chí Minh			
3345	51L-686.44	Hồ Chí Minh	4345	51L-679.77	Hồ Chí Minh			
3346	51L-688.21	Hồ Chí Minh	4346	51L-684.88	Hồ Chí Minh			
3347	51L-691.95	Hồ Chí Minh	4347	51L-689.25	Hồ Chí Minh			
3348	51L-694.33	Hồ Chí Minh	4348	51L-694.94	Hồ Chí Minh			
3349	51L-694.44	Hồ Chí Minh	4349	51L-700.68	Hồ Chí Minh			
3350	51L-704.68	Hồ Chí Minh	4350	51L-710.22	Hồ Chí Minh			
3351	51L-708.70	Hồ Chí Minh	4351	51L-711.58	Hồ Chí Minh			
3352	51L-708.79	Hồ Chí Minh	4352	51L-719.72	Hồ Chí Minh			
3353	51L-710.11	Hồ Chí Minh	4353	51L-720.59	Hồ Chí Minh			
3354	51L-711.66	Hồ Chí Minh	4354	51L-722.68	Hồ Chí Minh			
3355	51L-716.99	Hồ Chí Minh	4355	51L-729.55	Hồ Chí Minh			
3356	51L-719.11	Hồ Chí Minh	4356	51L-730.00	Hồ Chí Minh			
3357	51L-726.33	Hồ Chí Minh	4357	51L-731.22	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3358	51L-727.88	Hồ Chí Minh	4358	51L-734.34	Hồ Chí Minh			
3359	51L-730.22	Hồ Chí Minh	4359	51L-738.89	Hồ Chí Minh			
3360	51L-731.77	Hồ Chí Minh	4360	51L-750.22	Hồ Chí Minh			
3361	51L-735.88	Hồ Chí Minh	4361	51L-754.22	Hồ Chí Minh			
3362	51L-741.89	Hồ Chí Minh	4362	51L-755.79	Hồ Chí Minh			
3363	51L-744.18	Hồ Chí Minh	4363	51L-757.39	Hồ Chí Minh			
3364	51L-746.79	Hồ Chí Minh	4364	51L-758.00	Hồ Chí Minh			
3365	51L-747.66	Hồ Chí Minh	4365	51L-772.33	Hồ Chí Minh			
3366	51L-748.84	Hồ Chí Minh	4366	51L-772.89	Hồ Chí Minh			
3367	51L-751.00	Hồ Chí Minh	4367	51L-773.77	Hồ Chí Minh			
3368	51L-752.53	Hồ Chí Minh	4368	51L-773.86	Hồ Chí Minh			
3369	51L-753.68	Hồ Chí Minh	4369	51L-775.06	Hồ Chí Minh			
3370	51L-756.88	Hồ Chí Minh	4370	51L-777.35	Hồ Chí Minh			
3371	51L-763.25	Hồ Chí Minh	4371	51L-782.82	Hồ Chí Minh			
3372	51L-778.85	Hồ Chí Minh	4372	51L-782.99	Hồ Chí Minh			
3373	51L-780.69	Hồ Chí Minh	4373	51L-783.22	Hồ Chí Minh			
3374	51L-787.09	Hồ Chí Minh	4374	51L-784.26	Hồ Chí Minh			
3375	51L-792.86	Hồ Chí Minh	4375	51L-796.22	Hồ Chí Minh			
3376	51L-796.55	Hồ Chí Minh	4376	51L-796.44	Hồ Chí Minh			
3377	51L-802.28	Hồ Chí Minh	4377	51L-798.22	Hồ Chí Minh			
3378	51L-804.40	Hồ Chí Minh	4378	51L-800.07	Hồ Chí Minh			
3379	51L-810.55	Hồ Chí Minh	4379	51L-802.69	Hồ Chí Minh			
3380	51L-811.55	Hồ Chí Minh	4380	51L-802.77	Hồ Chí Minh			
3381	51L-813.86	Hồ Chí Minh	4381	51L-808.16	Hồ Chí Minh			
3382	51L-814.39	Hồ Chí Minh	4382	51L-809.22	Hồ Chí Minh			
3383	51L-818.00	Hồ Chí Minh	4383	51L-809.88	Hồ Chí Minh			
3384	51L-818.08	Hồ Chí Minh	4384	51L-815.39	Hồ Chí Minh			
3385	51L-823.33	Hồ Chí Minh	4385	51L-816.22	Hồ Chí Minh			
3386	51L-823.89	Hồ Chí Minh	4386	51L-819.72	Hồ Chí Minh			
3387	51L-831.39	Hồ Chí Minh	4387	51L-822.19	Hồ Chí Minh			
3388	51L-831.86	Hồ Chí Minh	4388	51L-828.65	Hồ Chí Minh			
3389	51L-837.73	Hồ Chí Minh	4389	51L-828.77	Hồ Chí Minh			
3390	51L-838.09	Hồ Chí Minh	4390	51L-829.95	Hồ Chí Minh			
3391	51L-840.85	Hồ Chí Minh	4391	51L-842.69	Hồ Chí Minh			
3392	51L-850.06	Hồ Chí Minh	4392	51L-843.89	Hồ Chí Minh			
3393	51L-851.44	Hồ Chí Minh	4393	51L-845.77	Hồ Chí Minh			
3394	51L-851.88	Hồ Chí Minh	4394	51L-852.69	Hồ Chí Minh			
3395	51L-855.39	Hồ Chí Minh	4395	51L-854.68	Hồ Chí Minh			
3396	51L-857.58	Hồ Chí Minh	4396	51L-857.68	Hồ Chí Minh			
3397	51L-859.66	Hồ Chí Minh	4397	51L-859.79	Hồ Chí Minh			
3398	51L-868.33	Hồ Chí Minh	4398	51L-860.60	Hồ Chí Minh			
3399	51L-871.00	Hồ Chí Minh	4399	51L-863.00	Hồ Chí Minh			
3400	51L-871.22	Hồ Chí Minh	4400	51L-863.63	Hồ Chí Minh			
3401	51L-871.33	Hồ Chí Minh	4401	51L-863.85	Hồ Chí Minh			
3402	51L-875.08	Hồ Chí Minh	4402	51L-868.00	Hồ Chí Minh			
3403	51L-875.88	Hồ Chí Minh	4403	51L-874.99	Hồ Chí Minh			
3404	51L-877.36	Hồ Chí Minh	4404	51L-875.16	Hồ Chí Minh			
3405	51L-878.36	Hồ Chí Minh	4405	51L-875.78	Hồ Chí Minh			
3406	51L-881.56	Hồ Chí Minh	4406	51L-880.96	Hồ Chí Minh			
3407	51L-886.35	Hồ Chí Minh	4407	51L-881.69	Hồ Chí Minh			
3408	51L-888.47	Hồ Chí Minh	4408	51L-884.69	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3409	51L-893.98	Hồ Chí Minh	4409	51L-885.59	Hồ Chí Minh			
3410	11A-120.68	Cao Bằng	4410	51L-886.49	Hồ Chí Minh			
3411	11A-131.38	Cao Bằng	4411	51L-888.03	Hồ Chí Minh			
3412	12A-252.77	Lạng Sơn	4412	51L-891.66	Hồ Chí Minh			
3413	12A-257.88	Lạng Sơn	4413	51L-893.79	Hồ Chí Minh			
3414	12A-261.77	Lạng Sơn	4414	51L-894.68	Hồ Chí Minh			
3415	14A-932.79	Quảng Ninh	4415	12A-253.55	Lạng Sơn			
3416	14A-938.55	Quảng Ninh	4416	12A-260.79	Lạng Sơn			
3417	14A-941.11	Quảng Ninh	4417	12A-262.98	Lạng Sơn			
3418	14A-942.09	Quảng Ninh	4418	14A-901.10	Quảng Ninh			
3419	14A-947.88	Quảng Ninh	4419	14A-933.86	Quảng Ninh			
3420	14A-950.51	Quảng Ninh	4420	14A-940.22	Quảng Ninh			
3421	14A-950.86	Quảng Ninh	4421	14A-943.22	Quảng Ninh			
3422	14A-953.59	Quảng Ninh	4422	14A-943.43	Quảng Ninh			
3423	14A-969.35	Quảng Ninh	4423	14A-944.79	Quảng Ninh			
3424	14A-973.86	Quảng Ninh	4424	14A-944.88	Quảng Ninh			
3425	14A-976.86	Quảng Ninh	4425	14A-948.66	Quảng Ninh			
3426	14A-980.69	Quảng Ninh	4426	14A-954.33	Quảng Ninh			
3427	14A-980.88	Quảng Ninh	4427	14A-956.77	Quảng Ninh			
3428	14A-983.22	Quảng Ninh	4428	14A-964.44	Quảng Ninh			
3429	14A-988.00	Quảng Ninh	4429	14A-972.36	Quảng Ninh			
3430	15K-278.66	Hải Phòng	4430	14A-972.66	Quảng Ninh			
3431	15K-280.00	Hải Phòng	4431	14A-975.86	Quảng Ninh			
3432	15K-282.39	Hải Phòng	4432	14A-976.89	Quảng Ninh			
3433	15K-304.89	Hải Phòng	4433	14A-977.15	Quảng Ninh			
3434	15K-324.86	Hải Phòng	4434	14A-984.69	Quảng Ninh			
3435	15K-340.88	Hải Phòng	4435	14A-984.98	Quảng Ninh			
3436	15K-341.43	Hải Phòng	4436	14A-987.29	Quảng Ninh			
3437	15K-344.79	Hải Phòng	4437	14A-987.66	Quảng Ninh			
3438	15K-351.39	Hải Phòng	4438	15K-285.39	Hải Phòng			
3439	15K-360.99	Hải Phòng	4439	15K-306.79	Hải Phòng			
3440	15K-367.29	Hải Phòng	4440	15K-311.79	Hải Phòng			
3441	15K-367.81	Hải Phòng	4441	15K-340.40	Hải Phòng			
3442	15K-371.55	Hải Phòng	4442	15K-340.89	Hải Phòng			
3443	15K-376.00	Hải Phòng	4443	15K-341.55	Hải Phòng			
3444	15K-377.88	Hải Phòng	4444	15K-341.77	Hải Phòng			
3445	15K-387.39	Hải Phòng	4445	15K-342.89	Hải Phòng			
3446	15K-391.92	Hải Phòng	4446	15K-348.43	Hải Phòng			
3447	15K-394.35	Hải Phòng	4447	15K-348.66	Hải Phòng			
3448	15K-394.86	Hải Phòng	4448	15K-350.83	Hải Phòng			
3449	15K-403.77	Hải Phòng	4449	15K-351.55	Hải Phòng			
3450	15K-406.55	Hải Phòng	4450	15K-360.55	Hải Phòng			
3451	15K-412.21	Hải Phòng	4451	15K-363.44	Hải Phòng			
3452	15K-412.33	Hải Phòng	4452	15K-367.22	Hải Phòng			
3453	15K-414.44	Hải Phòng	4453	15K-378.11	Hải Phòng			
3454	15K-419.93	Hải Phòng	4454	15K-381.33	Hải Phòng			
3455	15K-419.95	Hải Phòng	4455	15K-401.04	Hải Phòng			
3456	15K-423.23	Hải Phòng	4456	15K-402.11	Hải Phòng			
3457	17A-449.88	Thái Bình	4457	15K-404.44	Hải Phòng			
3458	17A-454.54	Thái Bình	4458	15K-405.99	Hải Phòng			
3459	17A-462.22	Thái Bình	4459	15K-406.60	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3460	17A-468.77	Thái Bình	4460	15K-411.22	Hải Phòng			
3461	17A-475.39	Thái Bình	4461	15K-412.12	Hải Phòng			
3462	17A-478.58	Thái Bình	4462	15K-417.44	Hải Phòng			
3463	17A-483.48	Thái Bình	4463	15K-418.15	Hải Phòng			
3464	17A-484.00	Thái Bình	4464	15K-421.36	Hải Phòng			
3465	17A-485.77	Thái Bình	4465	15K-421.99	Hải Phòng			
3466	17A-487.48	Thái Bình	4466	17A-447.99	Thái Bình			
3467	17A-489.69	Thái Bình	4467	17A-455.88	Thái Bình			
3468	17A-491.83	Thái Bình	4468	17A-461.99	Thái Bình			
3469	17A-491.91	Thái Bình	4469	17A-467.66	Thái Bình			
3470	18A-436.68	Nam Định	4470	17A-470.89	Thái Bình			
3471	18A-469.58	Nam Định	4471	17A-472.86	Thái Bình			
3472	18A-472.47	Nam Định	4472	17A-474.28	Thái Bình			
3473	18A-478.59	Nam Định	4473	17A-474.69	Thái Bình			
3474	18A-480.11	Nam Định	4474	17A-475.86	Thái Bình			
3475	18A-482.68	Nam Định	4475	17A-476.68	Thái Bình			
3476	18A-486.99	Nam Định	4476	17A-477.88	Thái Bình			
3477	18A-488.00	Nam Định	4477	17A-486.55	Thái Bình			
3478	18A-488.64	Nam Định	4478	17A-490.15	Thái Bình			
3479	18A-488.67	Nam Định	4479	17A-490.88	Thái Bình			
3480	18A-489.66	Nam Định	4480	17A-491.49	Thái Bình			
3481	19A-672.08	Phú Thọ	4481	18A-470.11	Nam Định			
3482	19A-675.89	Phú Thọ	4482	18A-470.68	Nam Định			
3483	19A-677.33	Phú Thọ	4483	18A-471.99	Nam Định			
3484	19A-683.44	Phú Thọ	4484	18A-473.98	Nam Định			
3485	19A-689.11	Phú Thọ	4485	18A-475.57	Nam Định			
3486	19A-691.77	Phú Thọ	4486	18A-476.39	Nam Định			
3487	19A-703.07	Phú Thọ	4487	18A-480.81	Nam Định			
3488	19A-705.28	Phú Thọ	4488	18A-485.11	Nam Định			
3489	19A-705.79	Phú Thọ	4489	18A-485.69	Nam Định			
3490	19A-710.10	Phú Thọ	4490	19A-666.23	Phú Thọ			
3491	20A-774.11	Thái Nguyên	4491	19A-684.56	Phú Thọ			
3492	20A-785.58	Thái Nguyên	4492	19A-686.44	Phú Thọ			
3493	20A-811.39	Thái Nguyên	4493	19A-688.50	Phú Thọ			
3494	20A-821.22	Thái Nguyên	4494	19A-692.11	Phú Thọ			
3495	20A-824.39	Thái Nguyên	4495	19A-697.08	Phú Thọ			
3496	20A-826.62	Thái Nguyên	4496	19A-698.00	Phú Thọ			
3497	20A-827.68	Thái Nguyên	4497	19A-702.88	Phú Thọ			
3498	20A-828.06	Thái Nguyên	4498	19A-704.99	Phú Thọ			
3499	20A-830.11	Thái Nguyên	4499	19A-708.86	Phú Thọ			
3500	20A-840.69	Thái Nguyên	4500	19A-712.89	Phú Thọ			
3501	20A-842.77	Thái Nguyên	4501	19A-714.22	Phú Thọ			
3502	20A-844.33	Thái Nguyên	4502	19A-714.86	Phú Thọ			
3503	20A-846.55	Thái Nguyên	4503	20A-769.88	Thái Nguyên			
3504	20A-848.33	Thái Nguyên	4504	20A-772.99	Thái Nguyên			
3505	20A-849.77	Thái Nguyên	4505	20A-795.96	Thái Nguyên			
3506	20A-851.00	Thái Nguyên	4506	20A-799.68	Thái Nguyên			
3507	20A-852.77	Thái Nguyên	4507	20A-811.81	Thái Nguyên			
3508	20A-852.95	Thái Nguyên	4508	20A-812.15	Thái Nguyên			
3509	21A-200.02	Yên Bái	4509	20A-814.55	Thái Nguyên			
3510	21A-212.55	Yên Bái	4510	20A-816.19	Thái Nguyên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3511	21A-212.88	Yên Bái	4511	20A-818.89	Thái Nguyên			
3512	21A-213.55	Yên Bái	4512	20A-820.99	Thái Nguyên			
3513	21A-215.51	Yên Bái	4513	20A-822.55	Thái Nguyên			
3514	21A-216.36	Yên Bái	4514	20A-824.22	Thái Nguyên			
3515	21A-217.77	Yên Bái	4515	20A-828.22	Thái Nguyên			
3516	21A-218.79	Yên Bái	4516	20A-834.86	Thái Nguyên			
3517	22A-242.68	Tuyên Quang	4517	20A-838.77	Thái Nguyên			
3518	22A-246.99	Tuyên Quang	4518	20A-841.42	Thái Nguyên			
3519	22A-254.89	Tuyên Quang	4519	20A-846.39	Thái Nguyên			
3520	22A-255.77	Tuyên Quang	4520	20A-847.11	Thái Nguyên			
3521	22A-256.38	Tuyên Quang	4521	20A-850.22	Thái Nguyên			
3522	22A-257.86	Tuyên Quang	4522	20A-854.58	Thái Nguyên			
3523	22A-262.79	Tuyên Quang	4523	20A-859.35	Thái Nguyên			
3524	22A-264.11	Tuyên Quang	4524	21A-211.99	Yên Bái			
3525	22A-264.39	Tuyên Quang	4525	21A-215.44	Yên Bái			
3526	23A-147.99	Hà Giang	4526	21A-215.77	Yên Bái			
3527	23A-156.39	Hà Giang	4527	21A-216.86	Yên Bái			
3528	23A-158.55	Hà Giang	4528	21A-220.21	Yên Bái			
3529	23A-162.28	Hà Giang	4529	21A-221.83	Yên Bái			
3530	24A-310.00	Lào Cai	4530	22A-257.55	Tuyên Quang			
3531	24A-312.99	Lào Cai	4531	22A-258.39	Tuyên Quang			
3532	25A-078.99	Lai Châu	4532	22A-261.79	Tuyên Quang			
3533	26A-208.68	Sơn La	4533	22A-264.88	Tuyên Quang			
3534	26A-210.10	Sơn La	4534	24A-277.11	Lào Cai			
3535	26A-225.86	Sơn La	4535	24A-299.00	Lào Cai			
3536	26A-226.58	Sơn La	4536	24A-306.88	Lào Cai			
3537	26A-232.68	Sơn La	4537	24A-310.33	Lào Cai			
3538	27A-123.77	Điện Biên	4538	24A-312.39	Lào Cai			
3539	28A-244.77	Hòa Bình	4539	24A-313.14	Lào Cai			
3540	28A-248.19	Hòa Bình	4540	24A-313.86	Lào Cai			
3541	28A-248.22	Hòa Bình	4541	26A-215.79	Sơn La			
3542	28A-251.11	Hòa Bình	4542	26A-219.55	Sơn La			
3543	28A-251.77	Hòa Bình	4543	26A-219.96	Sơn La			
3544	28A-253.68	Hòa Bình	4544	26A-228.29	Sơn La			
3545	28A-255.83	Hòa Bình	4545	26A-230.32	Sơn La			
3546	29K-236.15	Hà Nội	4546	27A-123.66	Điện Biên			
3547	29K-241.29	Hà Nội	4547	27A-125.25	Điện Biên			
3548	29K-250.09	Hà Nội	4548	27A-126.22	Điện Biên			
3549	29K-273.19	Hà Nội	4549	27A-127.55	Điện Biên			
3550	29K-284.09	Hà Nội	4550	27A-128.55	Điện Biên			
3551	29K-301.38	Hà Nội	4551	28A-246.79	Hòa Bình			
3552	29K-307.09	Hà Nội	4552	28A-249.11	Hòa Bình			
3553	29K-321.85	Hà Nội	4553	28A-258.11	Hòa Bình			
3554	29K-325.06	Hà Nội	4554	29K-226.59	Hà Nội			
3555	34A-814.86	Hải Dương	4555	29K-228.08	Hà Nội			
3556	34A-820.86	Hải Dương	4556	29K-230.65	Hà Nội			
3557	34A-835.36	Hải Dương	4557	29K-231.98	Hà Nội			
3558	34A-852.89	Hải Dương	4558	29K-246.15	Hà Nội			
3559	34A-860.35	Hải Dương	4559	29K-247.95	Hà Nội			
3560	34A-861.77	Hải Dương	4560	29K-254.98	Hà Nội			
3561	34A-862.11	Hải Dương	4561	29K-257.18	Hà Nội			

T
Y
I
A
N
H
A
M
T.P.V

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3562	34A-871.77	Hải Dương	4562	29K-287.35	Hà Nội			
3563	34A-872.72	Hải Dương	4563	29K-318.26	Hà Nội			
3564	34A-873.77	Hải Dương	4564	34A-812.88	Hải Dương			
3565	34A-874.19	Hải Dương	4565	34A-817.99	Hải Dương			
3566	34A-874.79	Hải Dương	4566	34A-831.79	Hải Dương			
3567	34A-875.35	Hải Dương	4567	34A-834.68	Hải Dương			
3568	34A-876.89	Hải Dương	4568	34A-835.99	Hải Dương			
3569	34A-881.18	Hải Dương	4569	34A-837.77	Hải Dương			
3570	34A-881.77	Hải Dương	4570	34A-860.28	Hải Dương			
3571	34A-884.96	Hải Dương	4571	34A-861.11	Hải Dương			
3572	34A-892.86	Hải Dương	4572	34A-861.15	Hải Dương			
3573	34A-895.11	Hải Dương	4573	34A-865.89	Hải Dương			
3574	34A-900.33	Hải Dương	4574	34A-875.77	Hải Dương			
3575	34A-900.44	Hải Dương	4575	34A-878.90	Hải Dương			
3576	34A-900.95	Hải Dương	4576	34A-887.86	Hải Dương			
3577	34A-904.39	Hải Dương	4577	34A-888.07	Hải Dương			
3578	34A-904.86	Hải Dương	4578	34A-892.11	Hải Dương			
3579	34A-906.09	Hải Dương	4579	34A-894.86	Hải Dương			
3580	34A-906.86	Hải Dương	4580	34A-896.00	Hải Dương			
3581	34A-915.16	Hải Dương	4581	34A-897.69	Hải Dương			
3582	34A-915.69	Hải Dương	4582	34A-898.19	Hải Dương			
3583	34A-917.11	Hải Dương	4583	34A-898.79	Hải Dương			
3584	34A-917.55	Hải Dương	4584	34A-901.00	Hải Dương			
3585	35A-454.88	Ninh Bình	4585	34A-901.02	Hải Dương			
3586	35A-456.89	Ninh Bình	4586	34A-910.18	Hải Dương			
3587	35A-457.00	Ninh Bình	4587	34A-910.44	Hải Dương			
3588	36K-057.39	Thanh Hóa	4588	34A-917.79	Hải Dương			
3589	36K-059.88	Thanh Hóa	4589	35A-417.89	Ninh Bình			
3590	36K-066.44	Thanh Hóa	4590	35A-423.33	Ninh Bình			
3591	36K-087.99	Thanh Hóa	4591	35A-441.88	Ninh Bình			
3592	36K-134.34	Thanh Hóa	4592	35A-444.59	Ninh Bình			
3593	36K-143.44	Thanh Hóa	4593	35A-446.11	Ninh Bình			
3594	36K-144.39	Thanh Hóa	4594	35A-453.09	Ninh Bình			
3595	36K-145.25	Thanh Hóa	4595	35A-454.36	Ninh Bình			
3596	36K-145.77	Thanh Hóa	4596	35A-454.79	Ninh Bình			
3597	36K-146.55	Thanh Hóa	4597	35A-460.39	Ninh Bình			
3598	36K-151.69	Thanh Hóa	4598	35A-461.39	Ninh Bình			
3599	36K-153.51	Thanh Hóa	4599	36K-045.79	Thanh Hóa			
3600	36K-162.11	Thanh Hóa	4600	36K-055.39	Thanh Hóa			
3601	36K-162.86	Thanh Hóa	4601	36K-055.56	Thanh Hóa			
3602	36K-163.33	Thanh Hóa	4602	36K-069.89	Thanh Hóa			
3603	36K-165.11	Thanh Hóa	4603	36K-073.73	Thanh Hóa			
3604	36K-165.33	Thanh Hóa	4604	36K-081.66	Thanh Hóa			
3605	36K-167.11	Thanh Hóa	4605	36K-127.27	Thanh Hóa			
3606	36K-170.88	Thanh Hóa	4606	36K-139.77	Thanh Hóa			
3607	36K-176.39	Thanh Hóa	4607	36K-140.99	Thanh Hóa			
3608	36K-176.67	Thanh Hóa	4608	36K-142.88	Thanh Hóa			
3609	36K-179.17	Thanh Hóa	4609	36K-147.22	Thanh Hóa			
3610	36K-181.68	Thanh Hóa	4610	36K-151.55	Thanh Hóa			
3611	36K-183.56	Thanh Hóa	4611	36K-156.22	Thanh Hóa			
3612	36K-185.77	Thanh Hóa	4612	36K-157.75	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3613	36K-190.18	Thanh Hóa	4613	36K-157.99	Thanh Hóa			
3614	36K-196.91	Thanh Hóa	4614	36K-159.33	Thanh Hóa			
3615	36K-197.39	Thanh Hóa	4615	36K-171.71	Thanh Hóa			
3616	36K-201.66	Thanh Hóa	4616	36K-180.08	Thanh Hóa			
3617	36K-203.03	Thanh Hóa	4617	36K-181.79	Thanh Hóa			
3618	36K-203.16	Thanh Hóa	4618	36K-183.89	Thanh Hóa			
3619	36K-207.68	Thanh Hóa	4619	36K-184.11	Thanh Hóa			
3620	36K-210.77	Thanh Hóa	4620	36K-184.84	Thanh Hóa			
3621	36K-218.69	Thanh Hóa	4621	36K-187.87	Thanh Hóa			
3622	36K-219.16	Thanh Hóa	4622	36K-188.95	Thanh Hóa			
3623	36K-221.33	Thanh Hóa	4623	36K-190.89	Thanh Hóa			
3624	36K-221.99	Thanh Hóa	4624	36K-196.22	Thanh Hóa			
3625	36K-224.79	Thanh Hóa	4625	36K-200.96	Thanh Hóa			
3626	37K-332.86	Nghệ An	4626	36K-205.86	Thanh Hóa			
3627	37K-335.89	Nghệ An	4627	36K-207.66	Thanh Hóa			
3628	37K-343.66	Nghệ An	4628	36K-208.56	Thanh Hóa			
3629	37K-355.22	Nghệ An	4629	36K-211.68	Thanh Hóa			
3630	37K-366.22	Nghệ An	4630	36K-212.11	Thanh Hóa			
3631	37K-367.69	Nghệ An	4631	36K-214.25	Thanh Hóa			
3632	37K-387.38	Nghệ An	4632	36K-222.45	Thanh Hóa			
3633	37K-388.95	Nghệ An	4633	36K-222.77	Thanh Hóa			
3634	37K-390.66	Nghệ An	4634	37K-330.86	Nghệ An			
3635	37K-391.11	Nghệ An	4635	37K-350.88	Nghệ An			
3636	37K-393.08	Nghệ An	4636	37K-381.99	Nghệ An			
3637	37K-394.44	Nghệ An	4637	37K-393.77	Nghệ An			
3638	37K-396.79	Nghệ An	4638	37K-395.39	Nghệ An			
3639	37K-397.00	Nghệ An	4639	37K-395.56	Nghệ An			
3640	37K-403.86	Nghệ An	4640	37K-398.93	Nghệ An			
3641	37K-406.11	Nghệ An	4641	37K-400.07	Nghệ An			
3642	37K-408.95	Nghệ An	4642	37K-400.33	Nghệ An			
3643	37K-409.16	Nghệ An	4643	37K-400.66	Nghệ An			
3644	37K-413.31	Nghệ An	4644	37K-400.79	Nghệ An			
3645	37K-415.44	Nghệ An	4645	37K-401.86	Nghệ An			
3646	37K-430.30	Nghệ An	4646	37K-405.68	Nghệ An			
3647	37K-431.86	Nghệ An	4647	37K-407.88	Nghệ An			
3648	37K-432.22	Nghệ An	4648	37K-409.65	Nghệ An			
3649	37K-436.35	Nghệ An	4649	37K-413.44	Nghệ An			
3650	37K-439.22	Nghệ An	4650	37K-419.66	Nghệ An			
3651	37K-442.89	Nghệ An	4651	37K-419.97	Nghệ An			
3652	37K-454.69	Nghệ An	4652	37K-423.66	Nghệ An			
3653	37K-460.16	Nghệ An	4653	37K-424.25	Nghệ An			
3654	37K-460.46	Nghệ An	4654	37K-424.95	Nghệ An			
3655	37K-462.09	Nghệ An	4655	37K-427.00	Nghệ An			
3656	37K-463.06	Nghệ An	4656	37K-427.72	Nghệ An			
3657	37K-471.65	Nghệ An	4657	37K-429.15	Nghệ An			
3658	37K-473.08	Nghệ An	4658	37K-437.00	Nghệ An			
3659	38A-641.86	Hà Tĩnh	4659	37K-439.00	Nghệ An			
3660	38A-652.29	Hà Tĩnh	4660	37K-440.41	Nghệ An			
3661	38A-652.65	Hà Tĩnh	4661	37K-441.58	Nghệ An			
3662	38A-655.77	Hà Tĩnh	4662	37K-448.44	Nghệ An			
3663	38A-657.99	Hà Tĩnh	4663	37K-448.99	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3664	38A-662.35	Hà Tĩnh	4664	37K-458.26	Nghệ An			
3665	38A-666.59	Hà Tĩnh	4665	37K-458.96	Nghệ An			
3666	38A-667.79	Hà Tĩnh	4666	37K-461.11	Nghệ An			
3667	38A-670.88	Hà Tĩnh	4667	37K-461.86	Nghệ An			
3668	38A-672.76	Hà Tĩnh	4668	37K-467.44	Nghệ An			
3669	38A-675.86	Hà Tĩnh	4669	37K-468.33	Nghệ An			
3670	38A-678.39	Hà Tĩnh	4670	37K-471.66	Nghệ An			
3671	43A-858.69	Đà Nẵng	4671	37K-475.18	Nghệ An			
3672	43A-893.79	Đà Nẵng	4672	37K-476.11	Nghệ An			
3673	43A-900.07	Đà Nẵng	4673	37K-476.19	Nghệ An			
3674	43A-906.89	Đà Nẵng	4674	37K-479.38	Nghệ An			
3675	43A-910.11	Đà Nẵng	4675	37K-480.85	Nghệ An			
3676	43A-912.89	Đà Nẵng	4676	38A-629.92	Hà Tĩnh			
3677	43A-914.55	Đà Nẵng	4677	38A-634.88	Hà Tĩnh			
3678	43A-914.99	Đà Nẵng	4678	38A-647.47	Hà Tĩnh			
3679	43A-915.88	Đà Nẵng	4679	38A-648.33	Hà Tĩnh			
3680	43A-919.08	Đà Nẵng	4680	38A-653.22	Hà Tĩnh			
3681	43A-919.97	Đà Nẵng	4681	38A-653.26	Hà Tĩnh			
3682	43A-923.18	Đà Nẵng	4682	38A-659.33	Hà Tĩnh			
3683	43A-924.66	Đà Nẵng	4683	38A-662.39	Hà Tĩnh			
3684	43A-927.66	Đà Nẵng	4684	38A-666.45	Hà Tĩnh			
3685	43A-936.11	Đà Nẵng	4685	38A-668.11	Hà Tĩnh			
3686	43A-936.39	Đà Nẵng	4686	38A-670.76	Hà Tĩnh			
3687	43A-939.95	Đà Nẵng	4687	38A-671.11	Hà Tĩnh			
3688	47A-710.39	Đắk Lắk	4688	38A-671.67	Hà Tĩnh			
3689	47A-715.39	Đắk Lắk	4689	43A-854.89	Đà Nẵng			
3690	47A-762.66	Đắk Lắk	4690	43A-860.66	Đà Nẵng			
3691	47A-778.91	Đắk Lắk	4691	43A-861.79	Đà Nẵng			
3692	47A-789.05	Đắk Lắk	4692	43A-887.86	Đà Nẵng			
3693	47A-801.80	Đắk Lắk	4693	43A-900.83	Đà Nẵng			
3694	47A-803.39	Đắk Lắk	4694	43A-902.55	Đà Nẵng			
3695	47A-804.44	Đắk Lắk	4695	43A-907.70	Đà Nẵng			
3696	47A-805.00	Đắk Lắk	4696	43A-914.68	Đà Nẵng			
3697	47A-807.38	Đắk Lắk	4697	43A-915.15	Đà Nẵng			
3698	47A-808.16	Đắk Lắk	4698	43A-917.86	Đà Nẵng			
3699	47A-810.88	Đắk Lắk	4699	43A-919.89	Đà Nẵng			
3700	47A-813.15	Đắk Lắk	4700	43A-924.89	Đà Nẵng			
3701	48A-238.68	Đắk Nông	4701	43A-926.25	Đà Nẵng			
3702	48A-240.11	Đắk Nông	4702	43A-927.39	Đà Nẵng			
3703	48A-243.22	Đắk Nông	4703	43A-929.11	Đà Nẵng			
3704	48A-244.33	Đắk Nông	4704	43A-930.22	Đà Nẵng			
3705	49A-687.78	Lâm Đồng	4705	43A-931.68	Đà Nẵng			
3706	49A-695.99	Lâm Đồng	4706	43A-936.33	Đà Nẵng			
3707	49A-702.69	Lâm Đồng	4707	43A-937.99	Đà Nẵng			
3708	49A-710.66	Lâm Đồng	4708	43A-938.93	Đà Nẵng			
3709	49A-712.99	Lâm Đồng	4709	47A-736.86	Đắk Lắk			
3710	49A-715.66	Lâm Đồng	4710	47A-764.65	Đắk Lắk			
3711	49A-722.55	Lâm Đồng	4711	47A-769.33	Đắk Lắk			
3712	49A-724.33	Lâm Đồng	4712	47A-774.35	Đắk Lắk			
3713	49A-724.86	Lâm Đồng	4713	47A-774.89	Đắk Lắk			
3714	49A-725.68	Lâm Đồng	4714	47A-783.86	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3715	49A-726.88	Lâm Đồng	4715	47A-787.66	Đắk Lắk			
3716	49A-732.38	Lâm Đồng	4716	47A-789.63	Đắk Lắk			
3717	49A-733.18	Lâm Đồng	4717	47A-799.44	Đắk Lắk			
3718	49A-733.38	Lâm Đồng	4718	47A-811.95	Đắk Lắk			
3719	49A-737.55	Lâm Đồng	4719	47A-812.44	Đắk Lắk			
3720	49A-744.11	Lâm Đồng	4720	48A-239.33	Đắk Nông			
3721	49A-745.77	Lâm Đồng	4721	48A-241.95	Đắk Nông			
3722	51M-023.15	Hồ Chí Minh	4722	48A-245.88	Đắk Nông			
3723	51M-024.58	Hồ Chí Minh	4723	49A-704.68	Lâm Đồng			
3724	51M-025.15	Hồ Chí Minh	4724	49A-705.39	Lâm Đồng			
3725	51M-027.65	Hồ Chí Minh	4725	49A-713.66	Lâm Đồng			
3726	51M-035.25	Hồ Chí Minh	4726	49A-721.77	Lâm Đồng			
3727	51M-042.59	Hồ Chí Minh	4727	49A-728.33	Lâm Đồng			
3728	60K-502.79	Đồng Nai	4728	49A-730.11	Lâm Đồng			
3729	60K-508.89	Đồng Nai	4729	49A-730.36	Lâm Đồng			
3730	60K-509.39	Đồng Nai	4730	49A-731.55	Lâm Đồng			
3731	60K-512.21	Đồng Nai	4731	49A-731.66	Lâm Đồng			
3732	60K-544.99	Đồng Nai	4732	49A-734.89	Lâm Đồng			
3733	60K-546.22	Đồng Nai	4733	49A-737.99	Lâm Đồng			
3734	60K-548.84	Đồng Nai	4734	49A-738.33	Lâm Đồng			
3735	60K-549.96	Đồng Nai	4735	49A-741.89	Lâm Đồng			
3736	60K-553.11	Đồng Nai	4736	49A-745.44	Lâm Đồng			
3737	60K-553.44	Đồng Nai	4737	51M-032.56	Hồ Chí Minh			
3738	60K-561.66	Đồng Nai	4738	60K-521.11	Đồng Nai			
3739	60K-564.22	Đồng Nai	4739	60K-521.39	Đồng Nai			
3740	60K-572.57	Đồng Nai	4740	60K-534.66	Đồng Nai			
3741	60K-576.18	Đồng Nai	4741	60K-542.24	Đồng Nai			
3742	60K-578.87	Đồng Nai	4742	60K-551.65	Đồng Nai			
3743	60K-585.59	Đồng Nai	4743	60K-554.45	Đồng Nai			
3744	60K-590.11	Đồng Nai	4744	60K-560.06	Đồng Nai			
3745	60K-590.90	Đồng Nai	4745	60K-560.22	Đồng Nai			
3746	60K-591.22	Đồng Nai	4746	60K-561.88	Đồng Nai			
3747	60K-591.68	Đồng Nai	4747	60K-563.33	Đồng Nai			
3748	60K-593.99	Đồng Nai	4748	60K-563.55	Đồng Nai			
3749	60K-595.86	Đồng Nai	4749	60K-571.16	Đồng Nai			
3750	60K-596.89	Đồng Nai	4750	60K-576.67	Đồng Nai			
3751	60K-598.44	Đồng Nai	4751	60K-585.44	Đồng Nai			
3752	60K-602.11	Đồng Nai	4752	60K-588.44	Đồng Nai			
3753	60K-603.39	Đồng Nai	4753	60K-590.09	Đồng Nai			
3754	60K-612.99	Đồng Nai	4754	60K-591.88	Đồng Nai			
3755	60K-613.66	Đồng Nai	4755	60K-591.99	Đồng Nai			
3756	60K-613.89	Đồng Nai	4756	60K-601.02	Đồng Nai			
3757	60K-617.16	Đồng Nai	4757	60K-602.20	Đồng Nai			
3758	61K-422.23	Bình Dương	4758	60K-603.86	Đồng Nai			
3759	61K-444.66	Bình Dương	4759	60K-611.69	Đồng Nai			
3760	61K-446.64	Bình Dương	4760	60K-616.33	Đồng Nai			
3761	61K-446.77	Bình Dương	4761	61K-411.88	Bình Dương			
3762	61K-447.69	Bình Dương	4762	61K-420.69	Bình Dương			
3763	61K-450.55	Bình Dương	4763	61K-424.24	Bình Dương			
3764	61K-453.99	Bình Dương	4764	61K-427.79	Bình Dương			
3765	61K-456.89	Bình Dương	4765	61K-443.39	Bình Dương			

Y
Á
NH
AM
-TPV

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3766	61K-458.36	Bình Dương	4766	61K-451.39	Bình Dương			
3767	61K-463.86	Bình Dương	4767	61K-452.33	Bình Dương			
3768	61K-470.74	Bình Dương	4768	61K-457.99	Bình Dương			
3769	61K-472.72	Bình Dương	4769	61K-459.28	Bình Dương			
3770	61K-477.55	Bình Dương	4770	61K-459.45	Bình Dương			
3771	61K-480.00	Bình Dương	4771	61K-462.39	Bình Dương			
3772	61K-481.69	Bình Dương	4772	61K-464.33	Bình Dương			
3773	61K-484.68	Bình Dương	4773	61K-470.56	Bình Dương			
3774	61K-485.09	Bình Dương	4774	61K-482.22	Bình Dương			
3775	61K-492.98	Bình Dương	4775	61K-482.88	Bình Dương			
3776	61K-504.11	Bình Dương	4776	61K-487.48	Bình Dương			
3777	61K-514.00	Bình Dương	4777	61K-489.00	Bình Dương			
3778	62A-422.69	Long An	4778	61K-490.66	Bình Dương			
3779	62A-449.86	Long An	4779	61K-491.06	Bình Dương			
3780	62A-453.18	Long An	4780	61K-494.86	Bình Dương			
3781	62A-456.55	Long An	4781	61K-497.85	Bình Dương			
3782	62A-458.39	Long An	4782	61K-498.33	Bình Dương			
3783	62A-461.89	Long An	4783	61K-498.66	Bình Dương			
3784	62A-468.00	Long An	4784	61K-498.94	Bình Dương			
3785	63A-295.99	Tiền Giang	4785	61K-501.39	Bình Dương			
3786	63A-310.95	Tiền Giang	4786	61K-504.22	Bình Dương			
3787	63A-312.68	Tiền Giang	4787	61K-513.33	Bình Dương			
3788	63A-313.59	Tiền Giang	4788	62A-431.66	Long An			
3789	63A-313.66	Tiền Giang	4789	62A-452.19	Long An			
3790	63A-314.22	Tiền Giang	4790	62A-452.44	Long An			
3791	63A-315.44	Tiền Giang	4791	62A-459.22	Long An			
3792	63A-315.88	Tiền Giang	4792	62A-460.88	Long An			
3793	63A-323.96	Tiền Giang	4793	62A-465.89	Long An			
3794	63A-324.24	Tiền Giang	4794	62A-466.28	Long An			
3795	64A-192.66	Vĩnh Long	4795	62A-467.76	Long An			
3796	64A-199.29	Vĩnh Long	4796	63A-311.89	Tiền Giang			
3797	65A-442.88	Cần Thơ	4797	63A-315.00	Tiền Giang			
3798	65A-445.99	Cần Thơ	4798	63A-318.69	Tiền Giang			
3799	65A-452.79	Cần Thơ	4799	63A-319.44	Tiền Giang			
3800	65A-453.39	Cần Thơ	4800	63A-321.44	Tiền Giang			
3801	65A-460.89	Cần Thơ	4801	64A-191.89	Vĩnh Long			
3802	65A-485.89	Cần Thơ	4802	64A-195.33	Vĩnh Long			
3803	65A-491.39	Cần Thơ	4803	64A-195.56	Vĩnh Long			
3804	65A-491.86	Cần Thơ	4804	64A-196.11	Vĩnh Long			
3805	65A-493.00	Cần Thơ	4805	64A-196.42	Vĩnh Long			
3806	65A-495.39	Cần Thơ	4806	65A-438.69	Cần Thơ			
3807	65A-496.11	Cần Thơ	4807	65A-492.44	Cần Thơ			
3808	65A-496.77	Cần Thơ	4808	65A-497.22	Cần Thơ			
3809	65A-496.86	Cần Thơ	4809	65A-498.11	Cần Thơ			
3810	65A-500.00	Cần Thơ	4810	65A-501.99	Cần Thơ			
3811	65A-502.16	Cần Thơ	4811	66A-272.99	Đồng Tháp			
3812	65A-511.66	Cần Thơ	4812	66A-289.33	Đồng Tháp			
3813	66A-266.33	Đồng Tháp	4813	66A-289.82	Đồng Tháp			
3814	66A-288.81	Đồng Tháp	4814	66A-291.55	Đồng Tháp			
3815	66A-290.22	Đồng Tháp	4815	66A-298.11	Đồng Tháp			
3816	66A-290.92	Đồng Tháp	4816	66A-299.39	Đồng Tháp			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3817	66A-291.66	Đồng Tháp	4817	66A-299.88	Đồng Tháp			
3818	66A-295.96	Đồng Tháp	4818	66A-301.01	Đồng Tháp			
3819	66A-297.65	Đồng Tháp	4819	67A-311.44	An Giang			
3820	66A-297.95	Đồng Tháp	4820	67A-316.16	An Giang			
3821	66A-298.29	Đồng Tháp	4821	67A-317.66	An Giang			
3822	66A-301.00	Đồng Tháp	4822	67A-318.66	An Giang			
3823	67A-305.39	An Giang	4823	67A-318.96	An Giang			
3824	67A-311.88	An Giang	4824	67A-320.11	An Giang			
3825	67A-317.38	An Giang	4825	67A-320.69	An Giang			
3826	67A-320.65	An Giang	4826	67A-321.89	An Giang			
3827	67A-321.22	An Giang	4827	68A-357.33	Kiên Giang			
3828	67A-322.79	An Giang	4828	68A-363.86	Kiên Giang			
3829	67A-327.77	An Giang	4829	69A-157.89	Cà Mau			
3830	67A-328.55	An Giang	4830	69A-164.99	Cà Mau			
3831	68A-351.86	Kiên Giang	4831	69A-167.66	Cà Mau			
3832	68A-360.79	Kiên Giang	4832	70A-557.25	Tây Ninh			
3833	68A-363.66	Kiên Giang	4833	70A-557.33	Tây Ninh			
3834	69A-162.79	Cà Mau	4834	70A-558.59	Tây Ninh			
3835	69A-165.99	Cà Mau	4835	70A-559.97	Tây Ninh			
3836	70A-523.66	Tây Ninh	4836	70A-561.11	Tây Ninh			
3837	70A-556.35	Tây Ninh	4837	70A-562.26	Tây Ninh			
3838	70A-565.11	Tây Ninh	4838	70A-565.22	Tây Ninh			
3839	70A-581.15	Tây Ninh	4839	70A-572.86	Tây Ninh			
3840	70A-581.18	Tây Ninh	4840	70A-573.89	Tây Ninh			
3841	70A-581.85	Tây Ninh	4841	70A-576.33	Tây Ninh			
3842	72A-785.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	4842	70A-580.58	Tây Ninh			
3843	72A-808.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	4843	70A-581.28	Tây Ninh			
3844	72A-812.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	4844	70A-581.29	Tây Ninh			
3845	72A-817.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	4845	70A-582.26	Tây Ninh			
3846	72A-819.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	4846	71A-209.09	Bến Tre			
3847	72A-824.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4847	72A-785.69	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3848	72A-826.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4848	72A-805.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3849	72A-829.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	4849	72A-810.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3850	72A-829.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	4850	72A-810.44	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3851	73A-347.39	Quảng Bình	4851	72A-810.81	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3852	73A-356.77	Quảng Bình	4852	72A-812.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3853	73A-360.55	Quảng Bình	4853	72A-824.33	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3854	73A-360.68	Quảng Bình	4854	72A-826.96	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3855	73A-362.66	Quảng Bình	4855	72A-827.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3856	73A-363.00	Quảng Bình	4856	72A-829.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3857	73A-363.63	Quảng Bình	4857	72A-831.59	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3858	73A-364.86	Quảng Bình	4858	73A-351.39	Quảng Bình			
3859	74A-266.67	Quảng Trị	4859	73A-362.89	Quảng Bình			
3860	75A-376.39	Thừa Thiên Huế	4860	73A-364.39	Quảng Bình			
3861	75A-378.73	Thừa Thiên Huế	4861	74A-257.75	Quảng Trị			
3862	75A-379.69	Thừa Thiên Huế	4862	74A-260.89	Quảng Trị			
3863	75A-386.58	Thừa Thiên Huế	4863	74A-264.86	Quảng Trị			
3864	76A-304.88	Quảng Ngãi	4864	74A-270.86	Quảng Trị			
3865	76A-311.00	Quảng Ngãi	4865	74A-271.35	Quảng Trị			
3866	76A-312.68	Quảng Ngãi	4866	74A-275.35	Quảng Trị			
3867	76A-314.86	Quảng Ngãi	4867	75A-371.79	Thừa Thiên Huế			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3868	76A-315.15	Quảng Ngãi	4868	75A-378.77	Thừa Thiên Huế			
3869	76A-320.32	Quảng Ngãi	4869	75A-384.29	Thừa Thiên Huế			
3870	76A-322.39	Quảng Ngãi	4870	75A-385.89	Thừa Thiên Huế			
3871	77A-342.33	Bình Định	4871	76A-320.86	Quảng Ngãi			
3872	77A-342.55	Bình Định	4872	76A-323.69	Quảng Ngãi			
3873	77A-344.39	Bình Định	4873	77A-342.22	Bình Định			
3874	77A-344.45	Bình Định	4874	77A-342.34	Bình Định			
3875	78A-207.02	Phú Yên	4875	78A-206.79	Phú Yên			
3876	78A-209.69	Phú Yên	4876	78A-207.70	Phú Yên			
3877	78A-211.83	Phú Yên	4877	78A-207.77	Phú Yên			
3878	79A-544.11	Khánh Hòa	4878	79A-530.00	Khánh Hòa			
3879	79A-546.88	Khánh Hòa	4879	79A-542.28	Khánh Hòa			
3880	79A-547.68	Khánh Hòa	4880	79A-545.99	Khánh Hòa			
3881	79A-557.66	Khánh Hòa	4881	79A-549.89	Khánh Hòa			
3882	79A-563.00	Khánh Hòa	4882	79A-550.89	Khánh Hòa			
3883	79A-563.08	Khánh Hòa	4883	79A-551.79	Khánh Hòa			
3884	79A-563.55	Khánh Hòa	4884	79A-552.09	Khánh Hòa			
3885	79A-564.56	Khánh Hòa	4885	79A-556.85	Khánh Hòa			
3886	81A-404.40	Gia Lai	4886	79A-558.59	Khánh Hòa			
3887	81A-427.72	Gia Lai	4887	79A-560.39	Khánh Hòa			
3888	81A-442.39	Gia Lai	4888	79A-562.63	Khánh Hòa			
3889	81A-446.33	Gia Lai	4889	79A-562.95	Khánh Hòa			
3890	81A-447.68	Gia Lai	4890	79A-563.26	Khánh Hòa			
3891	81A-451.69	Gia Lai	4891	81A-428.77	Gia Lai			
3892	81A-451.86	Gia Lai	4892	81A-432.28	Gia Lai			
3893	82A-149.68	Kon Tum	4893	81A-435.77	Gia Lai			
3894	82A-149.69	Kon Tum	4894	81A-439.11	Gia Lai			
3895	82A-152.33	Kon Tum	4895	81A-443.18	Gia Lai			
3896	82A-154.89	Kon Tum	4896	82A-155.06	Kon Tum			
3897	82A-157.75	Kon Tum	4897	83A-188.00	Sóc Trăng			
3898	83A-189.00	Sóc Trăng	4898	83A-188.83	Sóc Trăng			
3899	83A-191.19	Sóc Trăng	4899	83A-192.79	Sóc Trăng			
3900	84A-141.59	Trà Vinh	4900	84A-135.69	Trà Vinh			
3901	84A-142.39	Trà Vinh	4901	84A-140.00	Trà Vinh			
3902	84A-145.19	Trà Vinh	4902	84A-140.04	Trà Vinh			
3903	84A-145.35	Trà Vinh	4903	84A-143.29	Trà Vinh			
3904	86A-304.79	Bình Thuận	4904	84A-143.69	Trà Vinh			
3905	86A-310.31	Bình Thuận	4905	84A-143.86	Trà Vinh			
3906	86A-310.33	Bình Thuận	4906	85A-141.86	Ninh Thuận			
3907	86A-313.09	Bình Thuận	4907	85A-144.66	Ninh Thuận			
3908	86A-317.22	Bình Thuận	4908	86A-312.11	Bình Thuận			
3909	86A-318.55	Bình Thuận	4909	86A-316.31	Bình Thuận			
3910	88A-703.66	Vĩnh Phúc	4910	86A-318.00	Bình Thuận			
3911	88A-706.60	Vĩnh Phúc	4911	86A-318.33	Bình Thuận			
3912	88A-718.81	Vĩnh Phúc	4912	88A-744.00	Vĩnh Phúc			
3913	88A-723.32	Vĩnh Phúc	4913	88A-754.86	Vĩnh Phúc			
3914	88A-744.86	Vĩnh Phúc	4914	88A-755.66	Vĩnh Phúc			
3915	88A-744.99	Vĩnh Phúc	4915	88A-757.44	Vĩnh Phúc			
3916	88A-754.66	Vĩnh Phúc	4916	88A-766.22	Vĩnh Phúc			
3917	88A-762.76	Vĩnh Phúc	4917	88A-767.80	Vĩnh Phúc			
3918	88A-774.39	Vĩnh Phúc	4918	88A-768.82	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3919	88A-777.04	Vĩnh Phúc	4919	88A-771.33	Vĩnh Phúc			
3920	89A-467.76	Hung Yên	4920	88A-772.86	Vĩnh Phúc			
3921	89A-478.86	Hung Yên	4921	88A-775.35	Vĩnh Phúc			
3922	89A-500.69	Hung Yên	4922	88A-775.76	Vĩnh Phúc			
3923	89A-505.68	Hung Yên	4923	88A-777.45	Vĩnh Phúc			
3924	89A-509.69	Hung Yên	4924	88A-787.22	Vĩnh Phúc			
3925	89A-509.79	Hung Yên	4925	89A-476.68	Hung Yên			
3926	89A-510.77	Hung Yên	4926	89A-482.82	Hung Yên			
3927	89A-513.79	Hung Yên	4927	89A-493.99	Hung Yên			
3928	89A-515.11	Hung Yên	4928	89A-500.11	Hung Yên			
3929	89A-517.86	Hung Yên	4929	89A-505.44	Hung Yên			
3930	89A-521.33	Hung Yên	4930	89A-508.39	Hung Yên			
3931	89A-529.35	Hung Yên	4931	89A-513.11	Hung Yên			
3932	89A-530.03	Hung Yên	4932	89A-519.93	Hung Yên			
3933	90A-260.60	Hà Nam	4933	89A-519.96	Hung Yên			
3934	90A-274.77	Hà Nam	4934	89A-527.55	Hung Yên			
3935	92A-404.40	Quảng Nam	4935	90A-265.86	Hà Nam			
3936	92A-406.06	Quảng Nam	4936	90A-267.99	Hà Nam			
3937	92A-407.39	Quảng Nam	4937	90A-274.89	Hà Nam			
3938	92A-420.99	Quảng Nam	4938	90A-275.79	Hà Nam			
3939	92A-422.25	Quảng Nam	4939	90A-277.55	Hà Nam			
3940	92A-426.55	Quảng Nam	4940	90A-282.35	Hà Nam			
3941	92A-427.15	Quảng Nam	4941	92A-400.77	Quảng Nam			
3942	93A-486.58	Bình Phước	4942	92A-416.16	Quảng Nam			
3943	93A-495.89	Bình Phước	4943	92A-419.76	Quảng Nam			
3944	93A-498.11	Bình Phước	4944	92A-419.98	Quảng Nam			
3945	93A-498.44	Bình Phước	4945	92A-422.86	Quảng Nam			
3946	93A-499.89	Bình Phước	4946	92A-426.58	Quảng Nam			
3947	93A-505.11	Bình Phước	4947	92A-430.39	Quảng Nam			
3948	94A-106.79	Bạc Liêu	4948	92A-430.44	Quảng Nam			
3949	95A-131.00	Hậu Giang	4949	93A-464.39	Bình Phước			
3950	95A-131.58	Hậu Giang	4950	93A-477.86	Bình Phước			
3951	95A-132.44	Hậu Giang	4951	93A-482.22	Bình Phước			
3952	95A-134.89	Hậu Giang	4952	93A-486.98	Bình Phước			
3953	98A-764.68	Bắc Giang	4953	93A-487.69	Bình Phước			
3954	98A-770.44	Bắc Giang	4954	93A-488.58	Bình Phước			
3955	98A-774.89	Bắc Giang	4955	93A-489.86	Bình Phước			
3956	98A-801.66	Bắc Giang	4956	93A-492.29	Bình Phước			
3957	98A-802.08	Bắc Giang	4957	93A-495.22	Bình Phước			
3958	98A-803.88	Bắc Giang	4958	93A-498.18	Bình Phước			
3959	98A-805.69	Bắc Giang	4959	93A-500.33	Bình Phước			
3960	98A-807.83	Bắc Giang	4960	95A-120.02	Hậu Giang			
3961	98A-809.80	Bắc Giang	4961	95A-130.69	Hậu Giang			
3962	98A-810.39	Bắc Giang	4962	95A-133.69	Hậu Giang			
3963	98A-811.79	Bắc Giang	4963	97A-093.66	Bắc Kạn			
3964	98A-813.14	Bắc Giang	4964	97A-094.86	Bắc Kạn			
3965	98A-814.77	Bắc Giang	4965	98A-744.77	Bắc Giang			
3966	98A-819.11	Bắc Giang	4966	98A-766.55	Bắc Giang			
3967	98A-829.92	Bắc Giang	4967	98A-780.99	Bắc Giang			
3968	98A-835.36	Bắc Giang	4968	98A-797.69	Bắc Giang			
3969	98A-835.53	Bắc Giang	4969	98A-801.96	Bắc Giang			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3970	98A-836.22	Bắc Giang	4970	98A-802.99	Bắc Giang			
3971	98A-837.37	Bắc Giang	4971	98A-803.66	Bắc Giang			
3972	98A-840.00	Bắc Giang	4972	98A-804.44	Bắc Giang			
3973	98A-849.79	Bắc Giang	4973	98A-804.99	Bắc Giang			
3974	98A-850.55	Bắc Giang	4974	98A-806.08	Bắc Giang			
3975	98A-850.83	Bắc Giang	4975	98A-807.44	Bắc Giang			
3976	98A-851.77	Bắc Giang	4976	98A-810.55	Bắc Giang			
3977	98A-854.15	Bắc Giang	4977	98A-812.69	Bắc Giang			
3978	98A-854.85	Bắc Giang	4978	98A-814.22	Bắc Giang			
3979	98A-855.53	Bắc Giang	4979	98A-819.76	Bắc Giang			
3980	99A-799.33	Bắc Ninh	4980	98A-823.00	Bắc Giang			
3981	99A-804.33	Bắc Ninh	4981	98A-826.89	Bắc Giang			
3982	99A-805.77	Bắc Ninh	4982	98A-831.89	Bắc Giang			
3983	99A-805.80	Bắc Ninh	4983	98A-834.34	Bắc Giang			
3984	99A-809.22	Bắc Ninh	4984	98A-845.46	Bắc Giang			
3985	99A-812.00	Bắc Ninh	4985	98A-846.22	Bắc Giang			
3986	99A-814.18	Bắc Ninh	4986	98A-847.39	Bắc Giang			
3987	99A-817.68	Bắc Ninh	4987	98A-849.39	Bắc Giang			
3988	99A-818.96	Bắc Ninh	4988	98A-849.49	Bắc Giang			
3989	99A-819.09	Bắc Ninh	4989	98A-849.68	Bắc Giang			
3990	99A-819.77	Bắc Ninh	4990	98A-853.22	Bắc Giang			
3991	99A-820.11	Bắc Ninh	4991	98A-854.79	Bắc Giang			
3992	99A-821.12	Bắc Ninh	4992	98A-856.58	Bắc Giang			
3993	99A-823.22	Bắc Ninh	4993	99A-777.05	Bắc Ninh			
3994	99A-829.82	Bắc Ninh	4994	99A-801.85	Bắc Ninh			
3995	99A-832.33	Bắc Ninh	4995	99A-806.08	Bắc Ninh			
3996	99A-837.00	Bắc Ninh	4996	99A-821.21	Bắc Ninh			
3997	99A-844.55	Bắc Ninh	4997	99A-821.26	Bắc Ninh			
3998	99A-845.69	Bắc Ninh	4998	99A-825.52	Bắc Ninh			
3999	99A-847.11	Bắc Ninh	4999	99A-832.66	Bắc Ninh			
4000	99A-847.89	Bắc Ninh	5000	99A-837.66	Bắc Ninh			